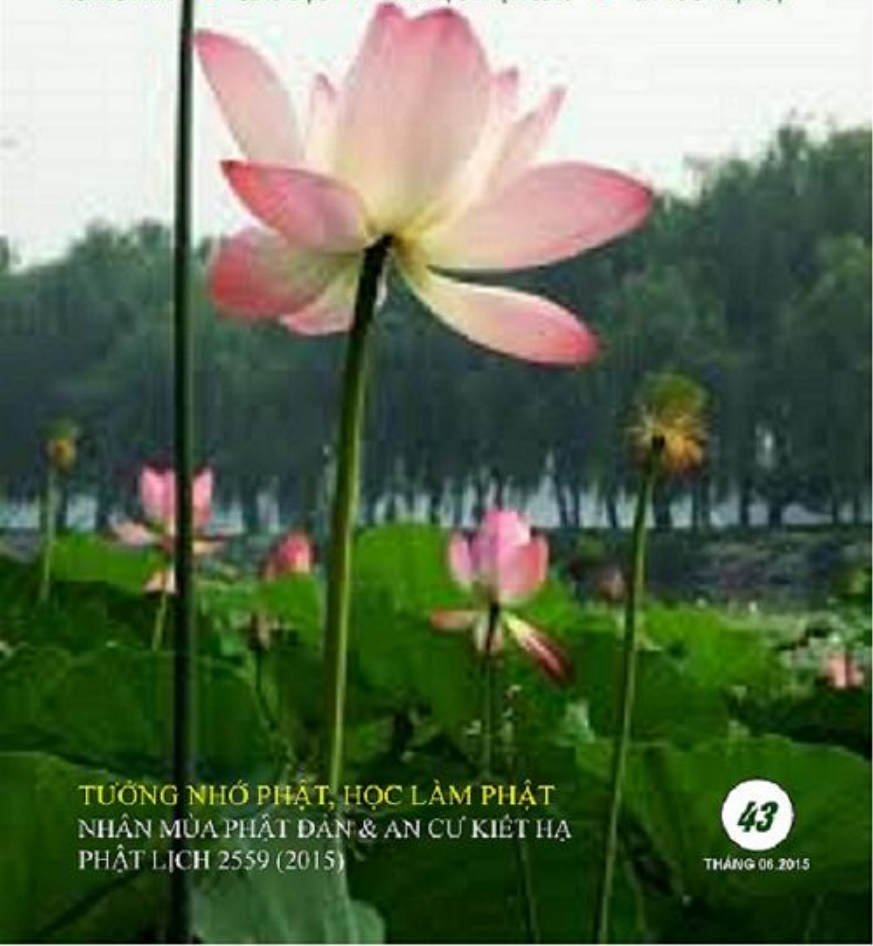


Nguyệt san



CHÁNH PHÁP

HOẢNG PHÁP ■ GIÁO DỤC ■ VĂN HỌC PHẬT GIÁO ■ TIN TỨC PHẬT SỰ



TƯỞNG NHỚ PHẬT, HỌC LÀM PHẬT
NHÂN MÙA PHẬT ĐẢN & AN CỬ KIẾT HẠ
PHẬT LỊCH 2559 (2015)

43

THÁNG 06.2015



Chủ nhiệm: HT. Thích Nguyên Trí
Trị sự: ĐĐ. Thích Thánh Thanh
Thư ký: ĐĐ. Thích Đồng Thiện
Thủ quỹ: Ni sư Thích Diệu Tánh

Chủ bút: **Vĩnh Hào**
 Với sự cộng tác của chư tôn đức Tăng Ni và văn thi hữu tán đồng chủ trương của Chánh Pháp.

Trình bày: **Tâm Quang**
Hình bìa: **flowerpicturegallery.com**

LIÊN LẠC:

- Bài vở: baivochanhphap@gmail.com
- Quảng cáo/Phát hành:

(714) 638-0989

Trải hơn 25 thế kỷ, Chánh Pháp của Phật vẫn được tuyên dương và lưu truyền bởi hàng đệ tử xuất gia lẫn tại gia, đem lại giải thoát và giác ngộ cho những ai học hỏi và thực hành đúng đắn. Chánh Pháp ấy là thuốc hay, nhưng bệnh mà không uống thì chẳng phải là lỗi của thuốc. Trong kinh Di Giáo, đức Phật cũng ân cần huấn thị lần chót bằng những lời cảm động như sau: "Thể hiện lòng đại bi, Như Lai đã nói Chánh Pháp ích lợi một cách cứu cánh. Các thầy chỉ còn nỗ lực mà thực hành... Hãy tự cố gắng một cách thường trực, tinh tiến mà tu tập, đừng để đời mình trôi qua một cách vô ích, và sau này sẽ phải lo sợ hối hận."

Báo Chánh Pháp có mặt để góp phần giới thiệu đạo Phật đến với mọi người. Ước mong pháp mầu của Phật sẽ được lưu chuyển qua những trang báo nhỏ này, mỗi người sẽ tùy theo căn tánh và nhân duyên mà tiếp nhận hương vị.

www.chanhphap.net
www.chanhphap.org
www.chanhphap.us

Chi phiếu ủng hộ xin ghi:

CHANH PHÁP
11502 Daniel Ave.
Garden Grove, CA 92840

NỘI DUNG SỐ NÀY:

- ♦ **THƯ TÒA SOẠN**, trang 2
- ♦ **TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI** (Diệu Âm lược dịch), trang 3
- ♦ **TÙNG TRIỀU TRIỆT NGỘ CẢM TÁC** (thơ chữ Hán ĐNT Tín Nghĩa – Lam Nguyên dịch), trang 8
- ♦ **NHƯ BÓNG CẦU** (thơ Kiều Mộng Hà), trang 8
- ♦ **HƯƠNG VỆ NHÂN GIAN THỐNG KHÓ** (HT. Thích Thắng Hoan), trang 9
- ♦ **CHIẾU NIỆM NEPAL, CÙNG CHIA SẺ VỚI NEPAL** (thơ Nguyễn Lương Vy, Thích Viên Thành), trang 10
- ♦ **THÔNG TƯ CỨU TRỢ NẠN NHÂN ĐỘNG ĐẤT NEPAL**, trang 11
- ♦ **DANH TƯỚNG** (Thích Thái Hòa), tr. 12
- ♦ **TÌNH CHUNG MỘT KHÚC PHIÊU CA** (thơ Phù Du), trang 14
- ♦ **CHÍN ĐỨC CỦA NGUYỄN BỐ THÍ** (Thích Quảng Tánh), trang 15
- ♦ **THÔNG BÁO: KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN V (2015)**, trang 16
- ♦ **THỂ HIỆN LÒNG TỪ: CÙNG DƯỠNG PHẬT ĐẢN** (HT. Th. Nguyên Trí), tr. 17
- ♦ **THƯ MỜI THAM DỰ NGÀY VỀ NGUỒN LẦN THỨ 9 TẠI PHÁP** (GHPGVNTN Âu châu), trang 18
- ♦ **THẤY PHẬT, THÁP PHÁP** (Thích Hạnh Bình) trang 19
- ♦ **GIÁ TRỊ CỦA PHẬT GIÁO...** (Ht. Thích Trí Chơn dịch), trang 21
- ♦ **CHÂN DUNG NGƯỜI MẸ** (thơ Ấn Kiên), trang 22
- ♦ **LUYỆN ÁI VÀ HẬN THÙ...** (Lâm Thanh Huyền – Minh Chi dịch), trang 23
- ♦ **SỰ TRANH CẢI VỀ KỶ THỊ GIỚI TÍNH TRONG TĂNG ĐOÀN PG** (TN Tịnh Quang dịch), trang 24
- ♦ **CÙNG HOA** (Thị Giới) trang 28
- ♦ **NGHIỆP, NGUYÊN NHÂN, MỘT MAI** (thơ Xuyên Trà), trang 29
- ♦ **SÓNG NHƯ PHẬT** (TN Trí Hải dịch), trang 30
- ♦ **AN LẠC HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI – Câu chuyện dưới cờ** (Nhóm Áo Lam), trang 32
- ♦ **TÂM XÃ – Phật Pháp thứ Năm** (Nhóm Áo Lam), trang 33
- ♦ **KIỆN THỦ – Lá thư đầu tuần** (GDPTVN Trên Thế Giới), trang 34
- ♦ **LỤC BÁT BA CÂU** (thơ Tâm Thường Định), trang 34
- ♦ **THIỆN PHẢI VÔ NGÔN THÔNG** (Nguyễn Lang), trang 35
- ♦ **ƠN, TIẾNG VỌNG, MƯA ĐÊM** (thơ Mỹ Huyền), trang 39
- ♦ **PHẬT GIÁO THÁI LAN NHÌN LẠI 50 NĂM** (Nguyễn Giác), trang 40
- ♦ **CON GÁI, TÌNH, RONG RÊU...** (thơ Du Tâm Lăng Từ), trang 42
- ♦ **CHIẾC ÁO CŨ** (Minh Đức Triều Tâm Ảnh) trang 48
- ♦ **BẾN ĐỜI TỪ SINH** (thơ Huệ Bảo), trang 51
- ♦ **VI KHUẨN QUANH TA** (Bs. Nguyễn Ý Đức), trang 52
- ♦ **ĐIỀU GÌ XẢY RA KHI CHÚNG TA CHẾT?** (Huỳnh Kim Quang dịch), trang 54
- ♦ **HẸN TÌNH VÔ LƯỢNG** (thơ Lê Phương Châu) trang 55
- ♦ **NẤU CHAY: ĐẬU HŨ CUỐN CHAY** (Kim), trang 57
- ♦ **CHIM HÓT BÊN KHUNG CỬA** (TN Giới Định), trang 58
- ♦ **TẠI SAO PHẢI NIỆM PHẬT?** (Thích Minh Chiêu soạn), trang 59
- ♦ **TRUYỆN NGẮN TRĂM CHỮ** (Steven N), trang 60
- ♦ **STORY OF THE BRIDE** (Daw Mya Tin), trang 61
- ♦ **CON ĐƯỜNG NÀO KHÔNG CHÔNG GAI THỦ THÁCH** (Thanh Thi), tr. 64
- ♦ **DƯỚI MỘT CỘI TÙNG** (thơ Lý Thừa Nghiệp), trang 65
- ♦ **PHƯƠNG TRỜI CAO RỘNG – chương 3 tt** (Vĩnh Hào), trang 66
- ♦ **LỄ HỘI PHẬT ĐẢN TẠI NAM CALIFORNIA** (Bình Sa), trang 70
- ♦ **ĐÀ LẠT** (thơ Diệu Đức), trang 73

Báo Chánh Pháp số 43, tháng 06.2015, do Tổ đình Minh Đăng Quang (California) và Brodard Chateau, Brodard Restaurant & Bamboo Bistro ủng hộ ấn phí. Kính nguyện quý tự và chư phật-tử được hưng long, an lạc để hoằng truyền và hộ trì Phật Pháp.



Thư Tòa Soạn

HỌC LÀM PHẬT

Đối với tôn giáo độc thần, thần linh là tối thượng và độc nhất, tin đồ không thể nào có thể trở thành thần linh; trong khi đối với Phật giáo, Phật là một bậc thầy, là biểu tượng của giải thoát - giác ngộ, là biểu tượng cho phẩm tính toàn thiện tiềm tàng nơi mỗi chúng sanh; kẻ nào thực hành đúng chánh pháp (con đường mà bậc giác ngộ đã kinh qua), cũng đều có thể thành Phật.

Quan điểm ấy của Phật giáo, về mặt xã hội, mặc nhiên phủ nhận sự phân chia giai cấp bất bình đẳng giữa giới cầm quyền và nhân dân, giữa tầng lữ và tín đồ, giữa giới giàu có và thành phần nghèo cùng, giữa tầng lớp trí thức và quần chúng bình dân, giữa nam phái và nữ giới...

Về mặt tâm linh, tinh thần, Phật giáo phủ nhận uy quyền tối thượng của thần linh, của các đấng chúa tể ở cõi người hay cõi trời (mà đối với tín ngưỡng dân gian Ấn-độ thời ấy, Phạm Thiên là một); đồng thời nâng cao phẩm giá con người, đặt vị thế con người ngang tầm hoặc vượt hơn thần linh - nếu con người ấy có thể thành tựu tuệ giác giải thoát, trở thành toàn thiện như một vị Phật.

Để trở nên toàn thiện, Đức Phật dạy rất đơn giản: “*Đừng làm các việc xấu-ác, hãy làm các điều tốt-lành, giữ gìn tâm ý trong sạch.*” Đơn giản nhưng không dễ thực hiện, nhất là đối với tâm-ý, là cái vô hình, khó kiểm soát, khó nhận biết. Hơn nữa, cũng cần phải biết thế nào là đúng nghĩa xấu, ác, tốt, lành.

Hãy lắng nghe lời Thầy-Tổ nói, minh bạch và ấn tượng hơn: “*Nói lời Phật nói, nghĩ điều Phật nghĩ, làm điều Phật làm.*” Lời này nghe qua cũng đơn giản, bổ túc cho lời Phật nói trên, nhưng vẫn cần phải giải thích, cần hiểu rõ những điều Phật nói, làm và nghĩ. Thật khó mà biết được điều đó. Nhưng ít ra, áp dụng vào thực tế, khi nói ra điều gì, hãy cân nhắc xem một vị Phật có nói như thế không; khi làm một điều gì, hãy suy xét xem Phật có thể làm việc ấy không; khi khởi lên một ý nghĩ, hãy tự nghiệm rằng một vị Phật có suy nghĩ như thế không. Ý nghĩ, lời nói và hành động nếu bị dẫn dắt bởi vô minh, tham ái, sân hận thì đều không phải là của Phật. Học làm Phật thì nên học như thế. Nghĩa là không nói, làm, và nghĩ những gì không tương hợp với phẩm tính Phật có sẵn của

minh. Nhưng mỗi người chúng ta vốn quen đắm nhiễm trong trần tục, có thể nào làm được như Phật và có khả năng để được toàn thiện như Phật chăng?

Nghi vấn này đưa ta trở về với tiền đề đã nêu: tất cả chúng sanh đều tiềm tàng phẩm tính toàn thiện của Phật. Nếu không có sẵn phẩm tính ấy, dù trải vô lượng kiếp thực hành chánh pháp, chúng sanh cũng sẽ không bao giờ thành Phật. Vậy, điều tiên quyết của người học làm Phật là phải xác tín rằng tất cả chúng sanh đều hàm hữu trí tuệ và phẩm tính của Như Lai. Hãy cùng đọc một đoạn kinh để kiên định niềm tin tưởng nơi khả năng thành tựu sự toàn thiện của tất cả chúng ta:

“Bấy giờ Đức Thế Tôn nghe bài kệ khuyến thỉnh của Đại Phạm vương, vì chúng sinh khởi lòng từ bi, quán sát trong thế gian, dùng Phật nhãn quán sát rồi, thấy có chúng sinh sinh ra và lớn lên trong thế gian: Có kẻ thông minh, có kẻ đần độn. Những chúng sinh như vậy, có người dễ thành tựu đạo quả, có người thấy tất cả tội khổ đời vị lai, nên sợ sệt không dám phóng dật, thì ở đời vị lai cũng có thể thành đạo. Ví như có ao sen xanh, ao sen hồng, ao sen trắng và ao sen trắng lớn, trong đó có các loại hoa: hoặc xanh, hoặc hồng, hoặc trắng, hoặc hoa trắng lớn, từ dưới đất mọc lên chưa ra khỏi nước còn chìm trong nước chưa xuất hiện, cần bốn đại hòa hợp nuôi dưỡng, rồi sau đó mới ngoi lên khỏi mặt nước. Hoặc có những hoa sen xanh, hoa sen trắng... lên ngang mặt nước. Hoặc có những hoa sen xanh, hoa sen trắng... nở vượt lên trên mặt nước, không còn dính nước...” ()*

Đoạn kinh mô tả thế giới chúng sinh bằng hình ảnh đầy màu sắc, đẹp đẽ và thơ mộng, qua đó, tất cả ao sen lớn hay nhỏ, tất cả sen xanh, sen hồng, sen vàng, sen trắng, lớn hay nhỏ... đều có chung phẩm cách của sen, và đều có thể vươn lên khỏi vũng lầy thông khổ của trần gian.

(*) Kinh Phật Bản Hạnh Tập, quyển 33, phẩm 36, phần 2, Phạm Thiên Khuyến Thỉnh; nguyên tác Hán ngữ của Tam Tạng Pháp Sư Xà-na-quật-đa, bản dịch của Linh Sơn Pháp Bảo Đại Tạng Kinh (trích nguồn: tangthupathoc.net)

TIN TỨC PHẬT GIÁO THẾ GIỚI

DIỆU ÂM lược dịch

NHÂN VẬT / SỰ KIỆN

ẤN ĐỘ: Khôi phục Đại Bảo tháp tại huyện Khammam, Andhra Pradesh

Đại Bảo tháp Phật giáo cổ xưa Nelakondapalli ở huyện Khammam đang ở giai đoạn cuối của việc tu sửa.

Với kinh phí khoảng 6 triệu Rupee, Cục Khảo cổ học và Bảo tàng đã thực hiện công việc để Đại Bảo tháp khôi phục lại vinh quang ban đầu và để bảo tồn kiến trúc cổ xưa này cho hậu thế.

Di tích Phật giáo này, tọa lạc cách thị trấn Khammam khoảng 22 km, là một trong những điểm đến du lịch nổi tiếng nhất của bang Andhra Pradesh.

Đại Bảo tháp đồ sộ, vốn đã tồn tại qua nhiều thế kỷ của sự hao mòn, đang được tu sửa sau khi cư dân và các sử gia địa phương nhiều lần cầu xin để bảo tồn di tích lịch sử có tầm quan trọng lớn lao về khảo cổ học này.

Cục khảo cổ học cho biết loại gạch đặc biệt được đặt làm cũng như các vật chất kết nối tự nhiên đã được sử dụng để tăng cường cho cấu trúc của Đại Bảo tháp.

(bignewsnetwork – April 18, 2015)



Các quan chức Cục Khảo cổ tại Đại Bảo tháp đang được tu sửa
Photo: G.N. Rao

THỤY ĐIỂN: Tượng Phật từ tay người Viking

Tháng trước, ngành Bưu điện Thụy Điển đã phát hành một con tem miêu tả Đức Phật ngồi trên

tòa sen như một phần của loạt kỷ niệm Kỷ nguyên của người Viking. Đây là hình minh họa của một tượng Phật nhỏ bằng đồng, được các nhà khảo cổ học tìm thấy tại một thị trấn nhỏ của Thụy Điển vào năm 1954. Họ đã xác định tượng này có niên đại thế kỷ thứ 5, nhiều khả năng đến từ Kashmir, bắc Ấn Độ.

Các dây da trên tượng chứng tỏ tượng được đeo như một bùa hộ thân bởi các thương nhân. Các sử gia đưa ra giả thuyết rằng tượng Phật này được mang theo qua hàng nghìn dặm, ngược xuôi các dòng sông và các thảo nguyên Âu Á, trước khi đến một ngôi nhà người Viking ở Thụy Điển, có lẽ là sau hai hoặc ba trăm năm du hành.

Ngày nay, tượng này, được trưng bày tại Viện Bảo tàng Lịch sử Thụy Điển, được xem là phát hiện nổi tiếng và đáng chú ý nhất của viện, do đó đã nhận được sự tôn vinh đặc biệt qua việc xuất hiện trên một con tem.

(Lion's Roar – April 18, 2015)



Tem của Thụy Điển minh họa tượng Phật bằng đồng từng thuộc về người Viking—Photo: Viện Bảo tàng Lịch sử Thụy Điển

HOA KỲ: Chư ni xây dựng tu viện làm bằng rơm

Escondido, California – Một nhóm nữ tu sĩ Phật giáo của Ni viện Lộc Uyển đang xây dựng tu viện độc đáo của mình. Đó là những ngôi nhà làm bằng rơm vốn thực sự tạo được sự bảo vệ chống cháy tốt hơn.

Ni viện Lộc Uyển được biết đến như là 'đại ẩn sơn' – là một khu bảo tồn rộng 400 mẫu Anh, thu hút hàng nghìn người từ



khắp thế giới đến thực hành lối sống chánh niệm.

Tu viện đã mua lại một khu giải trí bỏ hoang vào năm 2000, và chư ni hiện đang sống trong những cái lều đồ nát còn sót lại tại đây.

Tất cả những ngôi nhà mới đang xây dựng đều làm bằng những kiện rơm – là phế phẩm nông nghiệp dồi dào từ việc sản xuất thóc lúa. Và thay cho bê tông, họ sử dụng đất sét và bùn để trát vữa tường.

Theo phân tích kỹ thuật, những nhà rơm này ấm vào mùa đông và mát vào mùa hè; nhà rơm sẽ cháy trong 3 giờ so với nhà khung gỗ là một giờ, do kiện rơm được nén chặt nên không bốc cháy vì không có nguồn không khí.

Những người dân đến đây hành thiền đã cúng dường tiền và dành thời gian để giúp xây ni viện mới này. Trong nhiều kỳ cuối tuần, họ đã khuân và xén hàng trăm kiện rơm trước khi sắp xếp chúng vào đúng vị trí.

Dự án nhà rơm này cũng dành một ngôi nhà cho Thiền sư của tu viện, Thầy Thích Nhất Hạnh, là người trước đây đã từng đến thăm tu viện Lộc Uyển của Escondido này.

(NewsNow – April 18, 2015)



Chư ni xây nhà làm bằng rơm
Photo: Robert Santos

TÍCH LAN: Hội nghị tôn giáo quốc tế được tổ chức tại trường Đại học Phật giáo và Pali của Tích Lan

Trường Đại học Phật giáo và Pali của Tích Lan sẽ tổ chức Hội nghị Quốc tế về Lòng Khoan dung và Sự Hòa hợp Tôn giáo, diễn ra trong 2 ngày (22 và 23-4-2015) tại khán phòng chính của trường đại học này ở Homagama.

Đại hội được tổ chức bởi Khoa Nghiên cứu Tôn giáo và Triết học So sánh, Công đoàn và Hội Sinh viên của trường Đại học Phật giáo và Pali, với sự tài trợ của Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Tích Lan.

Nhiều vị chức sắc tôn giáo và chính khách từ các nước sẽ là khách mời đặc biệt và khách mời danh dự của sự kiện này.

Chủ tịch danh dự của Liên minh Tôn giáo là Mục sư-Tiến sĩ Welton Gaddy của Hoa Kỳ sẽ trình bày bài thuyết trình chính trong hội nghị.

(Colombo Page - April 20, 2015)
Biểu trưng của Hội nghị Quốc tế về



Lòng Khoan dung và sự Hòa hợp Tôn giáo 2015
Photo: Colombo Page

MÃ LAI: Trường Phật giáo chuyển sang thời đại kỹ thuật số

Kuala Lumpur - Trường Đạo pháp Chủ nhật của Phật viện Đại tịnh xá tại Brickfields mỗi tuần có 500 học viên theo học giáo lý nhà Phật.

Thượng tọa K.Siri Dhamma, hiệu trưởng của trường, là người đứng đầu 120 giáo viên tình nguyện, nói rằng trường sẽ trải qua nhiều thay đổi hơn trong thời đại kỹ thuật số này.

Thượng tọa tự hào về một trong những sản phẩm của viện, có tên gọi là Sư Trụ trì và Trẻ Mồ côi, một loạt phim hoạt hình 3D được sử dụng để dạy trẻ em đang theo học tại trường.

Ông Vijaya Samarawickrama, người hướng dẫn giáo trình đổi mới này, cho biết giáo trình đã được dịch sang tiếng Anh đơn giản hơn. Nhưng nó vẫn sẽ giữ 3 yếu tố quan trọng - những câu chuyện thú vị, các kỹ năng sống và những ví dụ về cách thực hành giáo lý trong cuộc sống hàng ngày, ông nói. Được trù mến gọi là Bác Vijaya, ông nói nhóm của mình đang trong giai đoạn hiện thực hóa các sách giáo khoa thông qua các nền tảng kỹ thuật số. Ông nói, "Chúng tôi đang xem những sách giáo khoa mà có thể hướng dẫn trẻ em đến với các nguồn về Phật giáo trên Internet".

(tipitaka.net - April 21, 2015)



Thượng tọa K.Siri Dhamma (bên phải) và ông Vijaya Samarawickrama—Photo: Adrian Chan

HOA KỲ: Trường Đại học Soka bồi dưỡng giáo dục thể tục dựa trên các đạo lý Phật giáo

Trường Đại học Soka Hoa Kỳ (SUA) - một tổ chức giáo dục theo nền móng Phật giáo - nuôi dưỡng hòa bình và nhân quyền cũng như cung cấp một nền giáo dục tiêu chuẩn quốc tế cho sinh viên từ khắp nơi trên thế giới. Trường được thành lập bởi Soka Gakkai, một tổ chức Phật giáo thể tục dựa trên Phật pháp Nhật Liên Tông do Tsunesaburo Makiguchi sáng lập tại Nhật Bản vào những năm đầu của Thế chiến II. Tuy có di sản Phật giáo của mình nhưng chương trình giảng dạy của trường là hoàn toàn thể tục.

Khánh thành vào năm 2001, đây là trường đại học và sau đại học tư nhân, phi lợi nhuận về nghệ thuật tự do với khóa học 4 năm. Trường tọa lạc trên 103 mẫu Anh tại thành phố Aliso Viejo ở phía nam Quận Cam, California.

Mặc dù dựa vào các nguyên lý Phật giáo, SUA mở rộng đối với sinh viên Mỹ và quốc tế của tất cả các tín ngưỡng, và tôn trọng sự đa dạng trong cộng đồng giáo dục của trường. Trong chưa đầy 15 năm, SUA đã trở thành một trong 50 trường đại học nghệ thuật tự do hàng đầu đất nước.

(Buddhist Door - April 23, 2015)



Lễ tốt nghiệp Khóa 2007 của trường Đại học Soka



Trường Đại học Soka Hoa Kỳ
Photos: daisakuikeda.org & facebook.com

ẤN ĐỘ: Tổng Giám mục Tutu của Nam Phi dự tiệc sinh nhật của Đức Đạt lai Lạt ma

Dharamsala, Ấn Độ - Desmond Tutu, Tổng Giám mục của Nam Phi, đã đến Dharamsala để xúc tiến cuốn sách mà ông và Đức Đạt lai Lạt ma đang hợp tác. Trong dịp này, ông đã dự tiệc sinh nhật lần thứ 80 của Đức Đạt lai Lạt ma, được tổ chức tại trường Làng Trẻ em Tây Tạng vào ngày 23-4-2015.

Hàng nghìn người Tây Tạng, tăng ni và du khách đã tập trung để theo dõi hai vị lãnh đạo tinh thần nổi chuyện với các học sinh và trả lời những câu hỏi của các em.

Đây là một trong những chương trình được lên kế hoạch

để mừng sinh nhật thứ 80 của vị lãnh đạo tinh thần Tây Tạng. Mặc dù năm nay ngày sinh của Đức Đạt lai Lạt ma nhằm ngày 6 tháng 7, nhưng các lễ hội đã bắt đầu.

Khi chiếc bánh sinh nhật được mang ra cho Đức Đạt lai Lạt ma, khán giả cùng hát Happy Birthday chúc mừng ngài, và tổng giám mục Tutu đã mời 2 học sinh thổi nến.

Đây là lần thứ hai ông Tutu viếng Dharamsala – trụ sở của chính phủ Tây Tạng lưu vong. Chuyến thăm nơi này lần đầu tiên của ông là vào tháng 2-2012, ngay sau khi chính phủ Nam Phi do sức ép của Trung quốc đã từ chối cấp thị thực cho Đức Đạt lai Lạt ma để ngài sang dự lễ sinh nhật lần thứ 80 của chính ông Tutu.

(Scroll.in – April 24, 2015)



Hai người bạn cao tuổi: Đức Đạt lai Lạt ma và Tổng Giám mục Tutu



Quang cảnh lễ mừng sinh nhật thứ 80 của Đức Đạt lai Lạt ma tại Dharamsala



*Bánh sinh nhật mừng Đức Đạt lai Lạt ma 80 tuổi
Photos: Abhishek Madhukar*

AFGHANISTAN: Các nhà làm phim phát động chiến dịch "Cứu lấy Mes Aynak" cho di tích Phật giáo của Afghanistan

Các nhà làm phim đang phát động một chiến dịch gây quỹ để cứu Mes Aynak – một di tích khảo cổ Phật giáo tại Afghanistan – nhằm tăng áp lực quốc tế đối với một công ty khai thác mỏ nhà nước của Trung quốc, chính phủ Afghanistan và UNESCO.

Chiến dịch "Cứu Mes Aynak" phát động vào ngày 27-4-2015 có mục tiêu gây quỹ \$50,000, và 10% tiền quỹ gây được sẽ trực tiếp tài trợ cho các nhà khảo cổ đang bảo quản di tích nói trên.

Phim "Cứu Mes Aynak" đã chiếu ra mắt trên thế giới vào tháng 11 năm ngoái tại liên hoan phim IDFA, và trình chiếu tại Hoa Kỳ trong Liên hoan Phim Tài liệu Mỹ và Liên hoan Chuyên đề Phim Tài liệu.

Mes Aynak bao gồm mộ đồng lớn nhất của Afghanistan và hơn 400 tượng Phật, các bảo tháp và một khu phức hợp tu viện rộng 100 mẫu Anh. Các nhà khảo cổ đang bắt đầu tìm thấy những tàn tích của một di tích Thời đại Đồ đồng 5,000 năm tuổi bên dưới tầng di tích Phật giáo này.

Họ cũng hy vọng đơn của tổ chức Change có thêm chữ ký để yêu cầu Tổng thống của Afghanistan cứu Mes Aynak khỏi sự hủy diệt thông qua việc chỉ định di tích này là di sản thế giới UNESCO.

(Variety – April 27, 2015)



*Ghi hình công tác khảo cổ tại Mes Aynak
Photo: SavingMesAynak.com*

NEPAL: Thư chia buồn của Đức Đạt lai Lạt ma gửi Thủ tướng Nepal sau trận động đất kinh hoàng

Khi trận động đất tàn phá nghiêm trọng Nepal khiến hàng nghìn người thiệt mạng, vị lãnh đạo tinh thần Tây Tạng Đạt lai Lạt ma đã bày tỏ sự đau buồn về sự việc bi thảm này.

Trong một bức thư ngỏ gửi đến Thủ tướng Nepal Sushil

Koirala, Đức Đạt lai Lạt ma nói, "Nhân dân Nepal và Tây Tạng là những láng giềng trong suốt lịch sử, và nhiều người tị nạn Tây Tạng đang sống tại Nepal".

"Tôi xin gửi lời chia buồn của tôi đến ngài và những người đã mất các thành viên của gia đình, bạn bè và nhà cửa trong thảm kịch này...Như một biểu hiện của tình đoàn kết với người dân Nepal, tôi đã yêu cầu Quý Đạt lai Lạt ma đóng góp cho các nỗ lực cứu hộ và cứu trợ".

Thủ tướng chính phủ Tây Tạng lưu vong Lobsang Sangay nói, "Vào thời điểm đen tối và đau đớn này, ngôn từ không truyền đạt hết được cảm nhận sâu sắc của chúng tôi đối với những người bị ảnh hưởng tại Nepal, Tây Tạng và Ấn Độ".

(IndiaToday.in – April 27, 2015)



Người dân hỏa táng tập thể các nạn nhân trận động đất tại Kathmandu, Nepal—Photo:AFP



*Bảo tháp Bouhanath bị hư hại do động đất
Photo: Phayul*

HÀN QUỐC: Lễ hội Phật giáo Yeondeunghoe dành cho mọi người

Lễ hội Đèn lồng Hoa sen, hay là Yeondeunghoe, sẽ diễn ra từ ngày 15 đến 17-5-2015, bao gồm một lễ rước đèn lồng và các sự kiện văn hóa truyền thống để mừng Ngày Phật Đản, năm nay nhằm ngày 25-5.

Không giống như hầu hết các lễ hội có mục đích thương mại, Lễ hội Đèn lồng Hoa sen hướng đến ý nghĩa chia sẻ cùng nhau.

Những đèn lồng thắp sáng trong lễ hội sẽ được tặng miễn phí cho những người tham gia. Người đi xem lễ hội cũng có thể học miễn phí cách làm những bông hoa nhân tạo.

Người dân được thưởng lãm các cuộc trình diễn như là Aoulim Madang, với những người tham gia mặc trang phục truyền thống Hàn quốc tập trung lại vào ngày thứ hai của lễ hội, và chiêm ngưỡng lễ Rước Đèn lồng, với 100,000 đèn lồng hoa sen tỏa sáng.

Trong thực tế, Lễ hội Đèn lồng hoa sen cung cấp những dịch vụ đặc biệt dành riêng cho người nước ngoài, làm cho sự kiện này đến được với mọi người, không phân biệt tôn giáo hay quốc tịch.

Ngoài ra, một số chương trình lễ hội tạo cơ hội cho du khách và cư dân ngoại quốc được tìm hiểu về văn hóa Hàn quốc. Trong số đó có Sự kiện Văn hóa Truyền thống mà người tham gia có thể ngắm hàng trăm đèn lồng trưng bày trước Chùa Jogye (Seoul) và chơi các trò chơi dân gian truyền thống Hàn quốc.

(Korea JoongAng Daily – May 9, 2015)

Hình ảnh Lễ hội Đèn lồng Hoa sen ở Hàn quốc năm 2014:



Các loại đèn lồng được trưng bày tại công viên Ujeong ở quận Jongno, trung tâm Seoul



Những người đi dự lễ hội cầm những đèn lồng được phân phát



*100,000 đèn lồng tỏa sáng
Photos: JoongAng Iblo*

ĐỨC: Hội thảo về Ngày Phật Đản tại Berlin

Đại sứ quán Tích Lan phối hợp với Bảo tàng Nghệ thuật Á châu của Bảo tàng Nhà nước Đức tại Bâ Linh cùng với cộng đồng Tích Lan đã tổ chức lễ kỷ niệm Ngày Phật Đản vào ngày 6-5-2015.

Giáo sư Tiến sĩ Klaas Ruitanbeek, Giám đốc Bảo tàng Á châu đã chào đón những người tham gia và giải thích tầm quan trọng và sự liên quan của sự kiện này đối với Bảo tàng Á châu, nơi trưng bày nhiều hiện vật Phật giáo trong triển lãm thường trực của mình.

Các diễn giả bao gồm Giáo sư Eli Franco (từ trường Đại học Leipzig), Dharmachari Amoghachari (chủ tịch tổ chức Phật giáo Buddhistches Tor ở Berlin) và Bà Sylvia Wetzel (chủ bút tạp chí Phật giáo Đức "Lotusblatter") đã lần lượt thuyết trình về "Chương trình giảng dạy triết học của các trường Đại học Tu viện Phật giáo vào thời Trung cổ", giới thiệu về lời giáo huấn của Đức Phật, và thuyết trình về giáo lý nhà Phật ứng dụng được ra sao trong cuộc sống hiện đại.

Trong phần kết luận, Đại sứ Tích Lan tại Đức Karunatilaka Amunugama phát biểu rằng Đại sứ quán đồng tổ chức sự kiện này để tạo cơ hội cho Phật tử và những người không định kiến tại Đức tìm hiểu những khía cạnh triết học Phật giáo và lời dạy của

Đức Phật, và Đại sứ quán muốn đảm nhận vai trò hướng dẫn để tổ chức những cuộc thảo luận trí tuệ tương tự trong tương lai.

(Asiantribune.com – May 9, 2015)



*Quang cảnh Hội thảo về ngày Phật Đản tại Bảo tàng Á châu, Berlin
Photo: Asian Tribune*



ÚC: Khánh thành giảng đường mới của Tu viện Đức Phật Giác ngộ

Vào ngày 26-4-2015, Tu viện Đức Phật Giác ngộ (BBM) ở Warburton East (phía đông Melbourne) đã khánh thành Chợ Luân Đường mới hoàn thành, với một buổi lễ và việc tôn trí xá lợi Đức Phật vào bên trong pho tượng chính. Buổi lễ được chủ trì bởi Hòa thượng Phra Thep Pariyattimangala đến từ Thái Lan.

BBM đã tổ chức khóa tu 2-ngày cho sự kiện này, bắt đầu vào tối ngày 24-4. Và trong buổi lễ chính (26-4) Hòa thượng Phra Thep Pariyattimangala đã có bài Pháp giảng rất chi tiết, sau đó là nghi thức đi vòng quanh pho tượng Phật.

BBM được thành lập vào năm 2001, là một Trung tâm Phật giáo Nguyên thủy theo truyền thống Lâm Thái (Thai Forest tradition). Mục đích của BBM là cung cấp nơi cho các ứng viên tu học để được thọ giới tăng sĩ và để phụng sự cho tín đồ. Tại đây luôn có đến 15 tăng sĩ, và theo định kỳ thì có những đợt tập trung với hơn 300 người tham dự.

(Buddhist Door – May 11, 2015)



Chơn Luân Đường của Tu viện Đức Phật Giác ngộ ở Warburton East, Úc



Chư tăng nhận vật phẩm cúng dường tại lễ khánh thành giảng đường mới



*Những người dự lễ khánh thành
Photos: facebook.com*

ẤN ĐỘ: Đức Đạt lai Lạt ma thu-yết pháp 4 ngày tại tu viện Gyuto

Dharamsala, Ấn Độ: Đức Đạt lai Lạt ma đã bắt đầu 4 ngày thuyết pháp của ngài vào ngày 10-5-2015 tại tu viện Gyuto ở Dharamsala.

Đức Đạt lai Lạt ma đã nhấn mạnh tầm quan trọng của vai trò một Phật tử thế kỷ 21 là không chỉ tin theo Đức Phật dựa trên cơ sở tín ngưỡng, mà thay vì thế phải nghiên cứu và phân tích giáo lý nhà Phật.

Vị lãnh đạo tinh thần Tây Tạng sẽ tròn 80 tuổi vào tháng 7 này nói rằng các truyền thống Phật giáo Tây Tạng gồm Sakya, Nyingma, Gelug, Kagyu và Jhonang có nền tảng theo truyền thống Nalanda, và rằng tất cả các truyền thống cần phải chia sẻ và trao đổi quan niệm



và ý kiến với nhau.

Ngài cũng lưu ý rằng điều quan trọng là phải khách quan khi chúng ta nghiên cứu các văn bản và thực hiện việc nghiên cứu giáo lý.

Đức Đạt lai Lạt ma nói thêm rằng không giống như người Tây Tạng ở Tây Tạng - nơi cơ sở vật chất tương đối nghèo hơn, người Tây Tạng lưu vong vốn may mắn có nhiều cơ sở hơn thì nên dùng cơ hội này để nghiên cứu lời dạy của Đức Phật.

(NewsNow - May 11, 2015)



*Đức Đạt lai Lạt ma thuyết pháp tại tu viện Gyuto, Ấn Độ
Photos: Kunsang Gashon*

NEPAL: Chư tăng Phật phái Bon tham gia công tác cứu trợ nạn nhân trận động đất

Trong khi nhiều tổ chức phi chính phủ và tăng sĩ của các tu viện Tây Tạng đã được công nhận về nỗ lực cứu trợ của mình trong trận động đất tại Nepal, công tác của các nhà sư từ Tu viện Bon Triten Norbutse của Nepal cũng rất đáng ghi nhận.

Chư tăng Tu viện Bon Triten Norbutse đã cầu nguyện và cử hành các nghi lễ cuối cùng cho

các nạn nhân của trận động đất. Tu viện này cũng đã tổ chức một phòng khám y học tây phương và truyền thống Tây Tạng miễn phí cho hàng nghìn người Nepal và Tây Tạng địa phương sau động đất.

Các nhà sư này cũng cung cấp thực phẩm, khẩu phần ăn, chỗ ở và hỗ trợ y tế cho những người sống sót. Trong nhiều hình ảnh về công tác cứu trợ đăng trên mạng xã hội, người ta có thể nhìn thấy những nhà sư Phật phái Bon mặc áo khoác xanh đang tham gia công tác cứu trợ.

Tu viện Bon Triten Norbutse có trụ sở tại Swayambhu đã bị một số vết nứt trên tòa nhà tu viện của mình, nhưng tất cả tăng sĩ từ nơi này đều được an toàn và hiện đang ngủ ngoài trời.

(Phayul - May 12, 2015)



Các tăng sĩ của tu viện Bon Triten Norbutse đang tham gia công tác cứu trợ sau động đất tại Nepal

從朝撤遇感念

從朝寅旦寺門開
鐘鼓香燈有安排
院主端嚴登正位
衆僧齊整向無差
慈悲喜捨心常淨
春夏秋冬夜芳來
晝夜六時唯一向
彌陀別念絕不涯

(調御子信義 - 感作
孟夏乙未)

Tùng Triều Triệt Ngộ Cảm Tác

Tùng triều dân dân tự môn khai,
Chung cổ hương đăng hữu an bài,
Viện chủ đoan nghiêm đăng chính vị,
Chúng tăng tề chỉnh hướng vô sai.
Tỳ bi hỷ xả tâm thường tịnh,
Xuân hạ thu đông dạ phương lai.
Trú dạ lục thời duy nhất hướng,
Di Đà biệt niệm tuyệt bất nhai.

ĐIỀU NGŨ TỬ TÍN NGHĨA

Ất mùi Mạnh hạ, May 10, 2015

Rõ Ngộ Từ Sáng Sớm

Từ sáng giờ Dần cửa chùa mở,
Đèn nhang, chuông trống rõ ràng rồi,
Nghiêm trang viện chủ an bài,
Chúng Tăng tề chỉnh vô sai hướng về.
Tâm thanh tịnh từ bi hỷ xả,
Hương thơm từ xuân hạ thu đông,
Sáu thời tu tập dung thông,
Di Đà chuyên niệm chánh tâm tuyệt vời.

LAM NGUYỄN

phỏng dịch

Đầu hạ năm Ất mùi



NHƯ BÓNG CÂU

Ta hỏi ta ngày qua quá vội
Đã làm gì trong tháng năm trôi ?
Ta hỏi ai ! Hôm nay ngày mới
Vui- hát- cười, hay khóc trên môi !

Đa tạ trời sáng nay thả nắng
Hoa trong vườn hé nụ cười xinh
Trong lòng ta hình như trống vắng
Trái tim nhâu loé ánh bình minh

Ta hỏi trăng đêm qua trắng sáng
Có bao giờ trăng nhớ tuổi trăng ?(*)
Ta cũng thế ngày qua lãng đãng
Như khói chiều quyện áng mây giăng

Ta hỏi không gian, trời đất rộng
Có cõi nào ta trú ẩn không ?
Hay chỉ là nơi ta dệt mộng
Như vòng tròn ôm trọn hư không

Ai tái tạo muôn loài vạn vật ?
Có vật nào RẤT THẬT nguyên sơ !
Hay cái CÓ một ngày kia sẽ MẤT
Như bóng câu, ảo ảnh, sương mờ (**)

KIỀU MỘNG HÀ

May 06-2015

(*) Lấy ý từ câu Ca Dao:
“Trăng bao nhiêu tuổi trăng tròn
Núi bao nhiêu tuổi gọi là núi non”

(**) Câu kệ trong kinh Kim Cương:
“Tất cả pháp hữu vi
Như mộng ảo, bào huyền
Như sương, như chớp loè
Hãy quán chiếu như thế.”

HƯƠNG VỀ NHÂN GIAN THỐNG KHỔ

THÔNG BẠCH PHẬT ĐẢN PHẬT LỊCH 2559 - 2015

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính bạch chư tôn đức Tăng Ni,
Kính thưa quý thiện nam tín nữ Phật tử,
Trong giờ phút trang nghiêm tưởng niệm ngày
Đản Sinh của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni, chúng
con xin nhất tâm đề đầu đánh lễ xưng tán sự thị
hiện hy hữu của bậc Đại Giác Thế Tôn giữa trần
gian khổ lụy này.

Thay mặt Hội Đồng Giáo Phẩm Giáo Hội Phật
Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ thành tâm kính
chúc chư tôn Trưởng Lão, chư
tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa
Đại Đức Tăng, Ni cùng quý
nam nữ Phật tử được pháp lạc
vô biên trong ngày Khánh Đản
của đức Phật.

Năm nay, ngày đại lễ Đản
Sanh của Đức Thế Tôn lại về
trong bối cảnh đầy bất an và
khổ não của nhân loại trước
hiểm nguy trùng trùng của
thiên tai và nhân họa, từ ô
nhiễm môi trường, biến đổi khí
hậu đưa tới bão lụt, hạn hán,
dịch bệnh, mùa màng thất
thoát, thực phẩm thiếu thốn,
đến nạn khủng bố hoành hành
gây hoang sợ khắp nơi, chiến
tranh bùng nổ nhiều chỗ trên
thế giới lấy đi sinh mạng của
hàng ngàn người dân vô tội.

Trước bối cảnh bất an như
vậy cho nên, Đại Lễ Phật Đản
Phật Lịch 2559 do GHPGVNT-
NHK và Cộng Đồng Phật Giáo
Việt Nam Miền Nam California
tổ chức năm nay lấy chủ đề
"Phật Giáo và Hòa Bình." Cuộc
sống ấm no hạnh phúc và hòa bình không những là
ước vọng mà còn là mục tiêu theo đuổi chung của
nhân loại. Nhưng hòa bình chỉ có thể trở thành hiện
thực lâu bền khi mọi người đều xây dựng và phát
triển trong mảnh đất tâm của mình những hạt giống
trí tuệ, yêu thương, và từ bi. Đức Phật dạy rằng chỉ
có lòng từ bi mới xóa bỏ được hận thù. Khi tâm còn
sân si, hận thù thì dù sống ở đâu cũng có thể gây ra
bạo động, xung đột và chiến tranh. Chiến tranh và
khủng bố là tai họa và là sự phá hoại tất cả những
công trình quý báu, trong đó đáng quý nhất là sự
sống của loài người, của muôn loại chúng sinh.

Trong ngày Đản Sinh của đức Phật, xin hãy
cùng nhau quán niệm về sự đau khổ tràn ngập trên
thế gian để khởi niệm từ bi thương xót đến tất cả
mọi người và bắt đầu thực hành điều gì đó mang lại
sự hòa bình cho tha nhân. Trong ý nghĩa đó, mỗi

người trong chúng ta, mỗi thành viên của cộng đồng,
và rộng hơn nữa là mỗi quốc gia nên tích cực thực
hiện theo lời kêu gọi của Liên Hiệp Quốc cổ vũ và phổ
biến sâu rộng tinh thần hòa bình của Phật Giáo để
góp phần kiến tạo hòa bình trên thế giới.

Ngày Đản Sinh của đức Phật cũng là cơ hội để
nghĩ đến tương lai tươi đẹp của hành tinh mà chúng
ta đang sống và cho các thế hệ mai sau. Bằng tâm
bồ đề vững chắc, xin mỗi người trong chúng ta hãy
nỗ lực nhiều hơn nữa góp phần vào công cuộc bảo

tồn nguồn tài nguyên thiên
nhiên và môi trường sống lành
mạnh. Đồng thời chú tâm vào
việc giáo dục tuổi trẻ Việt Nam,
không những thành đạt về mặt
học thức, về cuộc sống vật chất
sung túc, mà còn về mặt đạo
đức tâm linh để tiếp nối truyền
thống đạo đức và văn hóa dân
tộc nơi xứ người.

Đối với chư vị Trưởng Tử của
Như Lai, ngày Đản Sinh của đức
Phật và mùa an cư kiết hạ là cơ
duyên để thấp sáng hơn nữa sơ
tâm xuất gia và đại thế nguyện
nghiêm trì giới luật, sống đời
phạm hạnh, trang nghiêm bản
thể thanh tịnh và hòa hợp của
hàng Tăng Bảo để làm phước
điền cho nhân gian và chỗ
nương tựa tín tâm vững chắc
cho người Phật tử tại gia trên
bước đường thực nghiệm Chánh
Pháp.

Vì sự an lạc của pháp giới chúng
sinh, giáo pháp từ bi và trí tuệ
của đức Phật cần được bảo tồn
và phát huy sâu rộng hơn nữa

trên thế gian này. Đó chính là sứ mệnh thiêng liêng
mà mỗi người con Phật nên luôn luôn tâm niệm và
thực hành để đền đáp thâm ân hóa dục của đức Phật
và lịch đại tổ sư.

Trong niềm kính ngưỡng và tri ân vô biên đối với
sự xuất thế lợi lạc hữu tình của đấng Đại Giác Thế
Tôn, xin hãy cùng nhau nhất tâm cầu nguyện cho thế
giới hòa bình và chúng sinh an lạc. Cầu nguyện cho
dân tộc Việt Nam được tự do, dân chủ và an cư lạc
nghiệp. Cầu nguyện cho đất nước Việt Nam độc lập,
tự chủ và toàn vẹn lãnh thổ.

California, ngày 27 tháng 4 năm 2015

TM. Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHK
Chánh Văn Phòng
Sa môn Thích Thắng Hoan

CHIÊU NIỆM NEPAL (*)

*Tang thương miền đất Phật
Động đất chôn vùi người
Đền đài vỡ máu tươi
Tượng đá trầm nắng xé
Chuông đưa xanh dầu lệ
Chìm vút trắng âm đời
Nam mô vọng trùng khơi
Vuông chiều khô tiếng nấc*

*Thời kinh bay trắng ngát
Oan khuất lịm màu tang
Kathmandu hoang tàn
Khắp Nepal sầu thảm
Tháp thiêng tro đất lạnh
Ôi Darahara
Như kỷ ức trời xa
Chỉ còn thêm đá nát*

*Chiêu niệm miền đất Phật
Chẳng biết nghiệp từ đâu
Ngọn cỏ khô cúi đầu
Câu kinh đau úp mặt
Kiếp người như chớp tắt
Trần gian tợ bóng mây
Chỉ biết chấp hai tay
Thở dài theo nắng nhạt...*

(04.2015)

NGUYỄN LƯƠNG VỸ

Ghi chú: Trận động đất kinh hoàng ngày 25.04.2015 tại thủ đô Kathmandu đã quét sạch và tàn phá nặng nề nhiều công trình di sản quý giá, trong đó có tháp thiêng Dharahara, di tích lịch sử đặc trưng của đất nước Nepal.



CÙNG CHIA SẺ VỚI NEPAL

Qua trận động đất kinh hoàng, ngày 25/04/2015
Gây trên 1000 người chết, hàng vạn người
điều linh thống khổ và tàn phá rộng khắp

*Hướng về Nepal cùng góp lời cầu nguyện
Sống an lành chết cũng được siêu thăng
Mọi người dân thoát khỏi khổ nhọc nhần
Công trình hoại được phục hồi tái thiết
Tiếng kêu cứu đã vang rền thống thiết
Từ nạn nhân dưới đổ nát điêu tàn
Đến những người có trách nhiệm vua quan
Mong thế giới hãy quan tâm giúp đỡ
Tổng Thống Pháp đã sẵn sàng cởi mở
Hồi đáp mọi điều để cứu giúp Nepal
Người Việt ta tâm thiện cũng sẵn dành
Hãy hăng hái cùng giúp công góp của
Hành thiện nguyện là việc làm muôn thuở
Âm đức xây luôn giúp đỡ khốn nguy
Khi thực hành sẽ lợi ích tức thì
Người bớt khổ hiện tại vui sanh phước
Khi hành thiện niềm vui ta nhận được
Nhân quả luôn chi phối khắp mọi thời
Nghĩ trước đây ngàn trâu chết đâu rơi!
Mà hoảng sợ không dám nhìn hủ tục!!!*

An Lạc thất ngày 26/04/2015
Thành tâm cầu nguyện

THÍCH VIÊN THÀNH



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ
VIETNAMESE AMERICAN UNITED BUDDHIST CONGREGATION

HỘI ĐỒNG ĐIỀU HÀNH

COUNCIL OF MANAGEMENT

CENTRAL OFFICE

803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473 * Fax: (714) 568-1009

Phật Lịch 2558

Số 31/HĐĐH/TT/PCT

THÔNG TƯ

CỨU TRỢ NẠN NHÂN ĐỘNG ĐẤT TẠI NEPAL

Nam Mô Đại Từ Đại Bi Tầm Thinh Cứu Khổ Cứu Nạn Linh Cảm Ứng Quan Thế Âm Bồ Tát

Kính bạch chư Tôn Đức Tăng Ni,
Kính thưa quý đồng hương Phật tử,

Theo nguồn tin của giới chức chính quyền Nepal, Liên Hiệp Quốc, cho biết, cơn động đất 7.8 độ Richter vào ngày thứ Bảy, 25 tháng 04, 2015 đã làm thiệt mạng khoảng 4000 người, 6500 người bị thương và hàng triệu người sống cảnh màn trời chiếu đất.

Trước thiên tai kinh hoàng và đau thương ấy, thay mặt HĐĐH – GHPGVNTN Hoa Kỳ thành kính kêu gọi chư Tôn Đức Tăng Ni, đồng hương Phật tử tại các tự viện nhất tâm cầu nguyện cho những nạn nhân còn sống sót sớm có được đời sống an lành, những người đã mất được siêu sanh tịnh cảnh.

Thành tâm kính xin quý Ngài, quý Phật tử phát Bồ Đề tâm đóng góp tịnh tài để kịp thời chia sẻ miếng cơm manh áo cho những nạn nhân bị thương ấy. Đó chính là thực hành theo tinh thần Từ Bi ban vui cứu khổ phần nào của ý nghĩa “lá lành đùm lá rách”.

Kính mong quý Ngài và quý Phật tử tùy hỷ công đức.

Tất cả mọi sự đóng góp, cứu trợ nạn nhân động đất tại Nepal xin gửi về **chùa Bát Nhã**, địa chỉ: 803 S. Sullivan St., Santa Ana, CA 92704 – U.S.A. | Tel.: (714) 571-0473

Thành kính tán dương công đức này. Kính chúc quý Ngài cùng quý Phật tử vô lượng an khang cát tường như ý.

Nam Mô Công Đức Lâm Bồ Tát Ma Ha Tát.

Santa Ana, ngày 27 tháng 04 năm 2015

Phó Chủ tịch Nội Vụ

Hội Đồng Điều Hành/Văn Phòng Thường Trục

Hòa Thượng Thích Nguyên Trí

DANH TƯỚNG

Thích Thái Hòa



Ta đưa đôi mắt thiền quán nhìn sâu vào danh tướng, để thấy rõ danh tướng có làm cho ai khổ đau không? Danh tướng không làm cho ai khổ đau cả, mà danh tướng cũng không làm cho ai hạnh phúc hết. Sự hạnh phúc là do tâm của một người có sự trong sáng, lành mạnh và rộng lớn. Khi tâm của một người có trong sáng, lành mạnh và rộng lớn, họ sử dụng cái danh tướng nào, thì cái danh tướng đó, trở thành trong sáng, lành mạnh, rộng lớn và danh tướng đó, có tác dụng đem lại hạnh phúc cho chính họ và có tác dụng xây dựng tốt đẹp cho cuộc đời của họ.

Trái lại, người có tâm hồn chật hẹp, tối tăm, rách nát, sút mẻ nếu người đó khoác lên cái danh tướng nào, thì danh tướng đó, càng trở buộc làm khổ đau phiền hà và đốt cháy hết mọi hạnh phúc của người đó.

Điều này, ta cũng thấy rất rõ trong xã hội, có đôi người cái tâm của họ thì nhỏ, mà cái danh tướng của họ thì lớn, nên mỗi khi họ trực diện với công việc, sinh ra sự sợ hãi, lo lắng và nghi ngờ, khiến tâm họ bất an và cũng từ đó mà sinh ra bệnh hoạn. Bệnh hoạn đưa tới cho bản thân họ đã đành mà còn đưa tới cho công việc, cho tổ chức và cho cuộc đời.

Xã hội chúng ta hiện nay có rất nhiều bệnh hoạn, trong đó có những bệnh hoạn do con người phần nhiều đắm chìm vào cái danh tướng hư huyền, nên đã làm khổ đau cho chính họ và nhiều người.

Trong đôi mắt thiền quán, danh tướng được làm nên bởi cái không danh tướng và chính cái danh tướng được làm nên bởi cái không danh tướng mà ta tưởng rằng là có danh tướng thiệt, cho nên ta có khổ đau.

Từ ngữ *thượng tọa, hòa thượng* trong Phật giáo cũng chỉ là một danh tướng, thế mà đi tới đâu họ không gọi ta bằng "thượng tọa," "hòa thượng" mà chỉ gọi ta bằng "thầy" là ta đã nổi sân lên và không muốn nghe.

Như vậy, sân là do nơi danh từ thượng tọa, hòa thượng hay là do chính tâm mình bị kẹt ở nơi cái danh tướng thượng tọa, cái danh tướng hòa thượng? Do tâm ta bị kẹt nơi những cái danh tướng ấy, nên khi nghe người khác gọi không đúng tên, tâm ta nổi sân, còn nếu tâm ta không bị kẹt, thì gọi ta bằng danh tướng thầy hay gọi ta bằng danh tướng thượng tọa, hay bằng bất cứ danh tướng gì đi nữa, cũng không thể nào làm cho ta nổi sân.

Cũng giống như ta có căn khí của một người đàn ông mà đi đến cái xứ nào đó, họ kêu ta rằng: "Này cô kia, hay này bà kia," dù họ gọi ta bằng danh từ cô hay bà, thì ta vẫn là đàn ông, chứ không phải vì họ gọi như vậy mà ta trở thành cô hay bà.

Cũng vậy, ta có bản chất của người phụ nữ, ta là phụ nữ, khi ta đi đến chỗ nào đó, mà họ gọi ta

rằng: "Này anh kia hay kính thưa ông..." thì ta vẫn là phụ nữ thôi, chứ không phải vì họ thưa ta bằng ông, mà ta trở thành đàn ông.

Cho nên, vấn đề là ta có phẩm chất thật sự, có tâm hồn thật sự, có hạt giống và có khả năng thật sự đúng với cái tên gọi hay không? Còn nếu ta không có phẩm chất đúng với cái tên gọi, mà nghe họ gọi cái danh tướng của ta như vậy, ta liền thích thú. Sự thích thú như vậy, chỉ đưa ta tới sự thất vọng và khổ đau mà thôi.

Bằng đôi mắt thiền quán, ta nhìn sâu vào các danh tướng, ta thấy rằng: "Không có cái danh nào gọi là chính danh cả, cái chính danh là cái vô danh, chính cái vô danh mới là cái chính danh." Hay nói theo cách nói của văn hệ Bát nhã: "Không có cái tướng nào gọi là thực tướng cả, chính cái vô tướng mới là cái thực tướng của vạn hữu."

Như vậy, cái danh tướng đích thực của con người, chính là cái không danh tướng. Không danh tướng chừng nào, thì người đó có hạnh phúc, thông dong, tự tại chừng đó. Người nào sống với hữu danh, hữu tướng chừng nào, thì bị kẹt, bị phiền hà chừng đó.

Ngày xưa, khi đức Thế Tôn còn tại thế, có một vị quan xuất gia làm thầy Tỷ kheo, đức Phật dạy cho vị này pháp ly dục, tịch tịnh sống ở trong núi rừng yên tĩnh để theo dõi và quán chiếu tâm; vị đó ngồi thiền, đi thiền trong rừng vắng cảm thấy thích thú và treo võng vào hai gốc cây đu đưa qua lại, gió mát thổi mái; vị đó cảm thấy hạnh phúc, an lạc. An lạc là không bị buộc ràng bởi bất cứ một điều kiện nào cả. Trong giây phút cảm nhận hạnh phúc là không còn có sự buộc ràng, vị ấy nếm được pháp vị của sự ly dục, nên đã hết to, khiến cho các Tỷ kheo khác động niệm.

Các thầy Tỷ kheo khác, liền thưa với Thế Tôn: "Bạch Thế Tôn! Vị Tỷ kheo kia chán tu rồi, nên đã hét lên giữa rừng!"

Thế Tôn gọi vị Tỷ kheo kia đến hỏi: "Sao? Trưa này Thầy sống giữa núi rừng, không có hạnh phúc hay sao mà hét lên như vậy, làm cho các thầy khác động niệm và đã đến thưa với Như Lai?"

Vị Tỷ kheo ấy quỳ xuống và bạch Thế Tôn rằng: "Con vì hạnh phúc quá, nên không làm chủ được con và con đã thốt lên lời như vậy."

Thế Tôn hỏi: "Tôn giả thấy hạnh phúc như thế nào?"

"Bạch Thế Tôn! Con thấy hạnh phúc một cách kỳ lạ, bởi vì trước đó con làm quan, đi đâu là có tùy tùng bộ hạ đi theo, con không hề có tự do, trước khi ăn phải có người nếm thức ăn, trước khi ngủ phải có người kiểm tra, đi đâu phải có người đi theo bảo vệ. Giờ đây đi theo Thế Tôn con bỏ hết, con thực hành hạnh ly dục, tịch tịnh, sống giữa rừng sâu mà con

thấy an toàn hạnh phúc, thành thời quá, nên con thấy con hôm nay thực sự là hạnh phúc.”

Qua câu chuyện ấy, ta thấy người mà có chủ quyền, người mà có thành thời là người không mang bất cứ một danh tướng nào cả, còn mang vào trong ta một danh tướng nào đó, thì đời ta bị cái danh tướng đó cột chặt và gây phiền nhiễu.

Và, ta biết rằng mang danh tướng vào trong ta, thì đời sống của ta trở nên nặng nề, nhưng buông bỏ danh tướng, thì ta lấy cái gì để buông bỏ? Ta hãy sử dụng tâm vô chấp nơi danh tướng mà buông bỏ danh tướng vậy.

Bấy giờ tôi sinh ra, mẹ và ba tôi cúng mụ, đặt cho tôi tên Trí, vậy là tên Trí đã gắn chặt với tôi. Khi xuất gia, thầy tôi đặt cho tôi cái tên Thái Hòa để phân biệt giữa Thái Hòa với Thái Thuận, để phân biệt giữa Thái Hòa và Thái Tịnh, để phân biệt giữa Thái Hòa với Thái Tuệ... Nên, bây giờ nếu tôi nói, tôi không phải tên là Thái Hòa, thì giữa thế gian này có ai chịu không? Nói tôi không phải là thầy Thái Hòa, quý vị Phật tử có chịu không?

Vậy, tôi phải từ chối cái tên đó ở đâu cho có hiệu quả? Tôi phải dùng tâm không mắc kẹt vào danh tướng của tôi mà từ chối cái tên đó ở trong tâm tôi. Tuy bên ngoài với tên gọi của tôi là Trí, nhưng thực chất, tên ấy không phải là tôi, không phải là của tôi, tên ấy do cha mẹ tôi gọi tôi và mọi người duyên theo tên cha mẹ tôi gọi tôi mà gọi tôi tên là Trí. Tuy, cha mẹ đặt cho tôi tên như vậy, mọi người cũng đều gọi tên tôi như vậy, nhưng ở trong tâm tôi không bị mắc kẹt bởi cái tên gọi đó, thì tôi mới có tự tại và thông dong với cái tên đó.

Cho nên, không có tên mà không bị mắc kẹt, thì chưa phải là giỏi. Có tên, có danh tướng mà không bị mắc kẹt mới là giỏi.

Khi một người tu tập có khả năng làm lợi ích cho đời, thì người đó phải luyện cái tâm, để tâm không bị kẹt vào danh tướng, còn nếu tu tập mà tâm bị kẹt vào danh tướng, thì đương nhiên sự tu hành của người đó không có lợi ích gì bao nhiêu, và người đó cũng chẳng làm được lợi ích bao nhiêu cho cuộc đời!

Hễ tâm ta mắc kẹt vào danh tướng, thì ta làm cái gì, cũng chỉ làm cho cái danh tướng của ta thôi và khi ta đã làm cho danh tướng của ta, thì làm sao ta gọi là ta làm lợi ích cho cuộc đời được; và làm sao ta tự cho rằng, ta hiểu và thương cuộc đời và ta đang giúp đời! Ta làm mọi công việc với cái tâm danh tướng, thì hiệu quả đem lại lợi ích cho ta rất ít mà tai họa đem lại cho ta và cho mọi người rất nhiều. Càng làm theo danh tướng, ta càng mất tự do và càng làm theo danh tướng, ta càng mất chủ quyền.

Tụng kinh Phổ Môn, ta thấy trong kinh diễn tả Bồ tát Quán Thế Âm cần hiện thân vị Tỷ kheo, liền hiện thân Tỷ kheo mà thuyết pháp; cần hiện thân vị Trưởng giả liền hiện thân vị Trưởng giả mà thuyết pháp; cần hiện thân vị Tể tướng liền hiện thân vị Tể tướng mà thuyết pháp; cần hiện thân vị Bà-la-môn liền hiện thân vị Bà-la-môn mà thuyết pháp; cần hiện thân một đồng nam hay một đồng nữ liền hiện thân một đồng nam hay đồng nữ mà thuyết pháp...

Bồ tát Quán Thế Âm làm được điều đó, bởi vì tâm của Ngài không bị mắc kẹt vào bởi bất cứ ở nơi danh tướng nào. Còn nếu Ngài bị mắc kẹt vào ở nơi danh tướng, thì khi Ngài hiện tướng đồng nam, thì Ngài vĩnh viễn là đồng nam thôi, chứ không thể nào hiện tướng đồng nữ được và khi hiện tướng đồng nam để thuyết pháp mà không có khả năng hiện tướng đồng nữ, thì việc thuyết pháp của Ngài bị

hạn chế, bị hạn chế bởi thời gian, bị hạn chế bởi không gian và bị hạn chế bởi chủng loại. Bởi vì, có những không gian chỉ có đồng nam mà không có đồng nữ, có những không gian chỉ có đồng nữ mà không có đồng nam. Có những không gian và có những thời gian thuận hợp cho đồng nam mà không phải đồng nữ, hoặc có chủng loại, khi thì nam khi thì nữ; nếu Ngài chỉ kẹt vào tướng nam, thì Ngài lại trở ngại với tướng nữ; nếu Ngài chỉ kẹt vào tướng nữ, thì bị trở ngại với tướng nam; kẹt vào tướng Tỷ kheo, thì bị trở ngại với tướng người đời; kẹt vào tướng của người đời, thì bị trở ngại bởi tướng xuất gia; kẹt vào tướng dân thì trở ngại với tướng quan; kẹt vào tướng quan, thì bị trở ngại tướng của dân. Cho nên trong đời có những vị minh quân mà muốn nghe dân, họ phải cởi áo quan, áo vua bỏ một bên và mặc tướng áo của người dân mới thân cận với dân và nghe tiếng nói của dân được.

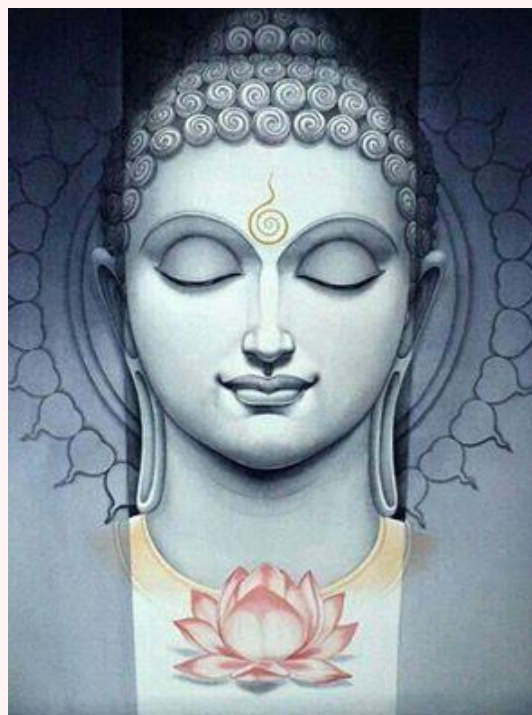
Như vậy, khi thiền quán sâu, ta thấy danh tướng có phải là tạo nên hạnh phúc hay khổ đau cho con người không? Hoàn toàn không phải. Cái mà tạo nên khổ đau cho con người, làm cho mọi hoạt động của con người bị hạn chế, là **do tâm của con người bị dính và kẹt vào danh tướng**.

Cái mà tạo nên hạnh phúc cho con người, tạo nên cái vĩ đại cho con người, tạo nên cái đa dụng cho con người, tạo nên cái đa thủ cho con người, tạo nên cái rộng lớn cho con người là cái **tâm không bị kẹt ở nơi danh tướng**.

Tâm không bị kẹt vào nơi danh tướng, nên bất cứ cái danh tướng nào cũng là cái tướng của tâm. Nên, ta làm chủ được tâm, thì ta sử dụng được tướng.

Bồ tát sống với tâm vô trú, nên Bồ tát không bị kẹt vào bất cứ danh tướng nào, do đó đối với bất cứ danh tướng nào Bồ tát cũng có thể tùy duyên sử dụng để làm lợi ích cho cuộc đời. Nên, Bồ tát là những vị sống tự do giữa mọi danh tướng.

(Trích từ tác phẩm "Gió Đùa Reo Nắng Mới")



TÌNH CHUNG MỘT KHÚC PHIÊU CA

*nhớ em từ thuở mới quen
đong đưa con mắt hiện lên chữ gì
từ xưa áo trắng tóc thề
xanh trong màu mắt chỗ về mai sau
nhớ em từ dạo biển dâu
tìm nhau mờ mịt giữa cầu phù sinh
đường vào đo âthị lênh đênh
đường ra chiến địa chông chênh bóng người
ai xa ai giữa mệnh đời
nghìn trùng lau lách ôm lời cỏ cây
nhớ em dài tháng đậm ngày
mông lung chút nghĩa trúc mai chưa đến
đời riêng canh cánh tình riêng
bóng chim heo hút mấy miền cô sơn
nhớ người xa tận viễn phương
biết đâu phận cúc mà lường duyên mai?
tóc tơ dù chẳng nên cài
khỏi tình còn giữ một vài sợi thưa
nhớ ươm mắt hẹn môi hò
con đường chung bước, câu thơ chung tình
kể từ thơ mộng đáng trình
phôi pha tôi những viễn hành về đâu
hăm lăm năm đứng tựa cầu
vẫn con nước chảy nhạt màu thời gian mà trong*



thơ PHÙ DU

*cung điệu chưa tàn
còn nghe ngẫu khúc ngân vang bốn mùa
từ trong xao xuyến bây giờ
nghìn thao thức của cơn mơ hiện về
mọi điều rồi cũng qua đi
đừng đem mộng ảo kết thề châu thân
ba sinh nên nghĩa một lần
vài đêm se tóc ân cần đưa trao
chút duyên dù có phai màu
chút tình còn nặng ngàn câu cho mình
đi về một cõi hư sinh
vinh hoa phú quý như hình khói mây
tưởng chừng nhắm mắt lúc này
bao nhiêu huyễn cảnh chưa đầy cơn mơ
nhớ người từ thuở bao giờ
sóng cồn bão táp đôi bờ chiêm bao
vực đời có mấy chỗ sâu
mà đo oan nghiệt với câu số phận
tình chung xin gói theo lần
đường dài mịt mịt lúc cần có nhau
mắt mênh mông giữ lấy màu
tình mông mênh để ngày sau gọi về
có ai còn đợi nơi quê
đầu sân gỗ gậy xuống tê lòng chiều.*

TÚY NGỌA

*ngát trời
say rót về ôm mộng
đu đưa bóng nhảy nửa chừng tim
vô thức lòng lên mười đợt sóng
đạp nhào con sóng ngủ bên thềm.*

DỮ NGÃ ĐỒNG TIÊU...

*chén rượu vừa xong, tiếp chén trà
loay hoay rồi cũng đến phiên ta
ngoài trời mưa lớn, về sao được?
đôi ẩm cùng ta có cội hoa.*

CHÍN ĐỨC CỦA NGUYỆN BỐ THÍ

Thích Quảng Tánh

Bố thí và cúng dường là một trong những hạnh tu căn bản của hàng Phật tử tại gia. Nhất là trong mùa an cư kiết hạ, khi chúng Tăng tập trung về một chỗ, không đi hóa duyên thì sự hộ trì của hàng cư sĩ lại càng mạnh mẽ hơn. Ai cũng biết, thực hành hạnh bố thí và cúng dường thì được phước. Nhưng bố thí để “được quả báo lớn, đến chỗ cam-lồ, diệt tận” thì không phải ai cũng tỏ tường.

Nhiều người nghĩ rằng, chỉ cần có tài vật cùng với tấm lòng rộng mở thì đã có thể tùy duyên bố thí. Quả đúng như vậy, nhưng đó chỉ mới là điều kiện cần mà chưa đủ để hình thành nên phước báo lớn. Muốn bố thí có phước báo lớn thì người bố thí, vật được thí và người nhận thí phải đầy đủ chín đức. Thế Tôn đã nói về chín đức của nguyện bố thí như sau:

"Một thời Đức Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta sẽ nói về chín đức của nguyện bố thí, các thầy khéo suy nghĩ đó, Ta sẽ diễn bày nghĩa ấy.

Khi ấy các Tỳ-kheo vâng lãnh lời Phật dạy, Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Thế nào là chín đức của nguyện bố thí? Tỳ-kheo nên biết, đàn việt cúng thí thành tựu ba pháp, vật được thí cũng thành tựu ba pháp, người nhận vật thí cũng thành tựu ba pháp.

Thế nào là thí chủ đàn-việt thành tựu ba pháp? Ở đây, thí chủ đàn-việt được thành tựu lòng tin, thành tựu thệ nguyện, cũng không sát sanh. Đó gọi là thí chủ đàn-việt thành tựu ba pháp.

Thế nào là vật được thí thành tựu ba pháp? Ở đây, vật thí thành tựu sắc, thành tựu hương, thành tựu vị. Đó là vật thí thành tựu ba pháp.

Thế nào là người nhận thí thành tựu ba pháp? Ở đây, người được thí thành tựu giới, thành tựu chánh định, thành tựu trí tuệ. Đó là người nhận thí thành tựu ba pháp.

Như thế, bố thí thành tựu chín pháp này, được quả báo lớn, đến chỗ cam-lồ, diệt tận. Phạm thí chủ muốn cầu được phước ấy thì nên tìm phương tiện thành tựu chín pháp. Như thế, các Tỳ-kheo nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm."

(Kinh Tăng nhất A-hàm, tập III, phẩm Chín nơi cư trú của chúng sanh, VNCPHVN ấn hành, 1998, tr.203)

Mối hay, người có điều kiện về tài vật mà muốn bố thí đúng như pháp thì bản thân họ phải tu tập, ít nhất là thành tựu ba pháp, tức thành tựu lòng tin, thành tựu thệ nguyện và không sát sanh. Lòng tin ở đây chính là tin vào Tam bảo, tin vào phước quả của hạnh bố thí. Chính tấm lòng, thệ nguyện sẽ chia một phần tài vật mà mình kiếm được sẽ góp phần cải thiện phước báo của mình.

Nên càng sẻ chia, bố thí và cúng dường thì phước đức càng tăng trưởng. Quan trọng hơn, người thí chủ phải có căn bản về đạo đức, tâm từ sung mãn, biểu hiện cụ thể là tôn trọng sinh mạng, không sát sinh hại vật.

Kể đến, vật thí cũng phải thành tựu ba pháp, tức thành tựu sắc, thành tựu hương, thành tựu vị. Ngày xưa, vật bố thí thường là thực phẩm nên đồ ăn với hình thức đẹp, hương thơm và vị ngon là những tiêu chí để thể hiện rằng thí chủ đã hết lòng, tận tâm trong việc bố thí. Còn ngày nay, để tiện lợi nhiều bề người ta thường bố thí bằng tiền mặt, vậy thì đồng tiền mà mình đem bố thí và cúng dường cũng phải "sạch", không xuất phát từ sự gian dối, lừa gạt, những nhiều, giết hại mà có. Vật đem cho càng thanh tịnh bao nhiêu thì phước báo của người cho càng vô lượng bấy nhiêu.

Đặc biệt là người nhận thí cũng phải thành tựu ba pháp, đó là giới, định và tuệ. Bởi thí cho người mà không tu hành, đạo đức thấp kém thì chắc chắn người thí được ít phước báo hơn. Vì thế, phát tâm bố thí và cúng dường cũng cần đúng người, đúng chỗ, gieo phước vào các thửa ruộng tốt. Như cúng dường cho chúng Tăng tinh chuyên tu hành trong ba tháng an cư kiết hạ chắc chắn sẽ mang lại phước báo thù thắng hơn vì chư vị luôn trau dồi để thành tựu giới, định và tuệ. Mặt khác, ân đức của thí chủ rất to lớn nên người nhận thí phải tự hoàn thiện mình thì mới có thể trả được nợ tín thí đàn-na.

Do vậy, khi người thí, vật thí và người nhận thí đều thanh tịnh thì tất cả đều "được quả báo lớn, đến chỗ cam-lồ, diệt tận".





GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ & CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN V (2015)

THÔNG BÁO SỐ 2

Năng Lực Mẫu Nhiệm Của Một Hội Chúng

Nam-mô Bổn-Sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Kính gửi: Chư Thiện Nam Tín Nữ, Đồng Hương, Đoàn Sinh Gia Đình Phật Tử,
Phật sự: **Tham Dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ lần V-2015**

Trong niềm hân hoan đón mừng ngày Đản Sinh của Đức Phật, chúng con thành tâm đốt nén hương lòng nguyện cầu cho Thế giới Hòa bình Chúng sanh An lạc. Nhớ tưởng đến hình bóng, nhân cách cao cả của Đấng Từ Phụ, bằng cách phát nguyện tu tập và thực hành những lời dạy cao quý của Ngài. Phẩm vật dâng cúng ngày Phật đản sanh năm nay là **KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ Lần Thứ V-2015** sẽ được tổ chức tại:

Town and Country Resort Hotel – 500 Hotel Circle North., San Diego, CA 92108
từ Thứ Năm, ngày 06 tháng 08 năm 2015 đến Thứ hai, ngày 10 tháng 08 năm 2015.

Khóa tu học năm nay, qui tụ hàng trăm chư Tôn đức Tăng Ni và đồng đạo chư Phật tử tham dự, sẽ là một khóa tu học trang nghiêm, mang lại nhiều giá trị và an lạc.

Chúng ta, hãy cùng nhau tham dự để học hỏi giáo pháp hầu mở mang trí tuệ. Nhờ vào sự hiểu biết đúng đắn về lời dạy của chư Phật chư Tổ sẽ giúp cho chúng ta xoa dịu phần nào nỗi lo sự khổ. Từ nơi thân tâm ngôn hành uy nghiêm của chư Tôn đức Tăng Ni, chư vị Giáo Thọ Sư sẽ là những bài học thân chứng quý giá mà chúng ta không thể tìm được qua kinh sách.

Chúng ta, hãy cùng nhau ngồi thiền, niệm Phật, công phu, bái sám, kinh hành, giúp cho thân tâm chúng ta được thanh tịnh, tiêu trừ nghiệp chướng, để có sự an lạc ngay trong đời sống này. Từ nơi hội chúng lớn gồm Tăng Ni và Thiện Tín cộng tu như vậy sẽ là những trợ duyên hiếm có cho chúng ta tiến tu đạo nghiệp, tăng thêm phước báo cho cuộc đời, đem lại năng lực mẫu nhiệm cho cuộc sống.

Để tìm hiểu thêm tin tức về Khóa Tu Học xin vui lòng truy cập vào các trang mạng:

www.hoavouu.com www.phapvan.ca www.hophap.net
www.hongdanh.org www.thuvienhoasen.org

Ngoài danh sách Tự Viện đã nhận ghi danh, muốn biết thêm tin tức xin hoan hỷ liên lạc:

1. **Đại Đức Thích-Hạnh-Tuệ**, Tel. (619) 278-9837 Địa chỉ: 4333 – 30th St., San Diego, CA 92104
2. **Ni Sư Thích-Điệu-Tánh**, Tel. (714) 266-4171 Địa chỉ: 11502 Daniel Ave., Garden Grove, CA 92840

Nguyện cầu hồng ân chư Phật gia hộ cho tất cả chúng con vững tiến trên con đường giải thoát, và kính mong chư Thiện nam Tín nữ Phật Tử ghi danh tham dự Khóa Tu cho thật đông đảo.

Nam-mô Thường-Tịnh-Tấn Bồ-Tát Ma-Ha-Tát
Mùa Phật Đản 2559 – California, ngày 05 tháng 05 năm 2015

Ban-Điều-Hành

(Xin điền Phiếu Ghi Danh ở trang 43 & 44)

THỂ HIỆN LÒNG TỪ: CÚNG DƯỜNG PHẬT ĐẢN

HT. Thích Nguyên Trí

Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật
Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng Già
Kính thưa quý quan khách, quý đồng hương,
đồng bào Phật tử.

Kính thưa liệt quý vị.

Thành kính đánh lễ Đức Phật Đản Sinh, Phật lịch 2559, năm nay người Phật tử chúng ta nhất tâm cầu nguyện “thế giới hoà bình, chúng sanh an lạc;” đây là câu châm ngôn mang tính tử bi muôn thuở của Đạo Phật. Ngày nào thế giới không còn hận thù chiến tranh, khủng bố, ngày đó hòa bình có mặt trên thế giới. Ngày nào thế giới không còn khổ đau, lầm than cơ cực thì ngày đó con người, chúng sanh được an lạc, hạnh phúc. Do vậy, chúng ta tổ chức Đại lễ kỷ niệm ngày Phật Đản Sinh là thể hiện tấm lòng ban vui cứu khổ, cho tất cả. Được như vậy, thì ngày kỷ niệm Đức Phật Đản Sinh mới đầy đủ ý nghĩa trọn vẹn.

Hôm nay, trên thế giới có quá nhiều tai nạn; tai nạn do thiên tai tạo nên, đồng thời cũng do con người tạo nên, nếu chúng ta không biết giảm thiểu lòng thù hận để cộng nghiệp với nhau tạo thành sức tàn phá tập thể thì thế giới này, môi trường này, chẳng phải là thế giới và môi trường tốt để con người chúng ta tạo dựng sinh tồn.

Đức Phật thị hiện nơi đời là một con người bằng xương bằng thịt, bằng chất liệu con người. Cho nên Đức Phật, Ngài hiểu được tự tánh con người, tâm lý con người, tình cảm con người để rồi Ngài đi tu và thành Phật. Chúng ta cũng vậy, thực tập giáo pháp tuyệt hảo, chúng ta cũng sẽ thành Phật. Nhưng rất tiếc rằng chất liệu tham sân si đã làm cho con người, không thể chúng đắc bậc Thánh, đặt gánh nặng sanh tử xuống, để được nhẹ nhàng an vui. Do vậy, con người luôn trần quý tự tánh tử bi để cho thế giới này được an bình thịnh trị, với đi nỗi đau thương, khổ lụy. Đồng thời năm nay, cộng đồng người Việt tỵ nạn cộng sản tổ chức kỉ niệm 40 năm, ngày xa quê hương tổ quốc, tạm dung xứ người. Trong 40 năm đó, cộng đồng người Việt quốc gia sống nơi hải ngoại đã thành tựu được những gì qua các lãnh vực: văn hoá, giáo dục, xã hội, tôn giáo... Một cách khách quan, và tích cực thì quả thật trong 40 năm đó con người Việt quốc gia đã có một bước tiến rất dài và thành tựu khá lớn qua các lãnh vực trên. Vì tánh cần cù, siêng năng cố hữu, cho nên bằng đôi tay người Việt tạo dựng cơ ngơi gia sản. Bằng khối óc minh mẫn, và giàu nghị lực, người Việt đã có học vị, doanh nghiệp đáng kể. Cho nên kỉ niệm 40 năm, cũng là kỉ niệm tinh thần đấu tranh đòi hỏi dân tộc Việt Nam phải có tinh thần tự chủ, độc lập và nhân quyền, để cho nước Việt Nam được thịnh trị, thanh bình, dân tộc Việt Nam giàu mạnh, ấm no, hạnh phúc.

Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng ni,

Kính thưa quý Phật tử,

Hôm nay, nhân ngày lễ Phật Đản Phật lịch 2559

chúng ta hãy ý thức tinh thần tự tôn hơn nữa; là người Phật tử thì nỗ lực tu tập cho bản thân, gia đình xã hội để được thăng hoa, hưởng thượng giác ngộ giải thoát. Còn người Việt tự do thì đoàn kết, tương thân tương ái để cùng chung lưng đấu cật mà xây dựng sự nghiệp, tài sản, đồng hành với người dân bản xứ giàu đẹp.

Thành kính đánh lễ chư tôn đức Tăng Già và kính chúc quý Ngài pháp thể khinh an, đạo nghiệp viên thành. Đồng kính chúc quý quan khách, đồng hương Phật tử vô lượng an khang, cát tường như ý, để hưởng trọn mùa Phật Đản trong ánh hào quang của Chư Phật.

Chúng tôi trân trọng tuyên bố khai mạc chương trình Đại lễ Phật Đản Phật lịch 2559 hôm nay.

Santa Ana ngày 17 tháng 5 năm 2015

Trưởng ban tổ chức

Tỳ Kheo Thích Nguyên Trí

(DIỄN VĂN KHAI MẠC ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PL 2559)





Giáo hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Âu Châu
Congrégation Bouddhique Vietnamienne Unifiée en Europe
Association Bouddhique

Chùa

Khánh Anh (Evry)

Phật Lịch 2558, Evry ngày 18 tháng 6 năm 2014.

THƯ MỜI

Kính gửi : chư tôn Trưởng Lão, chư Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng-Ni và toàn thể quý Phật tử khắp nơi.

Trích yếu : v/v *Kính mời chư Tôn Đức và quý vị về chùa Khánh Anh - Evry tham dự Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư (Ngày Về Nguồn 9) nhân lễ Khánh Thành chùa Khánh Anh cũng như lễ Đại Tường của Cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm từ ngày 13 đến ngày 16 tháng 8 năm 2015.*

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Ngưỡng Bạch Chư Tôn Đức,
Kính thưa quý vị Phật Tử xa gần.

Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư (Ngày Về Nguồn 8) sẽ được tổ chức tại chùa Pháp Bảo – Sydney, Úc Châu vào cuối tháng 9 năm 2014.

Lễ Hiệp Kỳ Lịch Đại Tổ Sư (Ngày Về Nguồn 9) năm 2015 dự định sẽ được tổ chức tại chùa Khánh Anh - Evry, Pháp Quốc nhân lễ Khánh Thành chùa cũng như lễ Đại Tường của cố Hòa Thượng Thích Minh Tâm. Trong dịp này, chư Tăng Ni sẽ hội luận vào ngày thứ bảy 15.08.2015 như chương trình gửi kèm theo đây. Chư Tôn Đức cũng như quý Phật tử nào không tham dự được suốt chương trình các ngày Lễ thì xin mời chọn những ngày thích hợp để đến với Tăng đoàn nhằm nói lên tinh thần cộng trụ trong sinh hoạt Phật sự tại hải ngoại ngày nay.

Kính mong chư Tôn Đức và quý vị Phật tử hồi báo cho Ban Tổ Chức biết phương tiện di chuyển để tiện việc nghinh đón.

Kính chúc Quý Ngài và quý Phật tử được vạn sự kiết tường như ý.

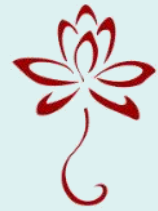
TM Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN Âu Châu

Hòa Thượng Thích Tánh Thiệt
Phó Chủ Tịch



Hòa Thượng Thích Như Điển
Tổng Thư Ký

AI THẤY PHÁP, NGƯỜI ẤY THẤY PHẬT AI THẤY PHẬT, NGƯỜI ẤY THẤY PHÁP



Thích Hạnh Bình

Nguyên nhân đức Phật nói bài pháp này, vì tôn giả Vakkali ở nhà thơ gồm, đang bị bệnh nặng, sắp lâm chung, nhưng lòng rất muốn diện kiến dung nhan đức Thế Tôn và đánh lễ Ngài lần cuối trước khi nhắm mắt lìa đời, nhưng không thể nào đến nơi Thế Tôn ở được, cho nên Tôn giả Vakkali đã cho thị giả đến cung thỉnh đức Thế Tôn đến nơi mình ở. Vì lòng từ mẫn đức Thế Tôn đã thân hành đến thăm Tỷ kheo Vakkali. Sau khi đến đức Thế Tôn hỏi:

- Nay Vakkali, nếu ông không có gì trách mình về giới luật, vậy có gì phân vân hay hối hận không?

- Đã từ lâu, bạch Thế Tôn, con muốn đến để được thấy Thế Tôn, nhưng thân con không đủ sức mạnh để được đến thấy Thế Tôn...

- Thôi vờ rồi, này Vakkali, có gì đáng thấy đối với cái thân hôi hám này. Nay Vakkali, ai thấy pháp, người ấy thấy Ta, Ai thấy Ta, người ấy thấy pháp. [1].

Trên đây là đoạn đối thoại giữa Thế Tôn và Vakkali. Qua mẫu đối thoại này, nó gợi ý cho chúng ta hiểu rõ một vài vấn đề căn bản trong Phật pháp. Vấn đề trước tiên mà chúng ta cần xác định nơi đây là, Đức Phật và Tỷ kheo Vakkali đứng từ hai vị trí khác nhau. Tỷ kheo Vakkali đứng từ góc độ tình cảm, có lòng kính ngưỡng, muốn đánh lễ và tận mắt nhìn dung nhan đức Phật lần cuối trước khi nhắm mắt lìa trần. Thế nhưng, đức Thế Tôn không đứng từ góc độ tình cảm này, an ủi Vakkali.

Ngược lại Ngài đã đứng từ góc độ một vị Đạo sư đến thăm Vakkali lần cuối và giáo dục Vakkali nhận chân được chân lý để được giác ngộ và giải thoát, cho nên Ngài đã nói câu: 'có gì đáng thấy đối với cái thân hôi hám này.'

Theo tôi lời nói này có hai ý nghĩa. Ý nghĩa thứ nhất mà Ngài muốn trao truyền cho chúng ta là, Ngài là con người như bao nhiêu con người khác, do vậy thân thể của Ngài cũng giống như bao nhiêu thân thể khác, cũng cần có sự ăn uống ngủ nghỉ, cũng có trạng thái bệnh hoạn ốm đau và bài tiết. Những chất được bài tiết ra mùi tanh hôi cũng giống như mọi người khác. Không nên có suy nghĩ ngây thơ cho rằng, đức Phật không còn những hiện tượng này.

Nếu chúng ta có cho rằng, Phật và chúng sanh khác nhau, sự khác nhau đó cũng chỉ là sự khác biệt giữa nhận thức, tức là sự khác biệt giữa người đã giác ngộ (Buddha) và chưa giác ngộ. Người đã giác ngộ không còn những loại khổ về mặt tâm lý, nhưng những loại khổ về mặt tự nhiên vẫn còn, như nóng lạnh, bệnh hoạn, v.v...

Còn người chưa giác ngộ, có cả hai loại khổ tự nhiên của vật lý và tâm lý. Thật ra nỗi khổ lớn nhất của con người là nỗi khổ về tâm lý, không phải vật lý. Thứ hai, Ngài muốn nói rằng, Vakkali là người sống quá nặng nề về tình cảm, quá chú trọng về mặt

hình thức bên ngoài của Như Lai, không thấy cái giá trị đích thực từ bên trong mà Ngài đã chứng được dưới cội cây Bồ đề. Cái giá trị của đức Thế Tôn là chân lý không phải là 32 tướng tốt hay 80 vẻ đẹp. Thế thì Vakkali muốn diện kiến cái thân tướng của Thế Tôn để làm gì? Có ích gì cho sự thuyên giảm cơn bệnh trầm trọng mà ông đang gánh chịu? Có giúp gì cho cái chết sắp cận kề mà Vakkali đang đối mặt?

Trước nỗi đau khổ này, chỉ có giáo pháp mà Thế Tôn đã chứng mới có thể làm chấm dứt hay tối thiểu cũng làm giảm bớt sự đau khổ của Vakkali, cái pháp đó, chân lý đó Vakkali cần phải diện kiến thấy được trước khi qua đời, nếu không thì sống đời sống xuất gia vô ích, không có lợi gì cho mình hưởng gì là làm lợi lạc chúng sinh.

Thế thì chân lý mà Ngài chứng được dưới cội cây Bồ đề là gì? Đó là đạo lý duyên khởi (pratiya-samutpada), nguyên lý vận hành của con người và vũ trụ, trên thế gian không có một vật, một người nào sinh tồn hay biến mất mà không theo nguyên tắc này. Đây chính là ý nghĩa mà đức Phật trình bày trong "Kinh Tập A hàm" với nội dung như sau:

"Pháp duyên khởi chẳng phải do ta làm ra, chẳng phải do người khác làm ra. Dù Như Lai có xuất hiện hay không xuất hiện ở thế gian, pháp này vẫn tồn tại. Như Lai tự giác ngộ pháp này, thành đẳng chánh giác..." [2]

Giáo lý mà đức Phật giác ngộ dưới cội cây Bồ đề là duyên khởi mà duyên khởi là nguyên tắc vận hành của cuộc đời, không phải do đức Phật tự mình sáng tạo ra mà nó là nguyên tắc vận hành của con người và vũ trụ, không có một cái gì một người nào lại vận hành ngoài qui luật này, cho nên giáo lý duyên khởi được gọi là chân lý. Từ chân lý trong nhà Phật được mang ý nghĩa như vậy, không phải là lời nói hồ đồ, thiếu cơ sở.

Căn cứ từ giáo lý duyên khởi này, đức Phật chỉ ra bản chất con người không có cái gì gọi là ngã (atmam) hay linh hồn trường cửu, các sự vật luôn luôn ở trong trạng thái thay đổi chuyển dịch, sự chuyển dịch đó đức Phật gọi là vô thường (anitya), không có một pháp nào đứng yên cố định. Sắc đẹp, sự giàu sang, địa vị... dù chúng ta cố cố giữ đến đâu, rồi cũng phải chịu đổi thay ở một lúc nào đó. Sự khác biệt giữa người trí và kẻ ngu chính là sự nhận thức đúng hay sai, có nghĩa là thái độ của chúng ta như thế nào về thực trạng này.

Người trí chắc chắn không cưỡng ép làm một việc gì trái với qui luật, do vậy khi sự vật vô thường chuyển dịch, người trí không vì vậy mà sinh buồn rầu lo âu hay có thái độ chống đối, chỉ có kẻ ngu mới muốn bắt sự vật đứng yên theo ý mình. Muốn mà không được là nguyên nhân sinh ra đau khổ.

Vì lòng thương chúng sanh trầm luân trong đau khổ, đức Phật tùy theo căn cơ và trình độ khác nhau của mỗi loại chúng sanh, dùng mọi phương tiện khác

nhau chỉ cho chúng sanh thấy được chân lý này, để họ được giác ngộ và giải thoát mà hình thành Tông phái, phân chia có Tiểu có Đại.

Từ điểm này nó gợi ý cho chúng ta hiểu, Pháp duyên khởi, vô thường, vô ngã là chân lý, những phương tiện hay những hình thức giáo dục khác nhau, nó không phải là chân lý, vì nó chỉ có giá trị, và phù hợp với một đối tượng cụ thể và nhất định nào đó, không thể là cái chân lý chung cho mọi con người và mọi xã hội khác nhau, cho nên không được gọi là chân lý.

Ở đây tôi muốn mọi người nên chú ý một điều rằng, lòng ngưỡng mộ đó rất tốt và rất cần, nhưng chúng ta không nên lẫn lộn lòng ngưỡng mộ này đồng nghĩa sự hiểu biết về Phật pháp. Xuất phát từ lòng ngưỡng mộ tôn sùng đó, chúng ta đã phát ngôn rất bừa bãi, đôi khi có thương tổn đến Phật pháp.

Ví dụ chúng ta thường nói rằng, Phật pháp là chân lý, trong khi đó chúng ta giới thiệu một số quan điểm về Phật pháp, nó hoàn toàn không liên hệ có giá trị gì với đời sống con người, đôi khi lại có hại cho cuộc sống. Trong khi đức Phật nỗ lực giới thiệu, làm cho con người thấy rõ được chân lý để được giác ngộ và giải thoát thì chúng ta làm ngược lại giới thiệu với con người xã hội với những quan điểm mù mờ, đen tối, thiếu cơ sở, thiếu ánh sáng của khoa học.

Thế thì những quan điểm đó làm sao gọi là chân lý được? Có thể điều đó đúng và hợp lý cho một phần tử nào đó trong xã hội, nhưng không phải là tất cả, cho nên không thể gọi là chân lý. Đó chính là lý do tại sao đức Phật dạy: *Tin ta mà không hiểu ta là hủy báng ta.*

Hoạt động của khối óc và con tim là hai lãnh vực khác nhau, cả hai đều cần cho sự sống của con người, nhưng không thể thay thế cho nhau. Trái tim mà thay cho khối óc suy nghĩ sự việc thì cuộc đời sẽ xuất hiện biết bao sự lộn xộn và rối rắm; khối óc mà thay thế cho trái tim làm việc thì cuộc sống của con người chẳng khác nào như sinh hoạt của tòa án, cho nên chúng ta không nên lẫn lộn giữa khối óc và con tim. Theo tôi, nên sống với nhau bằng trái tim và nên làm việc bằng khối óc.

Qua sự trình bày trên nó giúp chúng ta lý giải câu: *Ai thấy pháp, người ấy thấy Ta, Ai thấy Ta, người ấy thấy pháp.* Ở đây khái niệm Ta chỉ cho đức Phật, như vậy câu này được hiểu là Ai thấy pháp, người ấy thấy Phật; Ai thấy Phật, người ấy thấy pháp. Pháp ở đây chỉ cho giáo pháp duyên khởi. Ai thấy được pháp duyên khởi, người ấy cũng thấy được trạng thái vô thường, vô ngã của vạn vật và ngay cả bản thân mình.

Ai đã thấy được vô thường vô ngã thì người ấy không thể chấp: "Cái này là của tôi là tôi là tự ngã của tôi," như vậy, được giác ngộ và giải thoát. Ở đây, khái niệm giác ngộ và giải thoát là khái niệm mô tả về kết quả của sự thấy và biết, từ trong nhà Phật thường dùng là trí tuệ, chính là kết quả sự tu tập của đức Thế Tôn dưới cội cây Bồ đề. Sự giác ngộ này đã làm cho chính Ngài thoát khỏi mọi sự ràng buộc khổ đau, cho nên gọi là giải thoát. Bất cứ ai giác ngộ như Ngài cũng sẽ có những sự giải thoát như Ngài không cao không thấp.

Đương thời cũng đã có nhiều người của nhiều giai cấp khác nhau thực hành lời dạy của Ngài, cũng đã được giác ngộ giải thoát. Sau khi sống trong giáo pháp của Ngài, được giác ngộ giải thoát, họ mới cảm thấy rằng, sự khác biệt giữa đường lối tu tập của đạo Phật và các tôn giáo truyền thống Ấn độ rất xa. Đức Phật thì khuyên con người "Đến đạo Phật để

thấy và biết, giải quyết khổ đau, chứ không phải để tin" còn các tôn giáo khác thì đặt nặng niềm tin niềm chú và cầu nguyện.

Đó chính là lý do tại sao có nhiều người sau khi nghe đức Phật nói pháp bèn phát biểu:

"Thật vi diệu thay, Tôn giả Gotama! Tôn giả Gotama, như người dựng đứng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ lạc hướng, hay đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Tôn giả Gotama dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích." [3]

Như vậy, điểm nổi bật của đức Phật Thích Ca Mâu Ni là sự giác ngộ giải thoát, không phải là 32 tướng tốt hay 80 vẻ đẹp, nguyên tắc để trở thành bậc giác ngộ giải thoát chính là thấy được pháp duyên khởi vô thường vô ngã. Ai muốn thấy Phật thì người ấy phải thấy được pháp. Cũng vậy, ai đã thấy được pháp duyên khởi vô thường vô ngã cũng có nghĩa là người ấy đã thấy Phật, vì khái niệm Phật với khái niệm pháp chỉ cho người thấy chân lý và chân lý.

Thế nên, tỷ kheo Vakkali nếu muốn diện kiến đức Thế Tôn cần nên diện kiến sự giác ngộ và giải thoát; nếu như Vakkali muốn tỏ lòng ngưỡng mộ đức Thế Tôn thì Vakkali nên thực hành giáo pháp của Ngài; nếu như Vakkali muốn đoạn trừ những nỗi khổ đau cho mình thì Vakkali chính mình phải giác ngộ lý duyên khởi vô thường và vô ngã; còn nếu như Vakkali muốn hóa độ chúng sanh thì trước tiên Vakkali phải giác ngộ chân lý. Đó là nội dung và ý nghĩa câu: "Ai thấy pháp, người ấy thấy Phật; Ai thấy Phật, người ấy thấy pháp" khi Ngài khuyên tỷ kheo Vakkali lúc lâm bệnh.

Dẫu rằng, đây là lời dạy của Thế Tôn cho Tỷ kheo Vakkali trong quá khứ, tôi tin rằng, nội dung và ý nghĩa của nó vẫn còn có giá trị thiết thực cho Phật giáo ngày nay. Phải chăng chúng ta đang cố tô son phết vàng ca ngợi 32 tướng tốt của đức Phật nhưng chúng ta lại vô tình hay cố ý quên đi giáo pháp mà Ngài đã giác ngộ?

Phải chăng với lòng kính ngưỡng chúng ta dùng mọi lời tán dương, giới thiệu tính siêu việt của hệ thống triết lý nhà Phật, nhưng chúng ta quên rằng thế hệ tuổi trẻ ngày hôm nay là thế hệ được được trưởng thành trong xã hội tiến bộ về khoa học kỹ thuật, và được đào tạo trong hệ thống giáo dục tiên tiến, có trình độ chuyên môn cao, chúng sẽ khó chấp nhận những quan điểm mù mờ thiếu cơ sở khoa học. Trong khi đó phần lớn của con người trong xã hội ngày nay, quan tâm đến những vấn đề có liên quan đến con người và xã hội mà họ đang sinh tồn, không phải là những vấn đề mang tính triết lý siêu hình.

Tôi tin rằng, giáo lý mà đức Phật giác ngộ là giáo lý cho con người, đối tượng mà đức Phật giáo dục là con người. Dẫu rằng hệ thống giáo lý đó đề cập giải quyết những vấn đề cụ thể trong quá khứ, đôi khi không còn phù hợp cho con người và xã hội ngày nay, nhưng ngang qua những hình thức giáo dục đó, nó vẫn ẩn chứa một nguyên lý tinh thần giáo dục mà đức Phật muốn gợi cho các thế hệ sau không cùng xã hội và lãnh thổ. Nguyên lý đó, tinh thần đó có giá trị tuyệt đối, áp dụng cho mọi thời đại và con người.

[1] H.T Minh Châu dịch, "Kinh Tương Ưng Bộ" tập 3, Viện Nghiên cứu Việt nam Ấn hành, năm 1993, trang 219.

[2] H.T Thiện Siêu và Thanh Từ dịch, "Kinh Tạp A hàm" tập 1, Viện nghiên cứu Phật học Việt nam ấn hành 1993, trang 635.

[3] H.T Minh Châu dịch, "Kinh Tương Ưng Bộ" tập 3, Viện Nghiên cứu Việt nam Ấn hành, năm 1993, trang 219.

GIÁ TRỊ CỦA PHẬT GIÁO TRONG THẾ GIỚI TÂN TIẾN HIỆN ĐẠI

Nguyên tác: **Đại Đức Kodo Matsunami**
Chuyển ngữ: **H.T. Thích Trí Chơn**

Trong thời đại tân tiến ngày nay, hình như chúng ta có thể thụ hưởng tất cả mọi điều chúng ta muốn nếu chúng ta siêng năng làm việc và có tiền. Tiền bạc chắc chắn sẽ mang lại cho chúng ta nhiều tiện nghi văn minh, có thể giúp chúng ta thoải mái sống hàng ngày. Tuy nhiên đồng thời, chúng ta thấy rằng những tiện nghi tân tiến đó không giải quyết được những vấn đề thiết yếu cho đời sống chúng ta.

Một số đồng người đang đau khổ vì những lo nghĩ vật chất cũng như tinh thần đã làm lay chuyển căn bản cuộc sống của họ. Đời sống chúng ta còn luôn bị đe dọa không dứt bởi những làn sóng bất an và sợ hãi. Người hôm qua chúng ta gặp có thể bị tai nạn và chết hôm nay. Và ngày mai, một trận thế chiến khác biết đâu lại chẳng xảy ra để tận diệt toàn thể chúng ta.

Sự có một chiếc xe hơi hay một gian nhà không bù đắp được niềm lo âu và sợ hãi ở nội tâm chúng ta. Khi chúng ta nhận thức được rằng nhu cầu vật chất là thiết yếu, nhưng không phải là phương tiện tuyệt hảo có thể làm cho cuộc sống chúng ta phong phú, dĩ nhiên lúc ấy chúng ta sẽ phải tìm đến tôn giáo là nơi hy vọng có thể đem lại cho chúng ta sự an bình trong tâm và ý nghĩa của cuộc sống. Xung quanh chúng ta có nhiều màu sắc tôn giáo đang mời gọi tâm hồn chúng ta. Tuy nhiên chúng chỉ ảnh hưởng đến chúng ta một cách gián tiếp. Nhiều người quá chú trọng đến công tác xã hội gần như quên hẳn những vấn đề khác của đời sống tôn giáo. Có những kẻ lại chỉ lo nghĩ đến việc cầu xin mê tín dị đoan và chấp nhận mù quáng mọi giáo điều của giới lãnh đạo tinh thần trong tôn giáo.

Mọi lý thuyết Thần Học về những quyền lực siêu nhân của họ tìm thấy qua sự chữa lành bệnh nhân và các phép lạ không dễ dàng chứng thực trong đời sống hằng ngày của chúng ta. Do đó, chúng trở nên càng khó hiểu và thực hành. Nhiều người đã không thỏa mãn nên khao khát đi tìm một vài giải đáp chân chính cho những vấn đề thắc mắc trong cuộc, có thể thỏa mãn cả hai mặt tinh thần và tình cảm của họ; nhưng họ đã không tìm thấy điều đó trong các tôn giáo cổ truyền và đành bỏ chúng để hy vọng tìm câu giải đáp trong những thế giới ẩn chứa dục vọng. Tuy nhiên, họ đã thất bại không tìm

ra ý nghĩa cuộc sống qua những cảnh giới hoan lạc nói trên và tinh thần họ trở nên những kẻ cuồng loạn không còn có thể đương đầu với mọi vấn đề sự sống khách quan của họ nữa.

Chúng ta nên nhận thức rằng chúng ta phải làm chủ nhân ông, chứ không là những kẻ nô lệ cho mọi nếp sống dục vọng thường tình mà chúng vốn lâu đời ngự trị ở chúng ta. Trong vấn đề này, Phật Giáo đã nổi bật hơn các tôn giáo khác. Phật Giáo là một tôn giáo - thế giới và là một phương pháp sống do Đức Phật Thích Ca chỉ bày khoảng 2.500 năm về trước. Điều mà Ngài đã chứng ngộ là một giáo lý độc nhất chưa có vị Hiền Thánh nào trên thế giới này tìm ra. Chính Ngài đã có một kinh nghiệm khổ đau về mọi vấn đề cuộc sống và nhờ ở sự tu tập tranh đấu bản thân, Ngài đã giác ngộ được con đường tận diệt chúng. Con đường đó là sự nhận thức về "Bản Thể Đồng Nhất Của Sự Sống" mà không một tôn giáo Tây Phương nào có thể tìm ra.

Đức Phật đã giác ngộ sâu xa rằng tất cả chúng sanh hữu tình đều có chung ý muốn ham sống và sự thể hiện nó trong những hoàn cảnh riêng của mỗi người. Mọi người đều gắn liền với thực tại và họ chỉ có thể sống còn nhờ nương vào sự sống của những kẻ khác. Cho nên cuối cùng, đức Phật tin tưởng rằng con đường duy nhất chúng ta có thể áp dụng mà không làm hại lẫn nhau là thực hiện sự đồng nhất căn bản của mọi cuộc sống. Thế giới chúng ta không gì khác hơn ngoài sự thể hiện tánh đồng nhất của cuộc sống trong đó mọi chúng sanh, hữu tình cũng như vô tình đều mật thiết tương quan sinh tồn.

Trên căn bản này sự cuộc sống, con người phải xóa bỏ mọi sự phân biệt và chấm dứt cái ý tưởng gọi là "Của Ta" hoặc "Không Phải Của Ta." Sự phân biệt này phát sinh bởi lòng dục vọng vô minh, nguồn gốc sâu xa từ vô thi đã buộc ràng con người. Theo Phật Giáo, lòng tham mù quáng đã khiến chúng sanh phân biệt cuộc sống cá nhân với vô lượng thế giới sự sống của những kẻ khác, và từ đó phát sinh ở tâm niệm con người mọi ý tưởng tranh chấp, ngộ nhận và xung đột. Cũng bởi lòng tham mù quáng này đã dẫn đến sự chấp ngã "cái Ta" của con người và do đó sinh ra tính xấu vị kỷ. Vì dục vọng vô minh con người đã chống lại bản thể đồng nhất của sự sống để tạo



LUYỆN ÁI VÀ HẬN THÙ ĐỀU LÀ BÀI HỌC ĐỂ TU HÀNH

LÂM THANH HUYỀN

Bản dịch của Minh Chi



Bồ Tát đã biết lợi dụng cảm quan để tu hành thì các chuyện luyện ái hận thù trong nhân gian không phải là không có ý nghĩa. Nếu có người cho rằng đều là không có ý nghĩa thì người ấy sẽ không thấy được cái có ý nghĩa hơn, ở đằng sau luyện ái và hận thù. Tu hành như vậy không phải là tu hành theo Đại thừa, cũng không phải là tu hành của nhân gian.

Các kinh Tiểu thừa bảo chúng ta rằng, phải đoạn trừ mọi lòng ái dục mới có thể được giải thoát; mới có thể ngộ được tự tánh; tu hành theo Đại thừa thì không như vậy. Về sự khác biệt giữa Đại thừa và Tiểu thừa, tôi xin đưa ra hai ví dụ để hiểu:

Ví dụ thứ nhất là trồng cây. Một người muốn trồng cây, sau khi trồng, anh ta ra sức làm cho cây trồng được lớn mạnh. Một người khác, khi bắt đầu trồng cây đã có ý định: Ta sẽ bắt cây này có hình thù một cái dùi đầu tròn. Sau khi cây lớn, anh ta bèn sửa sang cắt dọn để cây mang hình một cái dùi đầu tròn. Làm như vậy, anh ta không làm cho cây lớn tốt được. Còn người thứ nhất thì đầu tiên tập trung sức lại làm cho cây trồng được tốt, rồi sau mới lo cắt dọn. Đó là phương pháp của Đại thừa. Còn phương pháp của người thứ hai là phương pháp Tiểu thừa.

Tu hành ở nhân gian, điều quan trọng nhất là trồng cây của anh cho tốt. Trồng cây của anh cho tốt là thế nào? Nghĩa là làm cho anh có tâm từ bi rộng lớn, có trí tuệ rộng lớn. Sau đó mới sử dụng lòng từ bi và trí tuệ của anh, để xem xét luyện ái và hận thù. Xem xét như vậy sẽ thấy sự vật rất rõ ràng, minh bạch.

Ví dụ thứ hai là trồng hoa. Người Tiểu thừa trồng hoa, thì chỉ trồng một cây hoa. Nếu gần cây hoa đó có cỏ mọc thì lập tức nhổ cỏ đi. Chỉ canh

cánh chăm sóc cho cây hoa mọc tốt là được. Còn người Đại thừa thì trồng rất nhiều hoa, vì có rất nhiều người cần tới hoa của anh ta, và anh ta cũng không ngừng gởi hoa đến những người khác. Vì phải chăm sóc nhiều cây hoa như vậy, và phải làm cho cây nào cũng lớn tốt, cho nên có lúc không chú ý được tới những cỏ dại, mọc lên giữa các cây hoa. Chờ khi các cây hoa lớn, nếu có một vài sợi cỏ cũng không thành vấn đề. Nhưng nếu chỉ trồng có một cây hoa mà thôi thì chỉ một ít cỏ cũng thành vấn đề rất nghiêm trọng.

Hiểu như vậy rồi, sẽ có quan điểm rất tốt để xem xét vấn đề dục vọng của nhân gian. Tôi luôn tin rằng, mọi sự vật ở thế gian này đều thuộc phạm vi tu hành của con người, mọi đối tượng chúng ta gặp trong nhân gian đều là đối tượng của từ bi, chứ từ bi không phải chỉ là mua cá hay chim để rồi thả gọi là phóng sanh. Anh gặp một người đau khổ trên đường, người ấy cũng là đối tượng từ bi của anh. Mỗi nhân duyên gặp gỡ đều là nhân duyên khai mở trí tuệ, ở bất cứ nơi nào hay lúc nào đều có thể tu tập Thiền định. Đối với người học Phật, sống một ngày là một ngày tu hành.

Rất nhiều Phật tử, mỗi ngày đêm đều lên khóa lễ sớm chiều nghiêm túc. Sáng dậy, lập tức đánh chuông đánh mõ tụng kinh. Tối đến cũng như vậy. Trong chùa Phật là người thành kính thanh tịnh, ra khỏi chùa thì lập tức biến thành người khác rồi. Tu hành như vậy là không triệt để. Trong chùa, ngoài chùa, và ở khắp mọi nơi, sự ứng xử của chúng ta phải không thay đổi.

Đối với người yêu, chúng ta hy vọng người yêu cũng như mình đều có được đời sống hạnh phúc. Nhưng nếu chẳng may, tình yêu không thành thì cả hai người đều rút ra được bài học trong thất bại, mở mang trí tuệ, đi theo con đường trí tuệ. Đó chính là khóa tu hành của chúng ta: là sự giác ngộ trong ái tình, và có lòng khoan dung đối với người mình thù hận, thậm chí còn cười với họ nữa.

Giữa những người cấp tháo nóng nảy, hãy chịu đựng và bình tĩnh.

Giữa những người hung bạo hãy ôn hòa.

Giữa những người có lòng tham, hãy sống khảng khái.

Giữa những người buồn khổ, hãy sống từ bi.

Giữa những người lòng tràn đầy cừu hận, hãy sống với lòng không hận thù.

Tất cả những cái đó đều là công khóa tu hành.

Cho nên, luyện ái và hận thù đối với chúng ta cũng là công khóa tu hành.

(trích từ: Tin tức từ Biển Tâm)



SỰ TRANH CÃI về KỲ THỊ GIỚI TÍNH trong TĂNG ĐOÀN PHẬT GIÁO

Tác giả: **ANTHONY BURNS** - Trường Đại Học Quốc Tế Thái Lan

Thích nữ Tịnh Quang dịch

Ông Anthony Burns là nhà nghiên cứu Irish trong truyền thống Zen hơn 16 năm. Ông ta hoan hỷ trả lời những thắc mắc của các bạn. Bạn có thể tiếp xúc với ông ta qua email: anthonymburns@hotmail.co.uk

Sự kỳ thị phân biệt đối với nữ giới trong Phật giáo có gốc rễ của nó trong xã hội Vệ Đà và là bệnh chướng thuộc về cấu trúc gia trưởng của xã hội loài người từ thời gian đó. Tuy nhiên, sự bất bình đẳng giới mà chúng ta đã thấy thì không thể biện minh trong những pháp môn Phật giáo và là một sự mâu thuẫn trắng trợn của giáo pháp.

Mặc dù Đức Phật đã làm một số bước để giải quyết vấn đề bất bình đẳng giới, nhưng đã không thể tránh khỏi bị hạn chế bởi tư tưởng văn hóa cực kỳ lạc hậu trong thời gian của ngài. Đức Phật không phải là một nhà cải cách xã hội, mục đích của ngài không phải là để thay đổi xã hội, nhưng chỉ để thay đổi trái tim của các yếu tố xã hội, con người. Khi ngài lập luận chống lại sự bất công xã hội, thông thường vì sự thực hành đặc biệt hoặc một niềm tin là một sự trở ngại cho việc truyền bá của Giáo pháp. Ví dụ, không xác thực để cho rằng Đức Phật đã tấn công hệ thống đẳng cấp của nó, những gì ngài tấn công là niềm tin giai cấp đã được (ngài) xác định bởi yếu tố Di truyền chứ không phải do Nghiệp. Đức Phật lịch sử là một nhà Thực dụng, ngài đã hiểu rõ đầy đủ, chính xác làm thế nào ngài có thể thực thi. Nếu sự thành công của Giáo pháp có nghĩa rằng ngài phải thực hiện trong điều kiện xã hội bất công, thì đó là những gì ngài đã làm. Một nhà lãnh đạo phải hướng dẫn từ phía trước, nhưng nếu ngài di chuyển quá xa thì ngài sẽ mất đi môn đồ của ngài. Hy sinh sự thành tựu của Giáo pháp chỉ để theo đuổi một vài lý tưởng cách mạng xã hội thì không phải là hành động của một vị Phật đã hoàn toàn giác ngộ. Sử dụng phương tiện thiện xảo tốt nhất là phù hợp với quần chúng và mô hình văn hóa luôn luôn là phương thuật thích đáng của ngài. Nếu ngài giảng dạy trong xã hội ngày nay, chắc chắn rằng ngài sẽ sử dụng nhiều ngôn ngữ khác nhau và trình bày ý tưởng của ngài theo sự hiểu biết của thế kỷ 21. Có nghĩa rằng, nó phải được đề cập trực tiếp mà căn bản có thể và sẽ không thay đổi, là cốt lõi giáo lý. Nếu chúng ta đủ may mắn ở trong thời kỳ tinh thần băng giá rồi gặp được một vị Phật khác sinh ra giữa chúng ta, chúng ta không có lý do tin rằng những



giáo lý cốt lõi sẽ khác biệt về cơ bản hơn so với những lời giảng dạy bởi Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Những gì tiếp theo của khuôn khổ ngôn ngữ và văn hóa xã hội của các giáo lý? Có bất cứ ai nghiêm túc đề nghị rằng Đức Phật Di Lặc sẽ trình bày giáo lý của Ngài theo tập quán xã hội được chấp nhận của xã hội Bà la môn giáo của 500 năm trước kỷ nguyên? Nếu điều này có vẻ lố bịch thì chúng ta phải đối mặt với một câu hỏi, tại sao bây giờ trong thế kỷ 21 chúng ta vẫn còn Bỏ tù Phật pháp trong những tập quán nguyên thủy xa

xưa như thế?

Bản chất cơ bản của chúng sinh là vô minh và ảo tưởng. Đức Phật đã dạy Giáo pháp giác ngộ cho những người chỉ đơn giản là không thể nhìn thấy nó đối với chính mình. Cũng giống như vị vua đã hỏi những người mù để mô tả một con voi (Udana 6,4), việc sai lầm đối với nhiệm vụ đã bị đánh giá thấp. Đây là một lý do tại sao các nội dung của kinh điển không được nhìn thấy theo nghĩa đen hoàn toàn hoặc lời dạy trực tiếp. Thay vào đó, chúng phải được công nhận như là việc sử dụng các phương tiện thiện xảo được thiết kế để dẫn dắt con người theo một hướng cụ thể tùy theo trình độ nhận thức của họ. Nhiều sự tranh chấp, chia rẽ, lạc giáo, và giáo phái chia tách ra đã đánh dấu sự phát triển của Phật giáo là minh chứng cho sự hiểu lầm này của phương tiện



thiện xảo. Cũng như trong xã hội Aryan - xã hội mà đến bây giờ còn bị quy định bởi suy nghĩ và hành vi hẹp hòi và bị lừa dối. Cũng vậy, điều mà chúng ta đã tiếp tục cố chấp trong hành vi và suy nghĩ vốn dĩ lừa dối đối với giáo lý của Đức Phật, hành vi lừa dối như thế bao gồm một phần nào đó thuộc về giáo lý. Bài tiểu luận này là một nỗ lực để tách hai yếu tố mâu thuẫn đã nổi kết như thế nào đó vào nhau. May mắn thay, chúng ta có thể nói rằng hành lý văn hóa của xã hội cổ Aryan chủ yếu là không bao hàm trong giáo lý Phật giáo. Ngoại trừ một điều duy nhất đối với nền văn hóa này là sự bất bình đẳng giới cũng đã trở thành một tính năng của xã hội sau này, và do đó đã tiếp tục trở thành như là tính năng của Tăng đoàn Phật giáo.

Đức Phật, ngài đã biết rõ về bản chất phân biệt của những ảo giác lừa bịp con người, đã thận trọng khuyên đệ tử của mình kiểm tra bất kỳ sự nghi ngờ nào đối với lời giảng dạy, xét từng chữ, không phù hợp với kinh điển (DN 16). Ngài lặp đi lặp lại sự cảnh báo này cho những người Kalama khi ngài bảo họ không nên tin vào lời giảng dạy của ngài trừ khi họ đã chứng minh nó bằng kinh nghiệm riêng của họ (AN 3,65). Nếu chúng ta tránh những sai lầm lớn của sự lừa dối và vô minh của con người ảo tưởng với lời giảng dạy giải thoát, chúng ta phải sử dụng phương pháp mà ngài đã ban cho chúng ta.

Bất cứ khi nào chủ đề của giới tính được nêu ra trong Tăng đoàn tu sĩ Phật Giáo, dĩ nhiên trọng tâm của sự chú ý được thu hẹp vào một tài liệu cụ thể. Tài liệu này, được tìm thấy trong Cullavagga của Luật Tạng, trình bày tâm khoản của nền tảng Ni Đoàn - Tăng Đoàn của các Tỷ Kheo Ni Phật giáo. Không phải mục đích của bài viết này là để tham gia vào cuộc tranh luận về tính xác thực của tài liệu đó hoặc bất kỳ tài liệu nào khác đã kết nối với nó. Bằng chứng đối với (và) sự chống lại tính xác thực đã được nhắc lại trong các tài liệu trước. (7) (3) (4). Cho đến nay, không có bằng chứng lịch sử kết luận được phát hiện để hỗ trợ vị trí. Bài viết này sẽ cố gắng chứng minh rằng cuộc tranh luận về chứng cứ tài liệu này là khá đơn giản một "việc đã xảy ra." Thay vì tập trung sự chú ý của chúng ta về việc tìm kiếm một giải pháp cho một vấn đề nghiêm trọng; nó đã gây ra cho chúng ta nhìn theo hướng sai lầm, bỏ lỡ mẫu chốt sự thực. Nếu chúng ta muốn đạt được sự thật của vấn đề này, không phải trong các sự kiện của thời tiền sử mà chúng ta sẽ tìm thấy nó. Thay vào đó là hướng đến những lời dạy cốt lõi của Đức Phật, thử và kiểm tra xuyên qua các thể hệ của các môn đệ, là điều mà chúng ta nên tìm ra cho câu trả lời của chúng ta.

Mối trường lịch sử của Đức Phật đã được điều động bởi hệ thống của hệ thống đẳng cấp Bà La Môn. Vào đầu xã hội Aryan, vị trí của phụ nữ bị phân biệt đối xử tương đối ít. Tuy nhiên, sự gia tăng của các giai cấp Bà la môn và sự kiên cố của hệ thống đẳng cấp đã hạ thấp tình trạng của phụ nữ ngang tầm với đẳng cấp thấp nhất, Sudra. Mục đích duy nhất của phụ nữ là để phục vụ đàn ông và sinh con cho người đàn ông. Phụ nữ đã bị từ chối bất kỳ vai trò nào trong việc thực hành tôn giáo và sự cứu độ cho họ là hoàn toàn phụ thuộc vào mức độ của lòng sùng mộ của họ với ông chồng "trời" của mình. (1) (6) "Không có sự hy sinh, không có lời thề, không có gì phải được thực hiện ngoài người chồng của họ; nếu một người vợ phục dịch chồng, cô ta sẽ được cho rằng đó là lý do duy nhất mà mình được tán dương ở cõi trời." (2)

Mặc dù được thành lập vào thời gian sau, "Luật



Manu" đã điều chỉnh xã hội Vệ Đà, tác động bề mặt vào địa vị xã hội và tôn giáo của phụ nữ ở thời điểm của Đức Phật. Tình trạng này không thể tin nổi là nguyên nhân làm nổi bật cuộc cách mạng như thế nào mà Đức Phật thành lập Tăng đoàn của Tỷ Khưu Ni tại thời điểm đặc biệt này. Không thể đánh giá thấp tác động mà bước này đang ở trên xã hội Bà la môn. Tuy nhiên, bài viết này sẽ chứng minh một nấc thang không thể tránh khỏi đối với Đức Phật, để từ chối sự xuất gia cho phụ nữ đã đòi hỏi ngài phải mâu thuẫn với chính giáo lý của mình. Một sự mâu thuẫn như vậy sẽ mang lại nhiều yếu tố quan trọng của Giáo pháp dẫn đến những nghi vấn. Đó là trong ánh sáng của những lời dạy mẫu chốt mà chúng ta phải xem xét vấn đề thuộc về sự kỳ thị giới tính.

Mặc dù điều này đã trở thành một vấn đề tranh cãi sau khi Đức Phật nhập diệt và ngay cả trong thời gian gần đây, giáo lý Vô ngã được chấp nhận như một giáo lý cốt lõi của cả hai truyền thống Nguyên Thủy và Đại Thừa. "Năm uẩn là vô thường và không có bản ngã. Đây là phương hướng của học thuyết mà Đức Phật đã hoàn toàn xác nhận"(5). Một cách đặc biệt, lời dạy này đã đánh dấu Giáo pháp của Đức Phật khác biệt với hệ thống Upanishad (Áo Nghĩa Thư), hoặc những lời giảng dạy khác trong giai đoạn của ngài. Khi ngài tuyên bố rằng hình tướng con người vốn không bao hàm Bản ngã bất biến hay Linh hồn, Đức Phật đã đánh và trái tim của hệ thống hình thành giáo lý Upanishad và Sramana vào thời gian của ngài. Trong kinh Anatta-lakkhana, Đức Phật tuyên bố rõ ràng rằng các tướng là vô ngã. Chúng ta lưu ý rằng lời tuyên bố này hoàn toàn không có sự phân biệt giữa tướng nam và tướng nữ. Trong cái tướng người, chúng ta không có thể tìm thấy bất kỳ tự ngã hay linh hồn cố hữu hoặc thường tại. "Tỷ kheo, tướng vốn không có tự ngã. Nếu tướng có tự ngã, nó sẽ không đưa đến hoại diệt. Có thể có sự phân biệt đối với các hình tướng, 'hình tướng này như vậy, hình tướng này không như vậy.' Nhưng một cách chính xác vì hình tướng vốn vô ngã, hình tướng dẫn đến hoại diệt. Và không thể phân biệt đối với các hình tướng, 'hình tướng này là như vậy, hình tướng kia không như vậy.' (SN 22,59)) Trong kinh Satipatthana Đức Phật nêu rõ rằng hình tướng của con người là không gì hơn là một dòng tạm thời của bốn yếu tố vật chất. Khi đề cập đến hình tướng ngài lại tiếp tục xoá tan sự phân biệt giữa nam và nữ.

"Hơn nữa ... giống như một tay đồ tể, hay đệ tử của ông ta, giết một con bò, ngồi ở ngã tư đường cắt nó thành từng miếng, Tỳ kheo chiêm nghiệm kỹ cơ thể này cũng như thế, dù nó đứng, dù nó bị xử lý – trong những điều kiện sở hữu: 'Trong thân thể này có yếu tố của đất, yếu tố của chất lỏng, yếu tố của lửa, và yếu tố của gió.' (MN 10.) Trong 'Lesser Discourse on Emptiness' from the Majjhima Nikaya (Majjhima Nikaya, chương Tiểu Kinh Tánh Không), Đức Phật khuyên A Nan về việc nhận thức đúng phải dựa trên sự hiểu biết đối với tánh Không, "lỗi nhận thức" đó là "nhận thức rằng không về con người." Khi phương hướng nhận thức này được sử dụng rồi "thì những phiền não có thể còn tồn tại dựa trên nhận thức của con người sẽ không còn hiện hữu." (MN.121). Vấn đề về bản chất vô tính, và nhận thức đúng đối với tất cả hình tướng này xuyên qua những người đang tích cực tu tập theo con đường của Đức Phật, tìm thấy sự hỗ trợ phong phú trong kinh điển. Tất cả nhiều sự rối rắm về sau khi lòng vào một bài kinh với một nguồn phong phú của giáo pháp, chúng ta đi qua đoạn văn sau:

"Rồi ngài A Nan hỏi Đức Phật: "Bạch Thế tôn, chúng con nên cư xử như thế nào đối với phụ nữ?"

"Đừng nhìn họ, A Nan."

"Nhưng, bạch Thế tôn nếu chúng con nhìn họ?"

"Đừng nói chuyện, A Nan."

"Nhưng, bạch Thế tôn, nếu họ cần nói chuyện với chúng con?"

"Như vậy, A Nan, ông nên thiết lập chánh niệm." (DN 16,23)

Đoạn này xuất phát từ kinh Mahaparinibbana, trong đây Đức Phật đã dạy rằng rằng điều thứ tư trong Bát giải thoát trước đó đạt được bằng cách "Hoàn toàn vượt qua nhận thức về vật thể, bằng sự biến mất nhận thức của phản ứng cảm giác." (DN 16.37)

Cuộc trò chuyện ngắn này với tôn giả A Nan xuất hiện hoàn toàn ngoài ngữ cảnh và không hợp với phạm vi văn bản. Một phản ứng đầu tiên có thể chỉ coi đó là một ví dụ tình nghịch của một vài tu sĩ đã từng ghét đàn bà. Sau cùng, trong bản kinh tương đương sớm hơn, Đức Phật đã chấp nhận một lời mời ăn tối của một cô gái điểm hạng sang nổi tiếng (DN 17). Hơn nữa, các tài liệu từ các kinh điển khác không đề cập đến Phật hay A Nan hành xử đối với phụ nữ theo cách này. Tuy nhiên, nếu chúng ta xem xét kỹ hơn những lời này, không phải một cách hoàn toàn theo nghĩa đen, nhưng trong một phương hướng tìm kiếm nghĩa lý sâu xa thì những lời trên có thể bắt đầu có ý nghĩa.

Trong sự tách biệt, những từ đó xuất hiện để lộ một nỗi sợ hãi không rõ ràng và chưa giác ngộ của các tu sĩ đối với 'phụ nữ'. Tuy nhiên, nếu được nhìn trong ánh sáng của các câu trích dẫn trước đối với khái niệm đúng của hình tướng, sau đó chúng bắt đầu tạo nên cảm quan hoàn hảo. Những gì Đức Phật thực sự nói với ngài A Nan là khi nhìn hay nói chuyện với một người phụ nữ (hoặc bất kỳ ai đó), nếu ông ta có nhận thức đúng thì các hình tướng trước mặt ông ta không còn là một người 'phụ nữ' hoặc bất kỳ sự phân biệt về hình tướng, nhưng đúng hơn là sự thật của Vô ngã, Vô thường và Duyên sinh. Nếu ông ta nhìn vào một người phụ nữ (hoặc bất kỳ hình tướng nào đó) và nhận thức của ông ta bị bóp méo bằng tâm chấp ngã về Tôi và Đối tượng, 'Tôi' và 'không phải Tôi', cái tâm phát sinh phản ứng nhị nguyên của sự tham muốn hay sân hận. "Này Tỳ Kheo, chính cái chấp của ông là nhãn căn, là sắc trần, rồi phát sinh phân biệt của sự tiếp xúc ở nhãn

căn. Nhưng ở nơi đây không có thật hữu của nhãn căn, không có thật hữu của sắc trần, không có thật hữu của nhãn thức: Như thế, Tỳ kheo, các ông không thể chấp thủ." (SN IV.19)

Nhìn theo cách này, đoạn văn trên thoát khỏi ý nghĩa (kỳ thị) và phù hợp với giáo huấn cốt lõi. Chúng ta tạo ra một tai hại lớn cho Đức Phật và Giáo pháp nếu chúng ta áp dụng nghĩa đen và đơn giản một cách mù quáng đối với kinh điển mà không cần cố gắng giải thích hòa hợp chúng với giáo huấn cốt lõi. Vì vậy khi ngài A Nan tuyên bố rằng giáo lý về Paticcasamuppada (duyên khởi) thì không khó hiểu, Đức Phật quả trách A Nan bởi sự vô minh của ông ta. Nếu tất cả những gì đòi hỏi để đạt được trí tuệ Bát nhã là chỉ đọc kinh điển, ai sẽ là người không được giác ngộ?

Một bản kinh Đại thừa ghi chép rằng Đức Phật đã tuyên bố nếu có một lực lượng mạnh mẽ thứ hai như ham muốn tình dục, thì không ai có thể giác ngộ. (10) Điều này gây cho một số tu sĩ nhìn thấy phụ nữ là mối đe dọa lớn nhất đối với sự tu tập của họ hơn là nhận thức ô nhiễm từ bên trong của họ đối với nữ sắc. Có lẽ điều này dễ dàng hơn để loại bỏ các nhân tố bên ngoài - nguyên nhân của sự cám dỗ, đúng hơn nguyên nhân thực sự (từ bên trong). Đức Phật đã biết chắc điểm yếu cố hữu của các đệ tử của mình và thực hiện mọi nỗ lực để bảo vệ họ (AN I. I.) Tuy nhiên, nó lại là một sai lầm khi chúng ta nghĩ rằng Ngài đã bảo vệ họ từ phụ nữ, đó là từ mong muốn riêng mà họ cần tự bảo vệ. Nguyên nhân là sự yếu kém của Tỳ Kheo khi phải đối mặt với những ham muốn tình dục của họ, nhưng Tăng đoàn Tỳ Kheo Ni đã phải hứng chịu những hậu quả về sự yếu kém đạo đức đó. Ngài A Nan, vị tu sĩ có vẻ thông cảm với hoàn cảnh của các Tỳ Kheo Ni, không bị cản trở bởi nỗi sợ hãi và bất an khi nó ảnh hưởng đến việc kiềm chế tình dục. "Xuyên qua 25 năm, tôi đã tu tập cao hơn, không bao giờ tôi phát sinh một ý nghĩ về sự ham muốn. Xem, How Powerfully the Dhamma Works." (Thag 17.3 (v.1039))

Chỉ trong thời gian rất gần đây mà các thành viên Tăng đoàn của Đức Đạt Lai Lạt Ma hiện tại cùng với một số nhà sư ở các nước như Sri Lanka, cuối cùng đã bắt đầu đạt được một số hiểu biết về những sai lầm lớn mà đã gây ra đối với phụ nữ Phật giáo





(4) "trong khi dòng truyền thừa thọ giới Tỳ Kheo tiếp tục còn tồn tại ở hầu hết các quốc gia Phật giáo ngày nay, dòng truyền thừa thọ giới Tỳ Kheo Ni chỉ tồn tại ở một số nước. Vì lý do này, Tứ chúng Phật giáo (Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thiện Tín nam, Thiện Tín nữ) không được đầy đủ trong truyền thống Tây Tạng. Nếu chúng ta có thể giới thiệu thọ giới Tỳ Kheo Ni trong truyền thống Tây Tạng, sẽ là tuyệt vời để có đủ tứ chúng hoàn hảo" (9).

Kết luận của tôi để bài tiểu luận này được dựa trên trí tuệ của một trong những vị Tỳ Kheo Ni A La Hán tuyệt vời của Therigathas (Trường Lão Ni Kệ), đó là Soma. Khi Mara nói với A La Hán Soma rằng cô ta đang lãng phí thời gian của mình trong việc thực hành Phật giáo, vì sự khôn ngoan 'hai ngón tay' của cô ta (giới hạn chỉ để nấu cơm). Soma trả lời rằng đó là tư tưởng kỳ thị giữa nam và nữ và ông ta cần nên bỏ đi. Đối với cô ta, không có sự phân biệt như thế, nhận thức sáng suốt của cô ta là không có nam hay nữ, và có thể thấy rõ qua sự lừa bịp của ông ta. (8)

Thật không may cho Giáo pháp, các thể hệ Tỳ Kheo đã không thể nhìn thấy bằng con mắt vô phân biệt như Soma. Trong sự nghiên cứu và giảng dạy của chúng ta về lời Phật dạy, chúng ta trình bày năm uẩn (Skandhas), ba Pháp ấn (Marks), 18 Giới (Dhātu) v.v... như những chân lý vĩ đại về sự giác ngộ của Đức Phật. Tuy nhiên, khi nói đến việc ứng dụng thực tế của các giáo lý cốt lõi, người ta không thể, nhưng hoài nghi đối với một số người nhìn thấy được 5 uẩn nam và 5 uẩn nữ, Vô ngã nam và Vô ngã nữ. Chúng tôi thắc mắc rằng, những người thực thi và thúc đẩy sự phân biệt kỳ thị dựa trên giới tính (hoặc chủng tộc, hoặc bất kỳ hình thức khác) trong Tăng đoàn họ có thực sự hiểu được ý nghĩa đầy đủ của những giáo lý cơ bản?

Trong các tôn giáo khác trên thế giới như Thiên Chúa giáo, những nỗ lực để phá vỡ rào cản giới tính cũng đã đạt được thành công nhỏ. Giáo lý về Chúa Trời và con trai của ông ta có nghĩa rằng bất sự kỳ tiến bộ nào trong tư duy xã hội đã không gây nên sự khác biệt đáng kể bên trong tổ chức được thống trị bởi nam giới như là Giáo hội Kytô giáo. Tuy nhiên, trong Phật giáo, tình trạng này thì rất khác biệt. Không có sự hiện hữu của một thượng đế, của giới tính, có nghĩa là không có một tổ chức được thống trị dành cho các nam tu sĩ, dù là người trung gian hoặc trong việc thực hiện đối với nghi lễ không cần thiết. Tăng đoàn Ariya bao gồm bốn chúng và không chỉ có một, một khi nó có thể hiện diện. Phật Pháp không có tính hai mặt, sự tồn tại của việc phân biệt đối xử giữa nam và nữ trong bất kỳ cấp độ nào là một sự mâu thuẫn đối với giáo lý. Giáo pháp chân chính không phản chiếu xã hội nhưng vượt qua nó. Để dạy Vô ngã và Vô phân biệt trong khi hành động theo

cách phân biệt kỳ thị là không phù hợp lời nói với hành động. Trong thời đại khoa học của chúng ta, khi các giáo lý tôn giáo thường xuyên đụng độ với chủ nghĩa hoài nghi hoặc sự thù địch biểu hiện, bất kỳ sự gợi ý nào của đạo đức giả là bị tấn công một cách nhanh chóng như là lý do để không chấp nhận. Sự thật rằng khái niệm về bình đẳng giới rất xa lạ với xã hội của Đức Phật mà Ngài đã nỗ lực giới thiệu rõ ràng và đã thất bại. Tuy nhiên, nếu giáo lý cốt lõi và đặc biệt là giáo lý Vô ngã được hiểu, sự bình đẳng giới tính được bao hàm trong lời giảng dạy và không thể tách rời khỏi nó. Nếu Giáo pháp từng có bất kỳ lý do chính đáng nào cho sự bất bình đẳng giữa các Tỳ kheo và Tỳ Kheo Ni, nó đã mất đi tất cả niềm tin từ lâu.

Link: <http://ibc.ac.th/en/content/argument-against-gender-discrimination-within-buddhist-sangha>

References:

- * Sutta quotations from access to insight website. <http://www.accesstosight.org>
 - (1) Basham, A.L. 2000. The Wonder That Was India. Rupa & co. Delhi. (pp. 137-182)
 - (2) Website (section V. 147,148,154,155) Buhler, George. 1886. Sacred books of the East vol. 25, The Laws of Manu. Sacred texts. <http://www.sacred-texts.com/hin/manu.htm> (accessed 2/8/08)
 - (3) Horner, I.B. 1999. Women Under Primitive Buddhism. (pp.105-158) Motilal Banarsidass Pub. Delhi.
 - (4) Website; The Revival of Bhikkhuni Ordination in the Theravada Tradition <http://www.budsas.org/ebud/ebdha347.htm> (accessed 2-9-08)
 - (5) Bhikkhu, Buddhadasa. 2006. The Truth Of Nature FAQ. Amarin Pub. Bangkok. Pg.61
 - (6) Chakravarti, Uma. 1996. The Social Dimensions of Early Buddhism. Munshiram Manoharlal pub. Ltd. (pp.32)
 - (7) Tsomo, Karma Lekshe. 1999. Buddhist Women Across Cultures. Sri Satguru Pub. Delhi. (pp. 4-30).
 - (8) Bodhi, Bhikkhu, trans.1997. Discourses of the Ancient Nuns. Bodhi Leaves Publication no.143, B.P.S, Kandy, Sri Lanka.
 - (9) Statement of his holiness the Dalai Lama to the First International Congress on Buddhist Women's Role in the Sangha: Bhikshuni Vinaya and Ordination Lineages Hamburg University, Hamburg, Germany July18-20,2007 <http://www.congress-on-buddhist-women.org/index.php?id=142> (accessed 9/8/08).
 - (10) The Sutra of 42 Sections (24) DRBA, City of ten thousand Buddhas, U.S.A., <http://www.cttbusa.org/42s/42sections.asp> (accessed 10/8/08)
- Return to [IBC Writers' Cafe](#) for more articles
Comments can also be directed to ibcwriters@gmail.com

CÚNG HOA

Thị Giới



Hoa nở hồn nhiên như sự sống trôi chảy hồn nhiên khi chưa có tâm phân biệt. Vô tư, tinh khiết như những bước chân đầu tiên không ngăn cách, vướng ngại của em bé Tất Đạt Đa lúc mới ra đời. Tự nhiên như cảnh giới Thiền đầu tiên mà vị thái tử vị thành niên lọt vào không chủ ý khi ngồi dưới bóng mát cây táo trong một ngày hội lớn của bộ tộc.

Hoa cũng là chất xúc tác làm nở ra trong tâm người đóa hoa vĩnh cửu, như đã nở trong tâm của ngài Ca Diếp khi đức Phật đưa lên một bông sen và mỉm cười. Hoa cũng nở trong tâm của những người đệ tử đương thời và những Phật tử về sau khi Thiền sư Mãn Giác gọi lên một cành mai nở ra ở sân trước trong đêm hôm qua.

Trong cuộc sống chung quanh, lúc nào cũng có những đóa hoa sẵn sàng nở, sẵn sàng tỏa hương và kêu gọi chúng ta cùng nở, cùng tỏa hương. Khi chúng ta mở lòng để đón nhận những đóa hoa đó và cùng nở với, lúc đó chúng ta sẽ thấy được niềm vui, sự tinh khiết, siêu thoát, bình an và hạnh phúc của đời sống.

Thế giới của Phật giáo là một thể giới đầy hoa: Pháp Hoa, Hoa Nghiêm... Đức Phật sinh dưới hoa vô ưu và bước đi trên những bông sen. Ngài trao truyền Chánh Pháp, Phật Tâm, cũng qua một bông sen. (*)

Cuộc đời đức Phật cũng liên hệ nhiều với hoa. Khi đức Phật sắp thành Đạo, những mũi tên độc đã nở thành những đóa hoa an lành để đáp lại tánh tham, sân, si của ma quân bằng lòng Từ bi. Trong các kinh điển, ở đâu cũng thấy hoa, cũng thấy chư thiên rải hoa để cúng dường đức Phật, lúc sinh, lúc thành Đạo, lúc thuyết Pháp, lúc ở trong đại định...

Vì vậy, cúng dường Phật Đản không gì hơn cúng dường một đóa hoa, mà hoa sen là đại biểu để nói lên đầy đủ ý nghĩa nhất của sự cúng dường.

Kinh Vinaya-sutra nói: "Người hiểu biết dùng tâm hoan hỷ cúng dường bông hoa trước tháp của Phật thì công đức lớn hơn nhiều so với việc cúng dường trăm ngàn con sông chứa đầy vàng ròng."

Kinh Ratnakuta nói: "Cúng Phật một nắm bông sen và bông utpala sẽ được tái sinh trong bông sen báu ở trước Như Lai." Tái sinh trong sen báu ở trước Như Lai nghĩa là có đầy đủ sự trang nghiêm và đức hạnh của Như Lai.

Cốt lõi giá trị trong việc cúng dường là cung cách và tâm niệm cúng dường. Và cúng dường với tâm hoan hỷ thì công đức sẽ vô lượng. (**)

Hoan hỷ cúng dường là cúng dường trong niềm vui của tâm rộng rang, không vướng ngại. Cúng dường hoa là cúng dường sự thanh khiết, suối nguồn hạnh phúc thể gian và xuất thể gian, luôn luôn tươi mới, an lành, tương dung, kết nối.

Trên khắp mặt đất, nơi nào cũng có thể tìm thấy hoa. Bất cứ người nào cũng có thể chiêm ngưỡng và cúng dường cái đẹp và sự tinh khiết của hoa. Bông sen, một biểu tượng của đạo Phật, cũng

là một loài hoa dễ mọc và có mặt khắp nơi trong vùng nhiệt đới. Bông sen và tính chất của nó cũng rất gần gũi với con người. Cúng dường bông sen là hòa mình vào những tính chất của bông sen để làm hiển lộ lại tánh chất bông sen vốn có trong mỗi chúng ta.

Tính chất thánh thiện trong việc cúng dường hoa được ngài Dodrupchen III trình bày như sau:

"Hoa là những thứ vô cùng tinh khiết, có thể có được mà không cần phải dẫn thân vào những hành động bất thiện. Chúng có thể được dùng để cúng dường mà không gây nên sự khốn khổ và hối tiếc về sau. Do đó sự cúng dường sẽ được thực hiện với tâm trong sạch ở giai đoạn đầu, giữa và sau cùng."

Ngay cả một căn nhà tồi tàn mà được trang hoàng bằng hoa cũng trở nên một nơi di dưỡng. Nó trở thành suối nguồn cho một 'chân tâm,' tâm trong suốt, giống như trên những cõi trời. Do đó hoa là một trong những phẩm vật cúng dường có sức mạnh chuyển hóa lớn lao nhất."

Trong đạo Phật, bông sen tượng trưng cho toàn bộ con đường Đạo là Giới, Định và Huệ. Giới hạnh trong sạch như bông sen, Tâm Thiền tự tại và thanh thoát như bông sen, Trí tuệ bình đẳng và kết nối như bông sen.

Giới hạnh Phật giáo được tóm tắt trong câu ca dao về bông sen của người Việt *"Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn."* Đó là loại giới hạnh không xa lánh xã hội, sống và hòa mình trong thế giới muôn màu của thế gian mà vẫn giữ được sự trong sạch. Trong văn hóa Ấn độ nói chung và Phật giáo nói riêng, sen chỉ cho sự trong sạch hoàn toàn của thân, miệng, ý, và những hành động tốt đẹp đưa đến giải thoát khổ đau. Kinh Lalitavistara nói: *"Người đức hạnh tâm không bị ô nhiễm, giống như bông sen mọc từ bùn mà không bị ô nhiễm."*

Về ý nghĩa Thiền Định, chúng ta thấy hình tượng Phật và Bồ tát luôn ngồi hay đứng trên tòa sen. Do đó, tòa sen cũng biểu thị trạng thái an tịnh, chỗ an trú của chư Phật, Bồ tát. Tòa sen là Tòa Như Lai, Tòa Mọi Pháp Đều Không. Mọi lúc đều ở trong sự quán chiếu về tánh Không của mọi hiện tượng, mọi sự vật.

Trong Kinh cũng nói: *"Nếu sống trong một căn nhà được trang hoàng bằng hoa, tâm của người đó sẽ được an trú và tiến đến mục đích giải thoát."* Sống trong căn nhà trang hoàng bằng hoa có nghĩa là sống trong trong Giới và Định.

Về ý nghĩa Trí tuệ, bông sen tượng trưng cho tính nhận quả đồng thời, mọi hiện tượng trong vũ trụ đều mỗi lúc liên hệ và tương dung nhau. Đó là Trí tuệ Bình đẳng, là Từ Bi Hỷ Xả. Các kinh Pháp hoa và Hoa Nghiêm nói rằng mỗi chúng sanh là một bông sen, một thực thể thanh tịnh và giải thoát. Và mỗi thực thể thanh tịnh và giải thoát đó kết nối và dung chứa với mọi thực thể thanh tịnh và giải thoát khác

để tạo nên thế giới là một tràng hoa nghiêm tịnh và toàn khắp.

Bông sen cũng nói lên tiến trình giải thoát của một người đi trên con đường tu Phật: Mọc từ bùn, xuyên qua nước rồi vươn lên nở thành một bông hoa rực rỡ trong bầu trời. Từ vô minh và ô nhiễm của luân hồi, giữ giới và tu định để có được tâm thanh tịnh, trong sáng. Từ tâm thanh tịnh trong sáng đó quán chiếu Tánh Không để thể nhập vào bầu trời bao la của pháp giới.

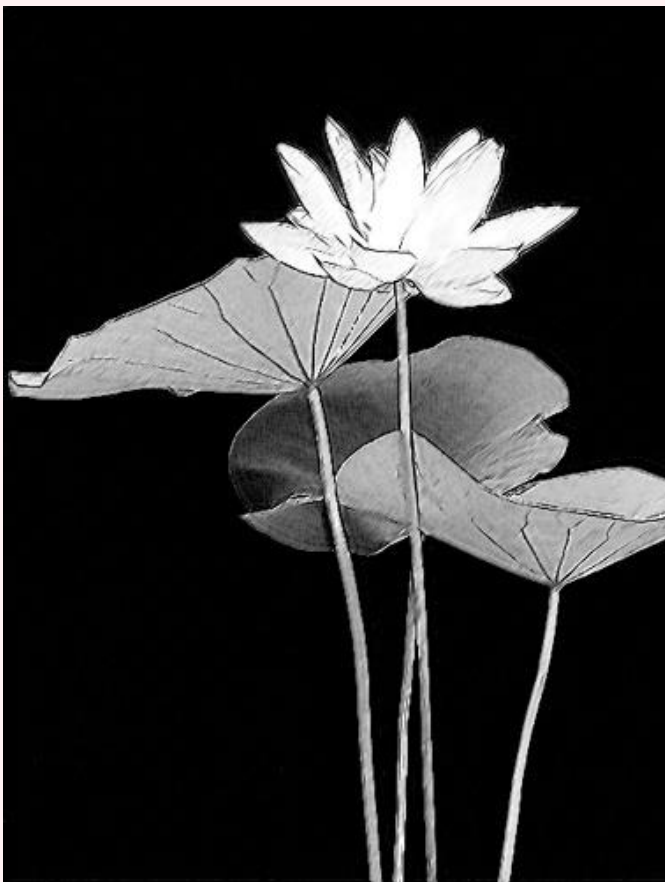
Sen cũng nói lên tính cách của người Phật tử. Cọng sen ra khỏi bùn vươn lên không nương tựa vào đâu. Tính chất của người Phật tử là tự chủ, bản thân thì giữ tinh khiết, hướng thượng. Với gia đình và xã hội thì chung thủy, kết nối, lan tỏa, bao dung như cọng sen uyển chuyển mà khó đứt, như hương sen lan tỏa, như bông sen nở chứa trọn ba thời.

Đức Phật là bông đã sen đã nở, chúng ta là những bông sen chưa nở. Cả hai đều có cùng một Tánh Phật như nhau. Đem Tánh Phật của bông sen búp cúng dường lên đức Phật trong ngày Đản Sinh là hướng về một tương lai tỏa ngát giống như Ngài.

Thị Giới Trần Bằng

(*) Trong một Pháp hội ở Linh Sơn, đức Phật cầm bông sen mỉm cười. Cả đại chúng im lặng, lúc đó chỉ có ngài Ma Ha Ca Diếp nhìn Phật mỉm cười. Phật ấn chứng cho ngài Ca Diếp để ngọn đèn Thiền Tông tiếp nối và soi sáng đến ngàn sau.

(**) Câu chuyện cúng dường ánh sáng của vua Prasenajit và bà lão ăn mày nói với chúng ta điều này.



NGHIỆP

*Hỏi ta hình tượng bao nhiêu kiếp
Có kịp theo về lúc vắng sanh
Đã không máu thịt từ nguyên thủy
Sao trả thân, tâm lại ngũ hành...*

NGUYÊN NHÂN

*Thân còn cát bụi, tâm mưa nắng
Sinh tử vô thường chẳng trước sau
Biết em nói dối ta không trách
Bởi thế gian còn những đớn đau...*

MỘT MAI

Tưởng nhớ Nguyễn Thị Minh Quyền

*Một mai cát bụi không còn nữa
Lấy đâu thân xác buổi đi về
Nhật nguyệt vì ta không muốn ở
Chỉ gió ngàn phương lộng tứ bề*

*Một mai người bỏ ta đi sớm
Không ở không về chẳng mất đâu
Đời sau nghiệp quả ta mang nặng
Sẽ mãi tìm nhau lấp biển sâu*

*Một mai chỉ thấy người trong ảnh
Chưa trọn thâm tình đã cách nhau
Cành hoa cũng ngỡ lời ai điệu
Chắc bóng trong hình cũng buồn đau*

*Một mai nghĩa địa không còn chỗ
Tro cốt nương nhờ bóng khói hương
Hỏi tâm còn trụ trong tam giới
Bia đá vô danh cũng đoạn trường*

*Một mai trái đất không người ở
Ta sẽ quay về mượn kiếp hoa
Nở thơm cánh giới mười phương gió
Theo cánh chim trời bay rất xa...*

thơ XUYÊN TRÀ

SỐNG NHƯ PHẬT

THIỀN SƯ BANKEI YŌTAKU (1622-1693)

Thích Nữ Trí Hải dịch



Cái gì đã khiến một đám đông người như thế này đến đây khi trời vừa mới sáng, để lắng nghe tôi nói, cái ấy không gì khác hơn là Tâm Phật Bất sinh. Nếu không thấy có cái gì thật phi thường trong những lời tôi nói, thì quý vị đã không quày quả ra đi sớm như vậy để đến nơi đây. Vậy là, trong số quý vị đến tham dự buổi giảng hôm nay, những người tuổi ngũ tuần thì đã sống 50 năm không nhận ra Tâm Phật ngay trong mình, những người tuổi ba mươi đã sống 30 năm mà cho đến ngày hôm nay vẫn chưa nhận ra được sự thật ấy - tất cả quý vị đều trải qua những năm tháng của đời mình trong sự mờ mịt. Nhưng tại giảng đường hôm nay khi quý vị đã hoàn toàn nắm vững rằng mỗi người trong đây đều có sẵn tâm Phật Bất sinh ngay trong mình, thì từ hôm nay trở đi quý vị sẽ sống trong cái Tâm Phật ấy mà thôi, và sẽ mãi mãi thành những vị Phật sống. Điều tôi đang nói với tất cả quý vị chỉ cốt là làm cho quý vị nhận ra rằng Tâm Phật Bất sinh đang chiếu sáng một cách kỳ diệu. Khi đã hoàn toàn nhận ra điều này, thì từ đây mãi mãi về sau, quý vị sẽ có một thân Phật không khác gì thân đức Phật Thích ca, và sẽ không bao giờ dọa lạc trở lại vào ba ác đạo. Tuy nhiên, trong khi nghe giảng như thế này quý vị dù có thể hiểu rõ Tâm Phật Bất sinh, mà khi trở về lại nhà, những điều quý vị trông thấy và nghe thấy sẽ khởi động cái tâm giận dữ nơi quý vị trở lại. Và khi ấy, dù chỉ nổi giận một chút xíu, quý vị cũng sẽ mang tội gấp triệu lần trước khi nghe tôi giảng về Tâm Phật Bất sinh. Khi ấy quý vị sẽ chuyển từ cái tâm Phật Bất sinh mà quý vị đã biết, thành ra những chúng sinh ở địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, mãi mãi luân hồi.

Tôi chắc không có ai trong đây lại không muốn thành Phật. Chính vì thế tôi mới ra giảng cho tất cả quý vị. Hãy hiểu rõ những điều tôi nói, thì từ hôm nay trở đi quý vị sẽ thành những vị Phật sống. Dù tôi có thúc giục quý vị hãy dẹp chuyện thành Phật, nên sa vào địa ngục đi, thì chắc chắn không một người nào sẽ tình nguyện làm theo. Bằng chứng điều này là, vì muốn nghe giảng mà quý vị đã thức dậy vào lúc nửa đêm để lặn lội tới đây, kiếm cho được một chỗ ngồi trong đám đông khổng lồ này, chấp nhận đủ thứ gian nan miễn sao được nghe Pháp. Không phải đó là vì tất cả quý vị đều muốn thành Phật hay sao? Vì quý vị đã có quyết tâm như vậy, nên từ nay trở đi quý vị phải cẩn thận rất nhiều mới được, trong mọi điều quý vị làm và nói. Cái tâm Phật bất sinh đó là thứ gì vậy? Có lẽ quý vị tự hỏi. Trong khi tất cả quý vị đều tập trung thính giác nghe tôi giảng như thế, mà bên ngoài có tiếng chó sủa, tiếng người hàng rong rao hàng, mặc dù không cố ý nghe, quý vị vẫn nghe được tất cả những thứ tiếng ấy: đó là nghe với cái Bất sinh,

điều dụng của Phật tâm. Tôi xin lấy một ví dụ: Tâm Phật, vốn chưa từng sinh ra và đang chiếu sáng kỳ diệu, tâm ấy giống như một tấm gương sáng. Gương thì phản chiếu bất cứ gì xuất hiện trước nó. Nó không cố ý phản chiếu sự vật, nhưng bất cứ vật gì đến trước gương, thì màu sắc dáng hình của nó đều chắc chắn hiện ra. Cũng vậy, khi vật được dời đi, thì tấm gương cũng không cố ý không phản chiếu, nhưng khi vật đã bỏ đi thì bóng nó cũng không còn hiện trong gương. Cái tâm Phật Bất sinh cũng hết như thế. Khi bạn cố ý nhìn và nghe điều gì, thì bạn sẽ nghe và thấy, đó là lẽ tự nhiên. Nhưng khi bạn thấy và nghe được những gì mà trước đây bạn không dự định để thấy nghe, thì đó chính là nhờ cái điều dụng linh hoạt của Tâm Phật mà mọi người ai cũng có. Đây là ý nghĩa cái Tâm Phật Bất sinh. Khi tôi đã tìm cách giảng giải về cái Bất sinh sao cho tất cả quý vị đều hiểu được như thế, mà nếu có người vẫn chưa hiểu, thì dù vị ấy có nghe ngàn vạn bài giảng cũng không ăn thua gì. Người nào dù chỉ nghe một bài giảng, đã nhận ra được Tâm Phật bẩm sinh nơi tất cả mọi người, thì người ấy từ đó trở đi trở thành Phật sống.

Lấy một ví dụ khác. Giả sử có người đi từ Takamatsu đến Marugame mà không biết đường, gặp một người biết rành đường lối chỉ bày cho. Sau khi nhớ kỹ những lời chỉ dẫn, người ấy theo đó mà đi và đến đích không khó khăn gì. Cũng thế, khi tất cả quý vị đã nắm được chính xác những gì tôi nói, thì từ đây trở đi quý vị sẽ an trú trong tâm Phật bản nhiên. Ngược lại nếu không an trú được như thế, thì cũng như quý vị đã được người ta chỉ cho đường đến Marugame mà không theo, lại theo con đường dẫn tới nơi nào khác. Đó là lý do quý vị nên lắng nghe kỹ những gì tôi nói. Tôi không chắc có thể trở lại đây nói chuyện cùng quý vị nữa không. Cho dù quý vị đi nghe giảng nơi nào khác, cũng không chắc có người nào giải thích cho quý vị về cái Tâm Phật bất sinh mà chiếu sáng kỳ diệu này. Bởi vậy nếu chư vị thấy lời tôi nói có lý, thì hãy nên coi chừng ngăn chặn sự nổi lên đủ loại ý tưởng, để chấm dứt vòng luân hồi. Nếu không thành Phật ngay bây giờ thì trong mười ngàn kiếp quý vị cũng sẽ khởi tái sinh lại trong cõi này, bởi thế hãy nỗ lực thực chứng một cách rốt ráo cái Tâm Phật Bất sinh, và chớ để bị mê lầm. Được như vậy thì ngay từ hôm nay, quý ông sẽ là những người nam an trú Tâm Phật, quý bà sẽ là những người nữ an trú Tâm Phật, tất cả đều hết si mê lầm lạc. Đó không gì khác hơn là Phật quả, là giác ngộ.

Tôi có thể nói cho quý vị vài điều về Tâm Phật nơi phụ nữ. Theo tôi hiểu, phụ nữ thường rất buồn khi nghe nói họ không thể thành Phật. Nhưng sự thực không phải vậy. Có gì khác nhau giữa nam và nữ? Thân nam là thân Phật, thân nữ cũng là thân Phật. (CT. ý nói nam hay nữ đều thể hiện được tâm

giác ngộ. ND) Quý vị không nên nghi ngờ gì về điểm này. Khi quý vị đã hoàn toàn nắm được lý Bất sinh, thì trong Bất sinh, không có gì khác nhau giữa nam hay nữ. Mọi người đều là thân Phật.

Vậy quý vị nữ giới trong đây hãy nghe cho kỹ. Về phương diện hình thể, rõ ràng là nam nữ khác nhau, nhưng về phương diện Tâm Phật thì không có khác gì. Quý vị đừng bị tướng bề ngoài làm cho lầm lạc. Tâm Phật vẫn giống nhau, không có khác biệt nào giữa nam với nữ.

Tôi xin chứng minh với quý vị điều này. Trong giảng đường hôm nay có rất đông người tụ tập, nhưng khi nghe tiếng trống hay tiếng chuông ngoài kia, quý vị có nghĩ là phụ nữ lầm tiếng chuông là tiếng trống, tiếng trống là tiếng chuông chẳng? Quý vị có thực nghĩ rằng có gì khác nhau trong cách đàn ông nghe với cách phụ nữ nghe những tiếng ấy? Tuyệt đối không khác chút nào. Lại nữa, thưa tất cả quý vị, đâu phải việc này chỉ đúng cho "nam giới và nữ giới" mà thôi. Trong giảng đường này, chúng ta có những người trẻ và người già, tăng và tục, đàn ông và đàn bà, đủ tất cả hạng người; nhưng nói đến sự nghe chuông trống, quý vị có thể nói được hay chẳng, rằng người già nghe cách này, người trẻ nghe cách khác? Quý vị có thể nói có sự khác nhau trong cách tu sĩ nghe, cách cư sĩ nghe, cách đàn ông nghe, cách đàn bà nghe chẳng? Sự thật là hoàn toàn không có gì khác nhau trong sự nghe cả, và điều ấy chứng tỏ tất cả mọi người đều sẵn có bẩm sinh Một Tâm Phật đồng nhất. Vậy thì nói về nam và nữ chẳng qua chỉ là những danh từ, những cái bóng của tâm quý vị sản xuất ra. Trước khi những cái bóng ấy phát sinh, ở trong cảnh giới Bất sinh không có gì là nam hay nữ. Và vì sự thật là vậy, thì không có gì khác nhau giữa Tâm Phật nơi người nam và Tâm Phật nơi người nữ, quý vị không nên nghi ngờ.

Giả sử trong lúc bạn đang an trú liên tục trong Bất sinh, trong Tâm Phật, quên hết những phân biệt nam nữ, nhưng đột nhiên bạn trông thấy hay nghe một việc gì rồi rã, chẳng hạn có người nào nói xấu bạn, hay những ý niệm tham dục bám víu khởi lên trong bạn mà bạn ràng buộc vào đó, thế là bạn đang chuyển tâm Phật thành ra ý nghĩ, chẳng hạn nghĩ "chỉ vì mình là một phụ nữ khốn nạn" hay đại loại như thế. Nếu không bị đánh lừa bởi hình tướng bên ngoài, hoàn toàn nắm lấy Con đường duy nhất, cái Bất sinh, thì bạn sẽ thấy rằng không những nam hay nữ, mà chư Phật trong quá khứ hay vị lai cũng đều là một Tâm Phật đồng nhất ấy. Không lý do gì phụ nữ lại là một trường hợp đặc biệt, không thể chứng thành Phật quả.

Nếu thực sự có vài lý do khiến phụ nữ không thành Phật, thì quý vị thử nghĩ tôi được lợi lộc gì mà gạt gẫm tất cả mọi người bằng cách cá quyết dối rằng phụ nữ có thể thành Phật, đánh lạc hướng đám đông khổng lồ này? Nếu sự thật là phụ nữ không thể thành Phật, mà tôi lại nói là họ có thể, để xị gạt tất cả bà con, thì bảo đảm tôi sẽ phải đáp xuống địa ngục ngay lập tức trước mặt tất cả quý vị ở đây. Chỉ vì mong thành Phật quả mà ngay từ tâm bé tôi đã phải chịu bao nhiêu gian khổ tu hành; không lẽ ngày nay tôi lại cố nói dối với quý vị để bị đọa xuống địa ngục? Những gì tôi nói với quý vị không phải là dối trá. Tôi muốn các bà trong đây phải nắm kỹ điều này, để từ nay trở đi, hãy an tâm mà sống những ngày tháng của các bà ở trong Tâm Phật Bất sinh...

Ngay cả nơi những người xấu ác, Tâm Phật vẫn không biến mất. Khi bạn lật ngược cái tâm xấu của họ, thì đây là tâm Phật không gì khác. Tôi xin kể cho quý vị nghe một kẻ ác có tâm Phật là thế nào. Giả sử có hai người cùng đi với nhau từ đây đến Takamatsu, một người thiện một người ác. Nhưng cả hai không ai để ý gì đến thiện ác mà cứ vừa đi vừa nói chuyện dọc đường. Hai bên đường hoặc trên đường có cái gì, thì mắt của người thiện cũng như người ác đều trông thấy như nhau. Nếu có con ngựa hay con bò xông tới trước mặt thì cả hai đều biết nhảy tránh, mặc dù không tính trước. Nếu có gặp hố nước, cả hai cùng nhảy qua, gặp sông thì cùng lội. Sở dĩ có phản ứng giống nhau như vậy là vì người tốt lẫn người xấu đều cùng có một căn bản chung là Tâm Phật Bất sinh. Mỗi người trong đây cũng thế, từ trước đến nay, đã từng làm ác, bị ngón ngấu bởi đủ loại bám víu và thèm khát, bị xâm chiếm bởi sân si, nên phải chịu luân hồi, chuyển đổi cái tâm Phật quý vị vốn có thành a tu la và quỷ đói. Nhưng sau khi nghe tôi giải thích về tâm Phật Bất sinh rồi nếu quý vị hiểu rõ, thì

chính cái tâm tham dục sân giận bám víu bấy lâu nơi quý vị lập tức sẽ chuyển thành Tâm Phật bất sinh, và quý vị sẽ không bao giờ mất tâm ấy, dù trải qua mười ngàn kiếp. Khi quý vị an trú trong tâm Phật ấy, thì từ đây quý vị sẽ là những Phật sống. Nhưng đừng lầm; nếu bây giờ quý vị đánh mất tâm Phật ấy thì mười ngàn, cả đến trăm ngàn kiếp sau quý vị cũng không thành Phật được. Hãy nên nhớ kỹ điều này.

Dù cho những thói tật thâm căn cố đế nơi quý vị sẽ khiến quý vị bám lấy những gì gặp phải, vọng tưởng chốc lát khởi lên, thì người có đức tin bền chắc sẽ không bám víu cũng không xua đuổi chúng - trong nháy mắt, người ấy sẽ dễ dàng quay trở về với Phật tính Bất sinh. Ngay cả đối với chư Phật chư tổ, cũng không phải rằng các ngài hoàn toàn không có tư tưởng nào từ khởi thủy. Nhưng vì các ngài không bị vướng vào tư tưởng, và cũng như trẻ con, không có tưởng tượng tục, nên cũng như thể là tư tưởng chưa từng sinh khởi. Chính vì vậy mà Phật tổ giải thoát khỏi tư tưởng.

Khi tư tưởng (hay tơ tưởng, hay vọng tưởng. ND) không khởi lên, thì cái diệu dụng chiếu sáng linh hoạt của tâm Phật không hiện rõ, bởi thế sự sinh khởi những ý tưởng kỳ thực là diệu dụng của Phật tâm chiếu sáng. Nội cái việc tôi giải thích điều này và quý vị đang tiếp nhận đó cũng là do mọi người đều có được cái công năng chiếu sáng kỳ diệu của Tâm Phật bẩm sinh. Có phải điều ấy thật quý báu không? Đem một vật vô cùng quý giá như thế để dấy lên đủ thứ vọng tưởng rồi tạo ra ba đường ác địa ngục súc sinh quỷ đói ngay trong đời này, bị ác nghiệp lôi kéo - phải chăng thực là đáng tiếc? Thật tội nghiệp cho những con người phải chịu khổ như thế từ sáng tối tối. Vậy hãy nhớ kỹ điều này, nhận thức rõ rằng, gặp cảnh gì cũng dấy động tư tưởng thì chỉ chuốc lấy khổ đau. Bởi thế đừng chuyển cái Tâm Phật thành ra những tơ tưởng vọng tưởng phải bẩm sinh nơi bạn, và hãy sống trọn ngày an trú trong Tâm Phật Bất sinh.

(trích từ Tâm Bất Sinh,
bản dịch của **Thích Nữ Trí Hải**)

AN LẠC HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI

(Câu Chuyện Dưới Cờ — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)



Thưa Anh Chị Em Huỳnh trưởng bốn phương,

Chúng ta thường chúc nhau “an lạc và giải thoát” nhưng có nhiều người cho rằng chúng ta “lộng ngôn” hay “ngã mạn” vì dám chúc nhau “giải thoát sinh tử luân hồi”! Tu bao nhiêu kiếp biết đã giải thoát sinh tử luân hồi chưa mà ACE mình đòi giải thoát ngay trong hiện kiếp! Xin thưa: không phải vậy, “giải thoát” đây là giải thoát khỏi phiền não, khỏi tam độc, khỏi chấp ngã v.v... ngay trong lòng chúng ta.

Xin nhắc lại câu chuyện của một Phật tử thời đức Phật, ông ta đi nghe Phật giảng cho các vị tỳ kheo, rồi đặt ra cho đức Phật câu hỏi như sau:

“Bạch đức Thế Tôn, đối với hàng tại gia như chúng con, đang còn sống trong ngũ dục, đang có gia đình, vợ chồng con cái cha mẹ v.v... làm sao để có được an lạc và giải thoát trong hiện tại và trong tương lai?”

Đức Phật do câu hỏi này mới thuyết giảng về 4 pháp an lạc trong Hiện tại và 4 pháp an lạc trong Tương lai sau khi định nghĩa an lạc chính là sự giải thoát ra khỏi phiền não đau khổ—và đau khổ là bất mãn, bất như ý.

Bốn pháp an lạc trong Hiện Tại là:

1. Sống tháo vác: tháo vác đối với bản thân là phải năng vận động cơ thể, siêng năng làm việc tay chân để thân thể được khỏe mạnh. Tháo vác đối với tập thể là chung vai gánh vác công việc chung, không phải quyền lợi thì hưởng chung mà công việc thì đùn cho một vài người... (kiểu như “sống chết mặc bay tiền thầy bỏ túi” vậy đó)

2. Phòng hộ các căn: giữ tâm thanh tịnh khi 6 căn tiếp xúc với 6 trần. Ví dụ mắt thấy sắc, thấy của cải vật chất, v.v... đừng sinh tâm ham muốn đưa đến trộm cắp. Tai nghe những lời khen chê nịnh hót đừng khởi tâm tham đắm hay ghét bỏ, thù hận, mà phải suy nghiệm đúng sai để tự cảnh tỉnh mình hay sửa đổi, sám hối

v.v... Đây cũng là một hình thức giữ Giới (sát, đạo, dâm, vọng, tửu); ACE Huỳnh trưởng chúng ta ai cũng phải giữ tối thiểu 5 Giới cấm này. (Điều luật thứ 1)

3. Gần gũi bạn hiền: Người xưa có nhắc nhở “Chơi với bạn như đi trong sương, ướt áo hồi nào không hay” –đại ý cũng giống như câu “Gần mực thì đen gần đèn thì sáng.” Do vậy, nếu chúng ta chưa đủ sức để cảm hóa ai thì xin chọn bạn mà chơi, đừng chơi với kẻ xấu, bị nhiễm ô lúc nào không hay; điều này chúng ta cũng thường dạy các em của mình nên khỏi phải khai triển dông dài.

4. Điều hòa thân tâm: Nhiều người chỉ biết chơi thể thao tập thể dục, làm đủ mọi thứ để thân thể khỏe mạnh mà quên trau dồi trí tuệ, nghèo nàn về kiến thức về khoa học, luân lý, đạo đức, v.v... Một số người khác thì coi thường thể dục thể thao, suốt ngày vùi đầu vào sách vở... để bạn bè phải quở “sao mà ốm yếu xanh xao thế” v.v... Những ví dụ trên đây để nói lên những người không biết điều hòa thân tâm. Chúng ta, những HTr. /GDPT đều biết rằng chương trình tu học của GDPT không thiên về Tâm hay Thân quá mức mà có sự điều hòa: bên cạnh những môn Phật Pháp, Tinh Thần, Văn nghệ còn có Hoạt Động thanh niên, Thiền tập v.v... Đó chính là giáo dục điều hòa thân tâm.

Đức Phật dạy tiếp: bốn pháp an lạc trong Tương Lai là:

1. Đức Tin: Đức Tin giúp chúng ta an trú trong chánh pháp, học và thực hành những lời dạy của đức Phật, khi gặp trở ngại, vấp ngã, đức Tin giúp chúng ta đứng dậy, vượt qua. Đối với người Phật tử, muốn có đức tin vững chắc chúng ta đã quy y Tam Bảo, chúng ta có nơi nương tựa không chỉ cho đời này mà cả nhiều đời nhiều kiếp sau... (điều luật thứ nhất)

2. Tăng trưởng giới đức:

không có áo giáp nào chắc chắn có thể che chở chúng ta bằng cách chúng ta phải trau dồi đức hạnh, phát triển Giới đức. Thật vậy, người xưa cũng có câu: Tướng bất cập số, số bất cập đức nghĩa là cái tướng (tốt/xấu) không bằng cái số (ý nói tướng tốt mà số chết yếu thì cũng phải chết yếu, ví dụ) và cái số không bằng cái đức (nghĩa là ví dụ, cái số chết yếu nhưng nếu có cái đức lớn, đã cứu được một mạng người hay một công đức lớn tương tự như vậy, thì mạng sống sẽ được tăng thêm...)

3. Bồ thí: Bồ thí cũng là một pháp đem lại an lạc vì bồ thí giúp chúng ta phát triển lòng từ bi và lòng từ bi làm phát triển trí tuệ. Qua việc làm từ thiện, có khi chúng ta cảm thấy an lạc còn hơn những người được nhận nữa Bồ thí không cần phải đợi giàu mới thực hiện được; câu chuyện “Bà già cúng đèn” mà chúng ta đã dạy các em là một ví dụ rất sâu sắc _điều này ACE chúng ta đã biết quá rõ, không cần khai triển.

4. Trau dồi trí tuệ: đây là điều luật thứ 3 của Huỳnh trưởng và đoàn sinh ngành Thanh/Thiếu nên cũng không cần nói nhiều; chỉ đáng nhấn mạnh là tại sao trau dồi trí tuệ không chỉ lợi ích trong Hiện tại mà cả trong Tương lai? – Đó là vì những gì chúng ta đã dày công trau dồi luyện tập thì nó không mất đi mà còn giữ trong A Lại da thức để lưu lại trong nhiều đời nhiều kiếp nữa... nên những HTr. lão thành cũng không bao giờ từ chối học hỏi vì lý do già yếu.

Chúng ta hãy cùng nhau tu tập, thực hành 4 pháp an lạc trong Hiện Tại và 4 pháp an lạc trong Tương lai để hoàn thành mục đích tự lợi và lợi tha xứng đáng là người Huỳnh trưởng GDPT.

Trân trọng,
BBT



TÂM XẢ

(Phật Pháp Thứ Năm — bài viết hàng tuần của GDPT
do Nhóm Áo Lam thực hiện)

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Nếu thức ăn đưa vào miệng nuôi sống Thân chúng ta thì cảm thọ nuôi sống Tâm — một người không có cảm thọ thì không gọi là sống, vì ngay như một người sống đời sống của thực vật (bị “coma” chẳng hạn), họ vẫn còn cảm thọ, chỉ là chúng ta không thấy mà thôi.

Như chúng ta đã biết, Thọ gồm có 3 : Lạc thọ, khổ thọ và Xả thọ. Phàm phu hay bậc Thánh khi bị kim đâm vào ngón tay hay bị đạn bắn vào thân mình cũng biết đau (khổ thọ) nhưng bậc Thánh khác với phàm phu là chư Thánh chỉ đau cái đau của thân còn phàm phu, trong khi chúng ta đau tới hai lần cả Thân và Tâm vì chúng ta ngoài cái đau thể xác, chúng ta còn bất mãn, oán giận, thù ghét hay than thân trách phận v.v... về vết thương đó nữa! Phàm phu chúng ta thiếu tâm Xả, một trong 4 vô lượng Tâm (Tủ, Bi, Hỷ, Xả) – Ví dụ về vết thương trên đây chỉ là một phần nhỏ của tâm Xả.

Tâm Xả = Upekkha theo Phạn ngữ gồm 2 từ “upa” và “ikkha” kết hợp lại. Upa là đứng đắn, chân chính, vô tư. “Ikkha” là trông thấy, nhận định, suy luận. Do đó, Upekkha là trông thấy đúng đắn, nhận định chân chính hay suy luận vô tư, nghĩa là không kèm theo lòng ưa thích, ghét bỏ hay bất mãn, cũng không tham, không sân.

Upekkha (Xả) không có nghĩa là lạnh lùng, lãnh đạm, bất cần đời, cũng không phải là trạng thái vô ký, không vui không buồn.

Kinh rẽ, phỉ báng, nguyên rủa... là thói thường của thế gian; cả những người đạo cao đức trọng, trong sạch... cũng có thể bị chỉ trích, chê bai, vu oan v.v... Giữa những cơn giông tố của cuộc đời, người trau dồi tâm Xả luôn giữ tâm bình thản.

Trước 8 ngọn gió làm cho tâm con người dao động, chao đảo: thành - bại, được - mất, khen - chê, hạnh phúc - đau khổ, giữa những thăng trầm của thế sự

như thế, đức Phật dạy luôn giữ tâm thản nhiên bằng cách hành tâm Xả thì sẽ được vững chắc như tảng đá lớn sừng sững giữa trời. Đức Phật dạy (trong “Túc sanh truyện”): **Trong hạnh phúc, trong đau khổ, lúc thăng, lúc trầm, ta phải giữ tâm như đất.**

Cũng như trên đất ta có thể vất bất cứ vật gì, dù chua dù ngọt, dù sạch dù dơ, đất vẫn thản nhiên. Đất không giận cũng không thương.

Thưa Anh Chị Em,
Như chúng ta đã biết, trong lịch sử nhân loại, chưa từng có một vị giáo chủ nào bị đá kích, si nhục, lăng mạ, mưu hại, vu oan v.v... nhiều như đức Phật nhưng đồng thời ngài cũng được ca ngợi, tán dương, tôn kính, ngưỡng mộ và sùng bái nhất. Bao nhiêu vua chúa đã kính cẩn khấu đầu lễ bái dưới chân ngài. Như đất, đức Phật nhận lãnh tất cả với tâm Xả hoàn toàn. Ngài dạy chư vị đệ tử của ngài: **Vững như voi, mạnh như hổ, ta không nên run sợ trước những tiếng động. Miệng lằn lưỡi rắn không làm cho ta xúc động. Như gió thổi ngang màng lưới mà không bị vướng trong lưới, tuy sống giữa chợ đời, ta không nên say mê luyến ái những lạc thú huyền ảo và vô thường của kiếp nhân sinh. Như hoa sen, từ bùn nhơ nước đục, vượt lên bao nhiêu quyền rũ của thế gian, ta phải sống trong sạch, luôn luôn tinh khiết, an lạc và thanh bình.”**

Như vậy chúng ta thấy rằng kẻ thù trực tiếp của tâm Xả là luyến ái và kẻ thù gián tiếp của tâm Xả là thái độ lãnh đạm, lạnh lùng và xây lưng lại với cuộc đời (“sống chết mặc bay”). Tâm Xả cũng lãnh xa tham ái và bất mãn. Tại sao? – Xin thưa, vì đặc tính chính yếu của tâm Xả là thái độ thản nhiên, vô tư và an tĩnh. Người thực hành tâm Xả không bị lạc thú trần gian quyến rũ,

không đắm say trong hạnh phúc (cũng có nghĩa là “lãnh xa tham ái”) cũng không bị những điều bất như ý làm bức tức, bất mãn, phiền não trong khổ đau v.v... Người có tâm Xả không phân biệt đối xử với người thiện hay bất thiện, không phân biệt đối xử với phàm nhân hay thánh nhân; họ đối xử bình đẳng với tất cả mọi người vì tâm Xả phủ khắp những gì tốt đẹp và những gì xấu xa, những gì khả ái và những gì khả ố, những điều thích thú, vừa ý cũng như những điều nghịch lòng, trái ý.

Người Huynh trưởng GDPT với huy hiệu Hoa Sen Trắng, với châm ngôn Bi Trí Dũng, có nguyện vọng trở nên toàn thiện và với lòng từ bi, muốn “sáng cho người thêm niềm vui, chiếu giúp người bớt khổ” thì phải trau dồi, phát triển bốn tâm rộng lớn luôn tiềm tàng ngủ trong tâm mọi người – trong đó tâm Xả tuy đơn giản mà khó làm nhất.

Thân kính chúc Anh Chị Em Áo Lam “một ngày như mọi ngày,” sức khỏe và an lạc.

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam





KIỆN THỦ

Lá Thư Đầu Tuần:

Bài viết hàng tuần của GDPT trên trang nhà GDPTVN Trên Thế Giới

Thưa Anh Chị Em Áo Lam,
Trong sinh hoạt tập thể, kỳ nhất là những cuộc tranh chấp và cãi cọ không do cái chung, vì cái chung mà vì thái độ cố chấp của mỗi chúng ta. Cố chấp là chỉ thấy quan điểm của mình là đúng, chủ trương của mình là hay còn của người khác là sai, dở... cho nên Phật mới nói **kiến thủ** là trở ngại lớn nhất trên con đường tu học.

Kiến thủ là gì? — *Kiến* là nhận thức, là quan điểm; *Thủ* là nắm giữ, cố chấp. Vậy kiến thủ là cố chấp vào một nhận thức, quan điểm. Cho nên nói cố chấp là bị kẹt; vì bị kẹt nên cánh cửa chân lý không có cơ hội mở ra cho những ai cố chấp.

Đức Phật soi sáng ý nghĩa tai hại của sự cố chấp bằng chuyện kể như sau: Có anh chàng thương gia góa vợ kia, sống với đứa con trai duy nhất của mình; anh ta cưng quý đứa con và coi như đó là lẽ sống của mình. Một ngày kia khi anh ta đi công việc bên ngoài, ở nhà kẻ cướp đến đột làng phá xóm, cướp bóc xong bắt đứa con của anh ta đi theo. Khi về tới nhà, anh ta thấy thi thể một em bé cháy đen nằm bên căn nhà cháy rụi của mình. Anh ta tin ngay rằng con trai mình đã chết, anh ta khóc than thảm thiết rồi đem hỏa táng và cất giữ tro vào một cái túi gấm, đi đâu cũng mang theo bên mình. Mấy tháng sau, đứa con của anh trốn được khỏi tay bọn cướp chạy về nhà lúc nửa đêm, gõ cửa đòi vào nhà. Người cha lúc ấy đang ôm chiếc túi gấm than khóc một mình, không chịu đứng dậy ra mở cửa; anh ta tin rằng con anh ta đã chết thật rồi còn đứa trẻ đang gõ cửa đó là 1 đứa bé nào đó muốn chọc phá anh; vì vậy mà đứa con thật của anh phải ra đi và người cha tội nghiệp kia vĩnh viễn mất đứa con thật của mình!

Thưa Anh Chị Em,

Cũng vậy! nếu chúng ta cố chấp vào một ý kiến nào đó, một quan điểm, một chủ trương hay một lý thuyết nào đó, mà không mở cửa lòng mình ra để đón nhận chân lý vì ta có cảm tưởng rằng ta

không cần đi tìm chân lý nữa, ta đã có chân lý rồi! Lúc ấy dù chân lý có đến gõ cửa tìm ta, ta cũng từ chối không mở cửa!

Ngày xưa, đức Phật phải đi tìm chân lý, phải hỏi Đạo với các bậc đạo sư trong núi tuyết, rừng sâu, phải tham thiền nhập định 49 ngày... còn ngày nay người Phật tử chúng ta đã có những giáo lý dẫn đến chân lý, đó là giáo lý Duyên Khởi, Tứ Đế, 5 Uẩn, v.v... Chúng ta chỉ việc nghe hiểu, học, thực tập quán chiếu để tự chứng nghiệm... Vậy mà trong khi tu học, hội họp, chúng ta vẫn mang trong mình những thành kiến, cố chấp để rồi

đi đến tranh cãi mãi không dứt làm mất thì giờ và làm sút mẻ tình cảm giữa những người đồng đạo, cùng lý tưởng, những người con Phật muốn tu học và tu tập, noi gương đức Phật sống đời tự do giải thoát khỏi đau khổ phiền não. Như vậy, chúng ta phải loại bỏ thành kiến, cố chấp; học quán chiếu vô ngã trong tất cả mọi sự vật, hiện tượng... tập bao dung nhìn cuộc đời và con người, có như vậy thì mới tiếp cận với trí tuệ giải thoát được.

Kính chào tinh tấn!

Trân trọng,
Nhóm Áo Lam

thơ

LỤC BÁT BA CÂU

Lên Núi

(Kính tặng Ôn Tuệ Sỹ và Thầy Hạnh Viên)

*Cùng Thầy lên núi rong chơi
Hoa đồng cỏ nội suốt ngàn rêu phong
Được vui - bớt khổ - thông dong.*

Hương Người

*Càn khôn cuộc lữ phiêu bồng
Thu ngàn mây gió nắng hong góc trời
Tay - Buông - hương ngát muôn nơi*

Quán Trọ Trần Gian

*Ôi từ khách lữ xôn xao
Trần gian thương-ghét lao đao thẳng trâm
Sắc không - Thời kệ - Mặc - Không!*

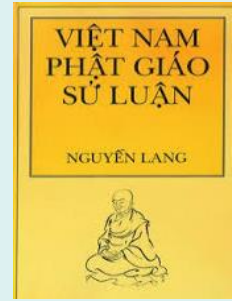


TÂM THƯỜNG ĐỊNH

THIỆN PHÁI VÔ NGÔN THÔNG

(Chương VI, VIỆT NAM PHẬT GIÁO SỬ LUẬN, TẬP I)

Nguyễn Lang



(Bài được đăng làm 2 kỳ)

VÔ NGÔN THÔNG VÀ TRUYỀN THỪA

Năm 820, thiền sư Vô Ngôn Thông từ Trung Hoa sang Việt Nam. từ đó một thiền phái khác được thành lập mang tên thiền phái Vô Ngôn Thông.

Vô Ngôn Thông người Quảng Châu, họ Trịnh, xuất gia tu học tại chùa Song Lâm ở Vũ Châu. Tính tình trầm lặng, ít nói, nhưng lại thông minh, cái gì cũng mau hiểu biết cho nên thời nhân đã tặng hiệu là Vô Ngôn Thông. Sách Cao Tăng Truyền Đăng Lục (Tam Tập) của Thông Tuệ đời Tống gọi ông là Thông thiền sư.

Một hôm ông vừa làm lễ Phật xong, có vị thiền sư tới hỏi: "Ông vừa làm lễ gì đó?" Ông đáp: "Lễ Phật". Vị thiền sư chỉ vào tượng Phật nói: "Phật là cái này đây hả?" Ông không đáp. Đêm ấy, ông mặc y áo chỉnh tề, tìm đến phòng vị thiền giả làm lễ hỏi: "Hồi sáng ngài có hỏi một câu, tôi chưa biết được tôn ý thế nào". Vị thiền giả nói: "Ông xuất gia tu được bao nhiêu mùa kết hạ [1] rồi?" Ông đáp: "Mười mùa". Vị thiền giả hỏi: "Vậy thì ông đã xuất gia chưa?" Câu hỏi làm ông hoang mang. Vị thiền giả nói: "Có vậy mà cũng không hiểu thì có tu đến một trăm mùa kể hạ cũng vô ích". Vị thiền giả liền đưa ông đi Giang Tây để tham yết thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất. Không may thiền sư Mã Tổ đã tịch rồi, ông liền đưa Vô Ngôn Thông đi tham yết thiền sư Bách Trượng Hoài Hải tức là đệ tử đặc pháp của Mã Tổ. Lúc bấy giờ có một vị tăng đến hỏi Bách Trượng: "Con đường giác ngộ cấp thời của Đại Thừa là gì?" Bách Trượng trả lời: "Mặt đất của tâm nếu không bị ngăn che thì mặt trời trí tuệ tự nhiên rọi đến" (tâm địa nhược thông, tuệ nhật tự chiếu). Nghe câu nói này Vô Ngôn Thông bỗng nhiên đại ngộ. Sau đó một thời gian, Vô Ngôn Thông về lại Quảng Châu, ở tại chùa Hòa An.

Sách Cao Tăng Truyện (Tam Tập) của Thông Tuệ nói rằng ông cũng có một thời gian trú trì chùa Hoa Nam ở Thiệu Châu, nơi đây ngày xưa Lục Tổ Huệ Năng đã từng cư ngụ. Trong thời gian ở chùa Hoa Nam, ông có dạy thiền sư Ngưỡng Sơn học. Thiền sư Ngưỡng Sơn hỏi đó mới xuất gia, mười bảy tuổi. Sách Truyền Uyển Tập Anh chép rằng một hôm Vô Ngôn Thông bảo Ngưỡng Sơn: "Chú khiêng cái ghế kia qua đây cho tôi một chút". Khi Ngưỡng Sơn khiêng ghế tới, ông nói: "Chú khiêng giúp lại chỗ cũ". Ngưỡng Sơn khiêng lại chỗ cũ. Ông hỏi Ngưỡng Sơn: "Bên này có gì không?" Sơn nói: "Không có gì". Ông lại hỏi: "Còn bên kia có gì không?" Sơn nói: "Không có gì". Ông gọi: "Chú ơi". Sơn đáp: "Dạ". Ông bèn nói: "Thôi, chú đi đi". Những câu đối đáp kia chính là những thí nghiệm mà Vô Ngôn Thông đã làm để thử trình độ của Ngưỡng Sơn. Ngưỡng Sơn

sau này còn đi học với Đàm Nguyên, Ứng Chân và Quy Sơn. Sau này Ngưỡng Sơn thành lập một trong năm thiền phái nổi tiếng ở Trung Hoa là thiền phái Quy Ngưỡng.

Một hôm tại chùa Hòa An, có người hỏi Vô Ngôn Thông: "Ngài có phải là một vị thiền sư không?" Vô Ngôn Thông đáp: "Tôi chưa từng học về Thiền". Một lúc lâu ông gọi tên người kia. Người kia đáp: "Dạ". Vô Ngôn Thông liền chỉ tay ra một gốc cây thoan lư (gỗ gụ) ngoài sân mà không nói gì [2].

Niên hiệu Nguyên Hòa thứ 15 đường Đường (năm 820) Vô Ngôn Thông từ Quảng Châu qua Việt Nam, ở lại chùa Kiến Sơ, làng Phù Đổng, huyện Tiên Du (Bắc Ninh). Đây là một ngôi chùa mới được thành lập, ở đó có một vị tăng tên là Đức Lập trú trì.

Vô Ngôn Thông cư trú chùa Kiến Sơ, ngoài hai bữa cơm cháo thì dành hết thì giờ vào việc thiền tọa, xây mặt vào vách, không nói năng gì. Nhiều năm trôi qua như thế, ít ai để ý đến ông: duy chỉ có Lập Đức thấy phong thái đặc biệt của ông hết lòng chăm sóc. Do sự gần gũi này mà Lập Đức tiếp nhận được tông chỉ màu nhiệm của Vô Ngôn Thông, đường ông đổi tên cho là Cầm thành vào truyền cho tâm pháp. Ông tịch vào năm 826; thời gian cư trú tại chùa Kiến Sơ chỉ có sáu năm.

Trước khi thị tịch, ông gọi Cầm Thành vào và dặn: "Ngày xưa đức Thế Tôn vì lý do lớn [3] mà xuất hiện ở đời. Việc hóa độ hoàn tất, ngài thị hiện niết bàn. Cái diệu tâm [4] gọi là Chính Pháp Nhãn Tạng [5] là Thực Tướng Vô Tướng [6] là Pháp Môn Tam Muội [7], ngài đem phú chú cho đệ tử là Ma Ha Ca Diếp - tổ thứ nhất. Thế rồi đời đời truyền nối, từ Đệ Đạt Ma từ Ấn Độ sang, vượt bao nguy hiểm để truyền pháp này, qua Lục Tổ ở Tào Khê, người đã từng đạt được chính pháp mà Đạt Ma truyền đến ngũ tổ Hoàng Nhãn. Trong thời gian đó vì người đời còn thiếu hiểu biết và đức tin cho nên phải truyền y bát để chứng tỏ sự đặc pháp. Nay thì đức tin đã thuần thực nên không cần truyền y truyền bát nữa mà chỉ lấy tâm truyền tâm mà thôi. Lúc đó tổ Nam Nhạc Hoài Nhượng đặc thọ tâm truyền trước, liền truyền cho Mã Tổ Đạo Nhất, Mã Tổ Đạo Nhất truyền lại cho Bách Trượng Hoài Hải. Ta được tâm pháp của Bách Trượng đã từng ở lâu phương Bắc tìm người có căn cơ đại thừa nhưng chưa gặp, nên đã đi về phương nam để tìm bậc thiền tri thức. Nay gặp ông ở đây thật là có duyên đời trước, vậy hãy nghe bài kệ truyền pháp này:

Bốn phương lồng lộng
Mặc sức huyền truyền
Rằng thủy tổ ra
Gốc ở Tây Thiên
Truyền kho pháp nhãn
Được gọi là "Thiền"
Bông hoa năm cánh
Hạt giống lâu bền

Ngàn lời mật ngữ
 Vạn câu bản nguyên
 Tự nhận làm tông
 Tự cho là thiền
 Tây Thiên là đây!
 Đây là Tây Thiên!
 Xưa nay cùng một
 Nhật nguyệt xuyên sơn
 Vướng vào là mắc
 Phật tổ mang oan
 Sai một hào ly
 Lạc tới trăm nghìn
 Nền quan sát lại
 Chớ lửa hậu côn
 Đừng hỏi ta nữa
 Ta vốn “Vô Ngôn”

(Chư phương hạo hạo
 vổng tự huyền truyền
 Vị ngô thủy tổ
 Thân tự Tây Thiên
 Truyền pháp nhãn tạng
 Viết vị chi “thiền”
 Nhất hoa ngũ điệp
 Chung tử miên miên
 Tiềm phủ mật ngữ
 Thiên phạn hữu duyên
 Hàm vị tâm tông
 Thanh tịnh bản nhiên
 Tây Thiên thử độ
 Thử độ Tây Thiên
 Cổ kim nhật nguyệt
 Cổ kim sơn xuyên
 Xúc đồ thành trệ
 Phật tổ thành oan
 Sai chỉ hào ly
 Thất chi bách thiên
 Nhữ thiên quan sát
 Mạc khiếm nhi tôn
 Trục nhiu vấn ngã
 Ngã bản vô ngôn)

Sau đây là bảng liệt kê mười bảy thế hệ của thiền phái Vô Ngôn Thông:

- Thế hệ 1: Vô Ngôn Thông (mất 826)
- Thế hệ 2: Cảm Thành (mất 860)
- Thế hệ 3: Thiên Hội (mất 900)
- Thế hệ 4: Vân Phong (mất 959)
- Thế hệ 5: Khuông Việt Chân Lưu (mất 1011) và một người khuyết lục.
- Thế hệ 6: Đa Bảo (mất ?) và một người khuyết lục.
- Thế hệ 7: Định Hương (mất 1051), thiền lão (mất ?) và một người khuyết lục
- Thế hệ 8: Viên Chiếu (mất 1090), Cứu Chỉ (mất 1067), Bảo Tính (mất 1034), Quảng trí (mất 1090), Lý Thái Tông (mất 1028), và một người khuyết lục.
- Thế hệ 9: Thông Biện (mất 1134), Mãn Giác (mất 1096), Ngô ấn (mất 1088) và ba người khuyết lục.
- Thế hệ 10: Đạo Huệ (mất 1172), Biện Tài (mất ?), Bảo Giám (mất 1173), Khuông lộ (mất 1141), Bản Tịnh (mất 1177) và ba người khuyết lục.

BỐI CẢNH THIỀN HỌC VÔ NGÔN THÔNG

Điều nên nói trước tiên là Vô Ngôn Thông, từng tu học trong tu viện của Bách Trượng, đã đem thanh quy của thiền viện do Bách Trượng sáng tác áp dụng vào sinh hoạt thiền viện Việt Nam.



Bách Trượng Thiền sư (779-803) là tác giả bộ quy chế nổi tiếng về sinh hoạt thiền viện được gọi là Bách Trượng Thanh Quy, được áp dụng trong rất nhiều tu viện thiền tại Trung Hoa và Việt Nam thời ấy. Trước Bách Trượng, các thiền sư chưa có thiền viện riêng, do đó vẫn sống chung trong các Luật viện [8a]. Đến khi đã có thanh quy của thiền môn rồi, Thiền mới bắt đầu tách ra khỏi Luật viện và trở nên một truyền thống hoàn toàn độc lập.

Ta không biết các tu viện Pháp Vân và Chúng Thiện của thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi được tổ chức cách nào, dù ta biết ảnh hưởng Ấn Độ trong cách tổ chức thiền viện ở đây rất quan trọng. Hiện giờ, thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi đã đứt đoạn, những di tích về kiến trúc còn lại của các tổ đường thiền phái này không đủ để cho ta có một khái niệm về cách tổ chức tu viện thời ấy. Còn về thiền phái Vô Ngôn Thông dù sự truyền thừa đã chấm dứt vào đầu thế kỷ thứ mười ba nhưng ta có thể biết được sơ lược cách thức tổ chức các tu viện của thiền phái này, bởi vì trong những thế kỷ gần đây, tại Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản và Triều Tiên, nhiều tu viện còn sinh hoạt theo một quy chế phỏng theo bản quy chế của Bách Trượng do Đức Huy thiền sư đời Nguyên biên tập, bản này gọi là Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy gồm có tám cuốn. Còn bản của Bách Trượng đã mất từ lâu.

Hiện nay các chùa và tu viện lớn có đồ chúng tu học tại Việt Nam vẫn còn theo Sắc Tu Bách Trượng Thanh Quy.

TRUYỀN THUYẾT NAM TÔNG VỀ LỊCH SỬ THIỀN

Đọc tiểu sử Vô Ngôn Thông, ta biết rằng thiền phái này chấp nhận lối giải thích của thiền phái Nam Tông bên Trung Hoa về lịch sử của thiền học. Theo giải thích này, tâm truyền của ngũ tổ Hoàng Nhấn đã được trao truyền cho lục tổ Huệ Năng, còn thiền sư Thần Tú ở Bắc Tông không đại diện được cho truyền thống thiền học Bồ Đề Đạt Ma

Thiền phái của thiền Thần Tú (606-706) thực ra hồi ấy cũng hưng thịnh ở miền Bắc Trung Hoa và được giới trí thức tư sản cùng giới chính trị nâng đỡ. Thiền phái của thiền sư Huệ Năng (658-713) ở miền Nam có khinh hướng thần bí, ít thiền trong trí thức hơn, và được quần chúng đặc biệt ủng hộ. Nhưng truyền thừa Bắc Tông ngắn ngủi quá, chỉ trong mấy thế hệ đã bị mai một. Trong khi đó truyền thừa Nam Tông đã phát triển mạnh. Thiền sư Thần Hội, đệ tử của Huệ Năng, thấy Thiền Tông trở nên một tông phái lớn có nhiều uy tín, mới bắt đầu dựng lại lịch sử của Thiền. Ông đã sắp xếp 28 thế hệ thiền ở Ấn Độ, bắt đầu từ Ma Ha Ca Diếp cho đến Bồ Đề Đạt Ma, Bồ Đề Đạt Ma được xem như là vị là tổ thứ 28 của Thiền Tông Ấn Độ, và sơ tổ của thiền tông Trung Hoa. Bồ Đề Đạt Ma truyền y bát cho Huệ Khả tuyên cho Tăng Xán, Tăng Xán truyền cho Đạo Tín. Đạo tín truyền cho Hoàng Nhấn và Hoàng Nhấn truyền cho Huệ Năng (mà không phải cho Thần Tú). Thần Hội đệ tử Huệ Năng, cố nhiên là người thừa kế tâm ấn! Vào thời Thần Tú và Huệ Năng thì chưa có phân biệt Nam Bắc và chưa có sự phê phán lẫn nhau, tuy Bắc Tông được triều đình công nhận là chính thống trong khi Nam Tông được quần chúng ủng hộ. Mãi đến thời Thần Hội mới có sự kỳ thị phân biệt; chính Thần Hội

đã mở đầu sự tranh chấp bằng cách chỉ trích lập trường tiệm giáo của Bắc Tông. Lập trường này, cho rằng sự giác ngộ phải được thực hiện hiện tại và tuần tự, thực ra đã gần với giáo lý của Bồ Đề Đạt Ma hơn. Nam Tông đã xướng xuất lập trường đốn ngộ, theo đó sự giác ngộ có thể thực hiện đột ngột mau chóng.

Trong lời Vô Ngôn Thông căn dặn Cầm Thành trước khi tịch, ta thấy thiền sư đã lập lại truyền thuyết về lịch sử Thiền Tông của Thần Hội, nghĩa là của Nam Tông. Trong thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, mãi đến thế hệ thứ mười ab mới thấy thiền sư Bản Tịch (mất 1140) nêu lên vấn đề đốn và tiệm, và chủ trương dung hòa hai quan niệm này. Đây hẳn là do ảnh hưởng của thiền phái Vô Ngôn Thông vậy.

ĐỐN NGỘ VÀ TÂM ĐỊA

Thiền phái Vô Ngôn Thông nhấn mạnh thuyết đốn ngộ chủ trương con người có thể, trong một giây lát, đạt được quả vị giác ngộ, khỏi cần đi qua nhiều giai đoạn tiệm tiến. Vô Ngôn Thông, ngay từ buổi đầu tại pháp hội của Bách Trượng, đã nghe một câu hỏi về vấn đề đốn ngộ do một vị thiền giả hỏi Bách Trượng: “Pháp môn đại thừa nào có thể giúp ta đạt được giác ngộ tức khắc” (như hà thị đại thừa đốn ngộ pháp môn?). Chính câu trả lời của Bách Trượng đã làm cho Vô Ngôn Thông bừng tỉnh: “Mặt đất của tâm nếu không bị ngăn che thì mặt trời trí tuệ tự nhiên chiếu đến”.

Thiền sư Cầm Thành (mất 860, đệ tử Vô Ngôn Thông) giải thích rất rõ cho đệ tử là Thiện Hội vào thiền thất của Cầm Thành và hỏi: “Kinh nói Đức Thích Ca phải tu hành trong ba a-tăng-kỳ-kiếp [8] mới thành tựu được quả Phật Như Lai; nay thầy lại dạy thuyết “tức tâm tức Phật”, đệ tử không hiểu, xin thầy chỉ giáo”. Đó chỉ là một câu chất vấn về thuyết đốn ngộ. Cầm Thành hỏi lại: “Chú nói trong kinh nói, vậy đó là ai nói? Nếu là Phật nói, tại sao kinh Văn Thù lại nói: Như Lai ở đời trong 49 năm chưa từng nói một tiếng nào với ai? Với lại Cổ Đức đã nói: tìm tòi sự chứng ngộ trong kinh văn chỉ thêm sự u trệ, cầu thành Phật bằng khổ hạnh thì là mê lầm, bỏ tâm mà cầu Phật là ngoại đạo, nắm lấy tâm Phật mà cầu Phật là ma quân”. Thiện Hội hỏi: “Nếu nói vậy thì trong tâm này cái gì là Phật, cái gì không phải là Phật?” Cầm Thành nói: “Ngày xưa, có người hỏi Mã Tổ Đạo Nhất: nếu “tức tâm tức Phật” thì trong tâm ấy cái gì là Phật? Đạo Nhất trả lời: ông nghĩ trong tâm ấy cái gì không phải là Phật thì chỉ cho tôi xem nào? Người ấy không nói. Mã Tổ lại nói: Khi đạt ngộ thì cái gì cũng là Phật, khi chưa đạt ngộ thì, cái gì cũng vĩnh viễn sai lầm[9]. Câu thoại đầu đó chú có hiểu không?”

Sau sự giải thích đó, Thiện Hội đã hiểu thế nào là đốn ngộ.

Kinh Viên Giác mà nhiều thiền sư trong thiền phái Vô Ngôn Thông (như Viên Chiếu, Tín Học, Tịnh Lực,...) rất chuyên trì được mô tả là một kinh dạy về phương pháp đốn ngộ. Kinh này có câu “Thiền nam tử, kinh này gọi là giáo lý đốn ngộ của đại thừa, những chúng sinh có đốn căn ở đây tức là có khả năng lớn về trí tuệ và hành đạo. Đối lại với đốn căn



là tiệm căn, tức là căn trí của những kẻ phải đi từng bước một, trải qua nhiều kiếp tu hành mới dần dần chứng nhập được Phật quả. Kinh Viên Giác là một thiền định đại thừa. Sách Thuyền Uyển Tập Anh nói rằng các thiền sư Viên Chiếu (mất 1090) và Ngộ Ấn (mất 1090) rất am tường phép Tam Quán của Viên Giác, và các thiền sư Tín Học (mất 1190) và Tịnh lực (mất 1173) đều đắc ngộ Viên Giác Tam Quán. Tam Quán trong

kinh Viên Giác là Xa Ma Tha (Samatha), Tam Ma Bát Để (Samapatli) và Thiền Na (Dhytha), tất cả đều là những phương pháp thiền định tu chứng.

Thuyết đốn ngộ được căn cứ trên quan niệm tâm địa mà Vô Ngôn Thông được nhắc tới. Chữ địa ở đây có nghĩa là đất. Kinh Tâm Địa Quán nói: “Các pháp thiện, ác, ngũ thú, hữu học, vô học, độc giác, bồ tát và Như Lai đều từ nơi tâm sinh khởi, cũng như các loại ngũ cốc và ngũ quả từ đất mọc lên, cho nên nói là tâm địa”. Tâm địa là bản nguyên của vạn pháp (Kinh Lăng Nghiêm nói là tâm địa bản nguyên) thì một khi khai thông được tâm địa, trí tuệ giác ngộ tự nhiên giác ngộ tự nhiên xuất hiện. Đó là ý của Bách Trượng trong câu nói “ tâm địa như trước thông, tuệ nhật tự chiếu”. Vô Ngôn Thông trước khi tịch đã nhắc lại lời của thiền sư Nam Nhạc (677-744) cho Cầm Thành nghe: “ Tất cả các pháp từ tâm sinh, nếu tâm không sinh thì làm sao pháp đứng vững được. Nếu đạt được tâm địa thì hoàn toàn tự do [10]. Đó là căn bản lời tuyên bố “tức tâm tức Phật”. Nếu đạt ngộ thì tâm là Phật, pháp là Phật, tất cả những gì từ tâm địa phát sinh đều là Phật, còn nếu không đạt ngộ thì tức là ngoảnh lưng lại với tất cả mọi thực tại giác ngộ. Sự giác ngộ bản tâm là căn bản mọi biến cải. Từ thế kỷ thứ ba, Tăng Hội đã nêu lên tính cách thiết yếu của Tâm học và của sự giác ngộ tự tâm như đường lối duy nhất để chứng đạo. Để thực hiện sự chứng ngộ này, thiền phái Vô Ngôn Thông nhấn mạnh đến nguyên tắc thiền định vô đặc.

NGUYÊN TẮC VÔ ĐẶC

Vô đặc là không có đối tượng của sự giác ngộ. Trước hết, nó có nghĩa là sự giác ngộ không thể do một ai khác trao truyền cho mình, mà mình phải thực hiện lấy. Thiền sư Nguyên Học (mất 1174) thuộc thế hệ thứ 11 của thiền phái Vô Ngôn Thông đã nói rất rõ về vấn đề này:

“Đạo kô có hình tượng

Nhưng nó ở ngay trước mắt ta, không gì làm xa cách

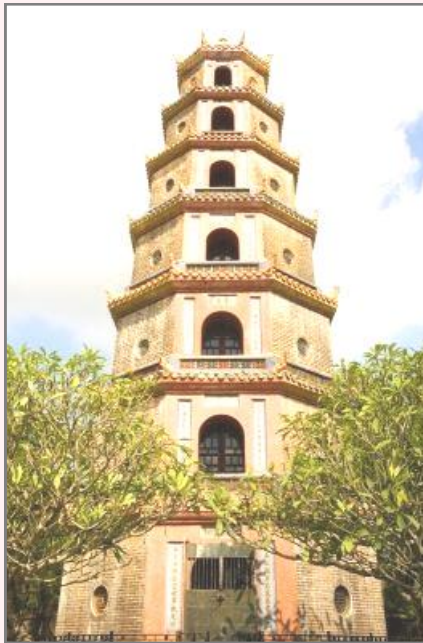
Phải trở về với tự tâm mà thực hiện

Chứ không thể đi tìm nơi kẻ khác”

Thiền sư nói tiếp: “Nếu thấy mình có đặc đạo do sự truyền thừa của kẻ khác thì sự đặc đạo đó không chân thật”. Và ông kết luận: “Sự trao truyền tâm ấn của Phật và của tổ phải được hiểu như vậy” [11].

Chính Vô Ngôn Thông trong bài kệ thị tịch để lại cho đời sau cũng nhấn mạnh đến nguyên tắc vô đặc. Ông nói rằng câu chuyện truyền thừa từ Phật sang Tổ phải được hiểu theo nghĩa phương tiện: “Thiền hạ huyền truyền từ bốn phương rằng thủy tổ của ta ở gốc Tây Thiên, có truyền lại chính pháp nhãn tạng, gọi là Thiền; rằng như một đóa hoa có năm cánh,

Thiền tông sinh trưởng ở Đông Độ và gieo hạt giống thiền mãi mãi bất diệt về sau: rằng những mặt ngữ cổ đến hàng ngàn hàng vạn lời kia đều thuộc về truyền thống thiền. Nhưng ta tự hỏi: Tây Thiên là đâu? Tây Thiên chính là đây chứ không ở đâu khác; mặt trời mặt trăng năm xưa chính là mặt trời mặt trăng mà ta đang thấy đây; hể vương mắc một từ ngữ là liệt bị kẹt và làm oan cho chính Phật và Tổ. Sai một li đi một dặm. Các vị nên chiêm nghiệm kỹ, để cho thể hệ tương lai trách móc vì bị đánh lạc đường". Vô Ngôn Thông đã muốn nói rằng sự kiện trao truyền tâm ấn phải được hiểu như một sự trao truyền không-trao-truyền, không có người trao truyền, không có người tiếp nhận sự trao truyền, không có đối tượng trao và nhận. Sự giác ngộ phải do tự mình thực hiện chứ không thể tiếp nhận ở một người khác, dù người đó là Phật hay là Tổ. Thiền sư Đạo Huệ (mất 1172) một hôm bảo thiền sư Tịnh Lực: "Tâm ấn của chư Phật chính ông đã có rồi, khỏi đi theo ai mà tìm cầu nữa".



Vô đặc cũng là phương pháp thiền quán trong đó người hành giả không chạy theo một đối tượng gọi là sự giác ngộ. Ở đây thiền quán, không có người trao truyền và kẻ được trao truyền. Nhưng ở đây cũng không có chủ thể thiền quán và đối tượng thiền quán. Chủ thể và đối tượng là một: giác ngộ cũng giống như một khả năng chiếu rọi sẵn có trong một bức gương; không cần phải đi tìm ngoài tự tâm mình. Nếu có sự tìm đuổi tức là còn bị giam hãm trong thế giới nhị nguyên. Bản chất của giác ngộ là không có cá tính độc lập (không), không có hình thể để nhận biết (vô tướng), không thể theo đuổi và nắm bắt (vô tác). Không, vô tướng và vô tác được gọi là ba cánh cửa giải thoát trong đạo Phật (tam giải thoát môn).

Thiền sư Nguyên Học diễn đạt ý này một cách rất đầy đủ trong bài kệ sau đây:

Giác ngộ chân tâm và mở được con mắt trí tuệ ra rồi

Thì thật tướng của vũ trụ hiện diện thông suốt trước mắt

Dù khi đi, đứng, nằm hay ngồi như thường ngày

Thì cũng thấy mình có mặt mọi nơi một cách mầu nhiệm

Tuy rằng thực tướng ấy đầy đầy cả vũ trụ và hư không

Nhưng nhìn lại thì thực tướng ấy không có hình tướng

Ở thế gian không có gì có thể đem ra so sánh với thực tướng ấy

Vì tự thân nó chiếu sáng vĩnh viễn cho vạn vật

Người có thể diễn thuyết bất tuyệt về thực tướng huyền diệu này

Nhưng không lời diễn thuyết nào sánh được với hai chữ vô đặc [12]

SỰ SỬ DỤNG THOẠI ĐẦU

Sau khi Cảm Thành nhắc lại cho Thiền Hội nghe câu nói của Mã Tổ Đạo Nhất "Khi đạt ngộ thì cái gì cũng là Phật, không không đạt ngộ thì cái gì cũng

vĩnh viễn là sai lầm" (đạt thời biến cảnh thị, bất ngộ vĩnh quai sợ). Cảm Thành hỏi Thiền Hội: "Câu thoại đầu đó chú có hiểu không?" Danh từ thoại đầu, như thế, đã được sử dụng tại Việt Nam hồi thế kỷ thứ chín.

Thoại đầu là một câu hay một mẫu đối thoại có tác dụng thúc đẩy hay làm phát khởi sự đạt ngộ nơi tâm tư người thiền giả. Thoại đầu có thể là một câu trích trong kinh điển lời Phật nói, một lời gợi ý của một vị tổ sư hay lời đáp của một vị thiền sư. Phương pháp sử dụng thoại đầu bắt đầu từ giữa thế kỷ thứ chín: Quy Sơn (771-853) ở Trung Hoa và Vô Ngôn Thông (mất 826) ở Việt Nam, cả hai đều là học trò của Bách Trượng, đều là những người đầu tiên sử dụng phương pháp thoại đầu này. Ta không thấy ghi chép trường hợp Vô Ngôn Thông (mất 826) ở Việt Nam, cả hai đều là học trò của Bách Trượng, đều là những người đầu

tiên sử dụng phương pháp thoại đầu này. Ta không thấy ghi chép trường hợp Vô Ngôn Thông sử dụng thoại đầu để dạy đệ tử, nhưng ta được biết Cảm Thành, đệ tử ông, đã biết sử dụng phương pháp ấy [13]. Đây là một cuộc vấn đáp giữa Ngộ Ân (mất 1090) và một vị tăng:

Vị tăng: Thế nào là đại đạo?

Ngộ Ân: Đường lớn

Vị tăng: Kẻ học nhân này hỏi về đại đạo, hòa thượng lại nói về đường lớn; như vậy ngày nào kẻ học nhân này mới đạt được đại đạo?

Ngộ Ân: Mèo con chưa biết bắt chuột đâu.

Vị tăng: Mèo con có Phật tính không?

Ngộ Ân: Không

Vị tăng: Tất cả các loại hàm linh, loại nào cũng có Phật tính cả, tại sao hòa thượng lại không có Phật tính?

Ngộ Ân: Ta không phải hàm linh.

Vị tăng: Nếu không là hàm linh thì hòa thượng là Phật chăng?

Ngộ Ân: Ta không phải Phật cũng không phải hàm linh.

Mẫu đối thoại trên đây cho thấy sự cố gắng của cả thiền sư lẫn đệ tử trong việc khai mở trí huệ của người đệ tử. Bắt đầu ta thấy vị tăng đưa ra câu hỏi về "đại đạo" đối tượng của giác ngộ, và muốn nghe lời giải thích của Ngộ Ân về đối tượng và sự chứng đắc này. Ngộ Ân thấy rằng đưa cho vị tăng một mở ý tượng về đại đạo thì chẳng ích lợi gì cho ông ta cả, nên chỉ nói đường lớn. Câu trả lời này làm thất vọng vị tăng, bởi ông này đang chờ đợi những giải thích có tính cách khái niệm và trừu tượng. Đường lớn là một hình ảnh cụ thể, là sự sống hiện thực mà không phải là những khái niệm triết học trừu tượng. Vào trường hợp của một căn cơ bén nhạy hình ảnh này có thể gây xúc chạm để gợi ý chứng ngộ. Nhưng ở đây, vị tăng chỉ tỏ vẻ thất vọng suông: mũi tên thứ nhất không bắn trúng đích. Ngộ Ân liền nói: "mèo con chưa bắt được chuột đâu" mục đích để cho vị tăng chiêm nghiệm thêm về thoại đầu "con đường lớn". Nhưng vị tăng lại nghĩ rằng vị thiền sư chê mình không đủ khả năng để hiểu những lời giải thích về đại đạo nên đã không chịu giải thích. Ông ta liền đem giáo lý đại thừa ra để chặn thiền sư: "Mèo con

có Phật tính không?” Ngô Ấn là người giác ngộ, đâu còn bị ràng buộc bởi kinh điển giáo lý nữa, ông nói: “Không”. Vị tăng bắt đầu nghĩ rằng Ngô Ấn đi lệch khỏi giáo lý nhà Phật, bèn gạn hỏi lại, lần này một cách thiếu cung kính: “Kinh nói tất cả hàm linh đều có Phật tính, tại sao hòa thượng nói hoàn toàn (thay vì con mèo) lại không có Phật tính?” Thiền sư Ngô Ấn vẫn còn kiên nhẫn: “Ta không phải hàm linh” và sau câu hỏi “Thế ngài là Phật chăng” ông còn cố gắng lần chót: “Ta không phải là Phật cũng không phải là hàm linh”.

Ta thấy ngay sự khác nhau giữa hai đảng: một đảng thì muốn nghe những tư tưởng về đại đạo, một người muốn kéo người đối thoại về thế giới sinh hoạt thực tại. Một người thì đi tìm định nghĩa căn cứ trên sự phân biệt, một người thì cố gắng đập gãy lề lối thói phân biệt để hiển lộ thực tại vốn thoát ly danh từ và sự phân biệt. Thoại đầu không cần phải dài dòng bởi thoại đầu là dụng cụ tháo gỡ sự đat ngộ mà kinh phải là những giải thích về đốn ngộ. Vân Phong (mất 956) hỏi Thiện Hội (mất 950): Làm sao tránh khỏi sinh tử?

Thiện hội: Đi vào chỗ vô sinh tử

Vân Phong: Chỗ vô sinh tử là chỗ nào?

Thiện Hội: Nó nằm ngay trong chỗ sinh tử.

Vân Phong: Làm sao hiểu được?

Thiện Hội: Đi đi, mai sẽ tới gặp lại.

Thiện hội đưa cho Vân Phong một chìa khóa “Vô sinh tử nằm ngay sinh tử”. Vân Phong không hiểu được, đòi Thiện Hội giải thích. Nhưng làm thế nào để giải thích một chiếc chìa khóa? Làm thế nào để giải thích một thoại đầu? Nếu Vân Phong có thể hiểu, là ông đã hiểu ngay khi đó; nếu ông không hiểu, đó là vì tâm trí của ông chưa chìm, dù có nói thêm hai ba chục câu nữa ông cũng không hiểu. Thà rằng ông về phòng còn hơn. Sáng mai, qua một đêm thiền quán, có lẽ ông sẽ có thể bừng tỉnh được nhờ câu thoại đầu ấy.

Tu viện không phải là một Phật Học Viện: người hành giả phải sống điều mình học và sống bằng thiền quán. Nếu định lực đã mạnh, nếu căn cơ đã thuần thực, thì phải trở về với đời sống thiền quán. Một mũi tên bắn ra một là trúng đích, hai là trật đích” nên hành giả không đat ngộ ngay lúc đó, là thoại đầu không có hiệu lực dù có giải thích cũng vô ích.

Một hôm thiền sư Định Hương (mất 1051) hỏi đệ tử là Cứu Chỉ (mất 1067) “Nghĩa cứu cánh” [14] là gì, người có biết không?” Cứu Chỉ trả lời “Không”. Định Hương nói: “Nghĩa cứu cánh là cái mà ta vừa mới trao cho người đó”. Cứu Chỉ còn đang nghĩ ngợi thì Định Hương nói: “Người đã bước trượt qua mất rồi!”.

Thoại đầu là thế; thoại đầu như một con sào do thiền sư đưa ra để người đệ tử nắm bắt, có khi bắt được, có khi không bắt được. Mỗi khi “bước trượt qua” là người đệ tử người đệ tử phải quay về với đời sống thường nhật để gia tăng công phu.

(còn tiếp một kỳ)

ƠN

*Vui-buồn giữa bát xin nhận đủ
Lặng lẽ cúi đầu ơn tha nhân
Lang thang khắp nẻo trần gian khổ
Khát thực buồn-vui đã mấy lần.*

TIẾNG VỌNG

*Trước mặt núi cao
Sau lưng thác lũ
Em ngồi tư lự
Tóc rũ vai mềm
Thềm trăng em hát
Gió ngát hương quỳnh
Cuộc tình sương đọng
Cuộc mộng mây tan
Nắng vàng khô lẹ.*

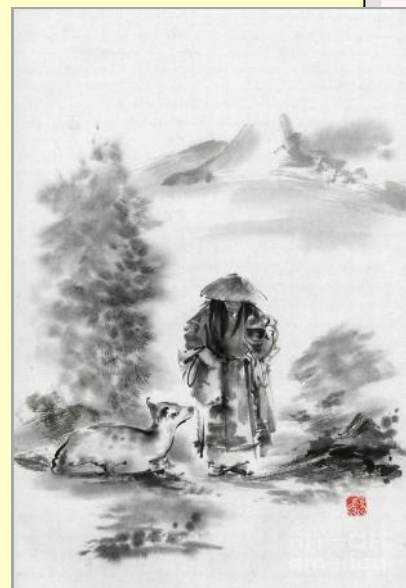
MƯA ĐÊM

*Nửa đêm thức giãc
Thấy lòng cô đơn
Vòng tay bỏ gởi
Nhìn đêm chập chờn*

*Ánh đèn vàng vọt
Leo lét trong đêm
So đôi vai lạnh
Nghe gió ngoài thềm*

*Bên ngoài mưa đỏ
Thương vườn hoa bướm
Cánh mỏng thân gầy
Giữa trời gió sương*

*Oi loài hoa dại
Hãy thức cùng ta
Đêm nay hoa nhé
Nước mắt nhạt nhòa...*



thơ MỸ HUYỀN

PHẬT GIÁO THÁI LAN - NHÌN LẠI 50 NĂM

Nguyễn Giác

Tôi vẫn say mê với Phật Giáo Thái Lan từ những hình tượng lạ, bí ẩn trên các trang sách thiếu nhi – đúng ra, một phần là các hình khắc trên tường ở hai vách Chùa Xá Lợi (Sài Gòn). Đây là một ngôi chùa có ngọn tháp kiểu các chùa Bắc Tông Miền Trung, nơi tầng thứ nhì của tháp là thư viện, nơi đây những kinh sách rất mực bí ẩn đối với bọn thiếu nhi chúng tôi lúc đó. Nhưng các vách tường chính điện là điều khắc kiểu Phật Giáo Nam Tông, những hình tượng cổ cũng rất mực bí ẩn theo hướng chuyện cổ Jataka Tales.

Hai nhân vật thường xuất hiện với bọn học trò ngồi học ở khuôn viên Chùa Xá Lợi là bác Mai Thọ Truyền và bác Lê Ngọc Diệp -- cả hai cụ đều là dân Nam kỳ Miền Tây, thường đón các sư Nam Tông lên Sài Gòn trọ học khi quý thầy chưa có chỗ cư ngụ. Do vậy, hình ảnh hờ vai và chiếc áo kiểu chư tăng Nam Tông nơi sân chùa cũng bay phất phới trong trí nhớ của tôi, mỗi khi nghĩ về một thời thơ ấu.

Và tôi nhận ra rằng, năm nay là một năm đặc biệt của Phật Giáo Thái Lan: một dấu mốc 50 năm, và một dấu mốc 40 năm. Năm mươi năm là gần trọn đời người -- đối với rất nhiều người. Nhưng 50 năm là một chặng đường đặc biệt của Phật Giáo Thái Lan: dấu mốc của năm 1965, khi Phật Giáo Thái Lan bắt đầu hiện diện vững vàng ở Hoa Kỳ và Anh quốc, với hai ngôi chùa Thái Lan đầu tiên dựng lên ở hai quốc gia, một ở Châu Mỹ, một ở Châu Âu.

*

Nhưng tôi chỉ đọc nhiều về Phật Giáo Thái Lan, nhiều năm sau khi ra hải ngoại. Lý do, tôi thuộc loại chậm, nên học tiếng Anh rất là mệt nhọc. Chỉ được cái là siêng học, siêng đọc -- tôi phải tự nhìn nhận rằng, lý do siêng chỉ vì mình chậm, nên phải lấy cái tinh tấn bù vào.

Ngôi chùa Thái Lan đầu tiên ở Anh là tại London năm 1965, và rồi dọn sang thị trấn Wimbledon để có khuôn viên rộng hơn, có tên là Buddhapadipa Temple—gọi như nhiều người quen gọi là Wat Buddhapadipa.

Ngôi chùa Thái Lan đầu tiên ở Hoa Kỳ là Buddhayaram Temple, lúc đầu là trụ sở Buddhist Study Center năm 1965 và rồi sau đó cộng đồng gốc Thái Lan biến thành chùa.

Như thế, năm 1965 có vẻ như tiền định đối với Phật Giáo Thái Lan khi đặt chân trên cả Mỹ và Anh.

Khi đã đủ tiếng Anh để đọc và tìm hiểu về Phật Giáo Thái Lan, tôi đã có nhiều kiến thức về vấn đề bộ phái và đã trải qua nhiều phương pháp thiền tập. Tôi luôn luôn tự xem mình như học trò của Ngài Bồ Đề Đạt Ma và của Phật Giáo Tây Tạng -- đặc biệt là say mê đọc sách của Ngài Đạt Lai Lạt Ma, và có nhiều thiện duyên với Đại sư Geshe Tsultim Gyeltsen, cũng là một giáo sư ở UCLA và là tác giả một số sách về Phật Giáo.

Tôi không bao giờ quên kỷ niệm khi Thầy Gyeltsen bảo anh Tenzin Dorjee (một giáo sư Phật học ở CSU Fullerton) phải chở Thầy tới tận nhà tôi để tặng sách, mà nhà mình thì lồi thối, nhỏ xíu, dựng ven các vách là sách chất hàng chồng, không có đủ tủ mà cất sách.

Lúc đó là năm 2003. Thầy Gyeltsen và anh Dorjee lộ vẻ phải đi cho khéo, kéo là đổ sách. Ký tên vào sách xong, Thầy Gyeltsen đi ra 4 góc nhà và ngoài sân để làm phép, kiểu Phật Giáo Tây Tạng. Tôi lặng lẽ chấp tay bước theo, dù chẳng hiểu gì. Nhưng đời mình đã trải qua quá nhiều huyền bí, nên đã rất trọn lòng tin. Thầy Gyeltsen viên tịch năm 2009, tháng trước là tròn 6 năm đi xa; đã có tin là Đức Đạt Lai Lạt Ma đã công nhận một em bé là hậu thân của Thầy Gyeltsen và đã đưa về Dharamsala dạy đạo. Còn Giáo sư Dorjee là cựu tu sĩ PG Tây Tạng, đang dạy ở CSUF, vẫn gọi nhà văn Nhã Ca là "Mom" (Má) vì tình thân, vì nhà văn này là học trò trực tiếp của Thầy Gyeltsen và từng đi Dharamsala tu học trực tiếp với Ngài Đạt Lai Lạt Ma.

*

Nhưng cảm xúc của tôi với Phật Giáo Thái Lan vẫn luôn luôn tươi mới, mỗi khi đọc về Đại sư Ajahn Chah. Những hình ảnh các vị sư hờ vai và mặc áo vàng Nam Tông vẫn hiện ra trên các trang giấy, giữa các trang lật qua sột soạt -- cũng y hệt như thời tôi còn thơ ấu.

Lẽ ra là phải khác lắm chứ. Đúng ra, có khác là với nhiều vị sư khác. Nhưng với Ngài Ajahn Chah vẫn là một tiền định.

Cũng nên kể về một nhân vật: Tiger Woods, chàng lực sĩ chơi golf từng thắng cả chục giải vô địch thế giới. Tôi không ưa môn thể thao này, vì mình chẳng hiểu gì cả. Nhưng đặc biệt chú ý tới chàng này vì anh ta là hàng xóm, cùng ở Quận Cam, tự nhận là Phật Tử, có mẹ mang nửa dòng máu Thái Lan. Anh này nói rằng anh tập thiền để giữ lòng cho lặng lẽ giữa những trận đấu.

Dĩ nhiên, người ta tới với Thiền từ nhiều hướng khác nhau, và với nhiều ý định khác nhau. Thí dụ, các bác sĩ Mỹ đưa Thiền Chánh Niệm vào bệnh viện để giúp chữa trị cho bệnh nhân; các sinh viên dung thiền để thư giãn, giảm căng thẳng và tăng trí nhớ khi học thi; các trại giam Mỹ dạy Thiền cho tù nhân để giảm bạo động... Còn anh Tiger Woods tập Thiền là để chuẩn bị thắng các giải vô địch về golf. Nhưng Đức Phật nói rõ rồi: Phật pháp là để thoát khổ, để giải thoát sinh tử luân hồi. Các ứng dụng khác, hiển nhiên chỉ là phụ.

*

Nhìn dưới mắt sử gia, cũng có một dấu mốc cực kỳ đặc biệt: 50 năm về trước, có ngôi chùa Thái Lan

đầu tiên lập ở Anh và Mỹ (năm 1965); và 40 năm về trước, chính Ngài Ajahn Chah, vào năm 1975, là người lập ra ngôi tự viện đầu tiên để đào tạo các nhà sư ngoại quốc -- cụ thể, người Tây Phương.

Ngài lập ra chùa Wat Pah Nanachat (tên tiếng Anh là International Forest Monastery) ở phía đông bắc Thái Lan, 15 kilômét cách thị trấn Ubon Ratchathani. Trong ngôi chùa này, tu sĩ gồm nhiều quốc tịch, truyền thông và giảng dạy thuần bằng Anh ngữ. Trụ trì đầu tiên nơi này là Ngài Ajahn Sumedho, học trò lớn của ngài Ajahn Chah. Ngài Ajahn Sumedho sinh năm 1934 tại Seattle, Hoa Kỳ, có tên đời là Robert Kan Jackman. Và bây giờ truyền thống Thai Forest Tradition đã có nhiều chùa khắp thế giới, nhờ các vị sư Âu-Mỹ tu học từ ngôi chùa ở núi rừng Udon.

Như thế, năm nay 2015 là những dấu mốc lớn cho Phật Giáo Thái Lan: tròn 50 năm vào Mỹ, Anh; và tròn 40 tuổi ngôi tự viện huấn luyện các sư Âu-Mỹ.

*

Tôi nhận ra rằng, Phật Giáo Thái Lan có một dấu mốc lớn, rất lớn: Thiền pháp do Ngài Ajahn Chah dạy. Nó rất là gần với những gì tôi học Thiền từ Việt Nam.

Như bài pháp năm 1976 của Ngài Ajahn Chah, bản Anh ngữ có tên là "The Two Faces of Reality" (Hai Mặt Của Thực Tại). Nơi đây sẽ, trích dịch từ "The Empty Flag" (Lá Cờ Tánh Không).

Chỗ này, xin ghi nhận rõ rằng, chữ Không thường dịch từ "empty" (tĩnh từ) hay chữ "emptiness" (danh từ) – không có nghĩa là "không gì hết." Nếu thuần nghĩa như thế là rơi vào hư vô luận. Thí dụ, nói "vô niệm" không có nghĩa là "không có niệm" và chỉ nên hiểu là "không dính vào bất kỳ niệm nào, dù là niệm lành dữ, thương ghét..." và bởi vì nó vốn là Không.

Trong Anh văn, "cái không gì hết" nên và thường được dịch là "nothingness"; nghĩa này nghịch với "emptiness."

Do vậy, chữ Không trong Bát Nhã Tâm Kinh mang nghĩa là "Thực Tướng Không." Nhận ra như thế, sẽ thấy rằng Ngài Ajahn Chah không nói gì khác với Lục Tổ Huệ Năng của Thiền Tông Trung Hoa.

Nơi đây, xin dịch lời Ngài Ajahn Chah như sau:

"Tôi một lần đọc một cuốn sách về Zen (Thiền Tông). Trong Zen, quý vị biết là, người ta không giải thích nhiều. Thí dụ, nếu một nhà sư ngủ gục trong khi ngồi thiền, người ta lấy gậy đánh vào lưng người ngủ gục. Khi môn đệ có lỗi bị đánh gậy, sư có lỗi bày tỏ lòng biết ơn bằng cách cảm ơn người kia. Trong pháp Zen, học nhân được dạy là phải cảm ơn đối với mọi cảm thọ giúp cho mình có cơ hội tiến tu.

Một hôm, có một hội chúng các sư tụ họp. Ngoài sân, một lá cờ bay trong gió. Bấy giờ có tranh cãi về chuyện làm sao lá cờ bay trong gió. Một nhà

sư nói rằng vì có gió, trong khi vị sư khác nói rằng vì có lá cờ. Do vậy, họ tranh luận, và bất đồng với nhau. Họ sẽ có thể cãi nhau mãi như thế cho tới ngày họ chết. Tuy nhiên, thầy của họ can thiệp và nói, "Không ai trong hai sư này đúng cả. Hiểu đúng phải là, không có lá cờ và không có gió."

Đây là pháp tu nhé: không có gì hết, không có lá cờ và không có gió. Nếu có lá cờ, rồi sẽ có gió. Nếu có gió, rồi sẽ có lá cờ. Quý vị nên chiêm nghiệm, suy ngẫm về điều này cho tận tường cho tới khi quý vị nhìn thấy đúng lẽ thật. Nếu [quý vị] suy nghĩ đúng, rồi sẽ không còn gì hết. Nó là tánh không, là rỗng rang – không có lá cờ và không có gió. Trong cái Không tuyệt vời đó, không có lá cờ và không có gió. Không có sinh, không có già, không có bệnh, không có tử. Cái hiểu tục đế của chúng ta về lá cờ và gió chỉ là một khái niệm. Trong thực tướng, không có gì hết. Thế đấy! Không có gì hơn là các tên gọi trống rỗng.

Nếu chúng ta tu học trong cách này, chúng ta sẽ thấy cái toàn thể, và tất cả các vấn đề của chúng ta sẽ kết thúc. Trong cái Không tuyệt vời này, Thần Chết sẽ không bao giờ tìm ra quý vị. Không có gì để già, để bệnh và để chết bám theo. Khi chúng ta thấy và hiểu như thực, tức là hiểu đúng, rồi sẽ chỉ có cái Không tuyệt vời này. Nơi đây sẽ không còn chút gì

"chúng tôi", không "chúng nó", không "tự ngã" gì hết..." (1)

Đó là ngôn ngữ Thiền Lâm Truyền Thái Lan của ngài Ajahn Chah, cũng là ngôn ngữ Thiền Tông Đông Độ, không thể khác hơn. Đó là Bát Nhã Tâm Kinh, là Kinh Kim Cương.

Tôi đã rất mực hạnh phúc khi gặp ngôn ngữ của Ngài Ajahn Chah. Đó cũng chính là ngôn ngữ tôi trình bày trong tác phẩm "Thiền Đốn Ngộ - Và Những Lời Dạy Từ Các Thiền Sư Việt Nam Xưa" (2) – sách này vừa xuất bản cuối năm 2014, bởi nhà xuất bản Hồng

Đức, đang bán ở nhiều nhà sách tại Việt Nam.

Và bây giờ, tôi đã vui mừng gặp lại các phù điêu Thái Lan trên tường chánh điện Chùa Xá Lợi ngay trên trang sách của Ngài Ajahn Chah. Và bây giờ, tôi cũng có thể nói rằng, tôi là Phật Tử Thái Lan chính hiệu. Đúng vậy, chính hiệu Thai Forest Tradition.

GHI CHÚ:

(1) Nguyễn văn Anh ngữ ở:

https://www.ajahnchah.org/book/Two_Faces_Reality1.php

(2) Tác phẩm "Thiền đốn ngộ và Những lời dạy từ các thiền sư Việt Nam xưa" có thể tìm ở: <http://tinyurl.com/ThienDonNgo>

PHOTO:

Thủ bút của Đại sư Tây Tạng Geshe Tsultim Gyeltsen trên sách "Mirror of Wisdom: Teaching on Emptiness," bản tặng Cư sĩ Nguyễn Giác.

CON GÁI

*Con đến trong đời tươi thắm hoa
Rộn ràng ríu rít tiếng sơn ca
Niềm vui, hy vọng là đây cả
Hạnh phúc đơn sơ ấm áp nhà.*

TÌNH

*Mình hạc xương mai thanh quá thanh
Gót đỏ môi son đôi mắt xanh
Xinh xinh quá
Lay động hồn ta
Em đến
Nỗi niềm không tên
Mang mang nỗi nhớ
Thương chẳng dặng ôm lòng đau tình lỡ
Quên đi
Đừng nhớ
Thất chẳng dễ bao giờ !*

RONG RÊU (II)

*Rong chơi trong cội hồng trần
Gặp đây ắt hẳn duyên phân với nhau
Mắt nhìn mặt chạm lòng đau
Bể dâu bất động xanh màu rong rêu.*

RONG RÊU (III)

*Tôi ngồi trông bóng hoàng hôn
Người qua tập nập từng con đường chiều
Nghe hồn khe khẽ liêu xiêu
Nhớ thương mấy bận rong rêu bốn mùa.*

THỐT LỜI THIẾT THA

*Ngày qua ngày lại qua ngày
Đôi bao tình lực trong mù sa rơi
Vì chưng com áo với đời
Trần thân lao nhọc thốt lời thiết tha.*



NUÔI GIÁC MƠ

*Mới gặp ban đầu sao ngán ngơ
Đêm về trăng trở viết vần thơ
Người đầu mắt mũi xinh như họa
Có gã si tình nuôi giấc mơ.*

TRĂNG HẢI NGOẠI

*Dưới ánh trăng vàng trần gian muôn vàn diễm lệ
Ma đến cùng người xướng họa ngâm thơ
Cảm xúc trào dâng hồn thống khoái dễ mê
Đêm thanh vắng một đường tơ bất tuyệt
Ma thanh vận say thơ đầy nhiệt huyết
Trăng ngà rơi làn sóng biếc âm ba
Giọng pha lê lay động cả ngân hà
Ta đắm đuối nghe mùi hương lan tỏa
Tình tri kỷ đêm thơ vàng một cội
Tình mang mang sương khói lối ta về
Ru hồn ta ôi dạ khúc đêm mơ
Đời lãng tử ta là người khách trọ
Vui tàn canh ma thỏ thẻ bên mình
Đêm lạc loài, trăng hải ngoại lung linh.*

NGUYÊN

*Nguyên xuân nguồn cội trở mình
Nhớ nhau mấy độ mà tình xanh xao
Này em má đỏ hoa đào
Về chơi nói lại câu chào nguyên sơ
Tình ơi năm tháng chưa hề...
Nguyên trình em hồi bây giờ là đây!
Trùng trùng non nước trời mây
Nguyên thanh cỏ mọc xanh đầy vườn xuân
Mừng nhau mình hội nguyên tân
Trăm năm lần lửa mấy lần nguyên minh
Này em tình vẫn nguyên hình.*

thơ

DU TÂM LÃNG TỬ



GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM THỐNG NHẤT HOA KỲ & CANADA
KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN V (2015)

PHIẾU GHI DANH – CHƯ TÔN ĐỨC

Tham Dự Khóa Tu Học Phật Pháp Bắc Mỹ Lần Thứ V
từ ngày 06/08/2015 đến ngày 10/08/2015

Tại TOWN and COUNTRY RESORT HOTEL
500 Hotel Circle North, San Diego, CA 92108

Đạo hiệu: _____

Đơn Vị Chùa: _____

Phẩm Vị: a) _____ Hòa Thượng; _____ Thượng Tọa; _____ Đại Đức; _____ Sa Di
b) _____ Sư Bà; _____ Ni Sư; _____ Sư Cô; _____ Sa Di Ni

Địa chỉ: _____

Email: _____ Điện thoại cầm tay: (_____) _____

Chư Tôn Đức Tăng Ni Cùng Đi Chung:

- | | | |
|----|-----------------|----------------|
| 1. | Đạo hiệu: _____ | Phẩm Vị: _____ |
| 2. | Đạo hiệu: _____ | Phẩm Vị: _____ |
| 3. | Đạo hiệu: _____ | Phẩm Vị: _____ |
| 4. | Đạo hiệu: _____ | Phẩm Vị: _____ |
| 5. | Đạo hiệu: _____ | Phẩm Vị: _____ |

Phương tiện di chuyển: (đánh dấu vào ô chọn lựa)

- ☐ Tự túc
- ☐ Xin Ban Tổ Chức giúp đưa đón phi trường San Diego, CA (SAN)

- Ngày giờ đến: _____ Chuyển bay: _____ Hãng bay: _____
- Ngày giờ về: _____ Chuyển bay: _____ Hãng bay: _____

Ngày _____ Tháng _____ Năm 2015

Ký Tên,

Ghi chú: **Phiếu Ghi Danh** gửi về địa chỉ: **THIỆN TỊNH ĐẠO TRÀNG**
11502 Daniel Ave., Garden Grove, CA 92840 – USA Tel. (714) 638-0989 / Cell. (714) 266-4171

Chiếc áo cũ

MINH ĐỨC TRIỀU TÂM ẢNH



Câu chuyện được kể lại từ thời Phật giáo Thiền tông hưng thịnh, tức là thời đại Kiềm Thương (Kamukara), trong khoảng thế kỷ XII và XIII ở Nhật Bản.

Khi Ô-chu từ giả tông phái Nhật Liên của Nhật Liên thượng nhân (Nichiren Shonin), thì mái tóc đã điểm hoa râm, chàng quay lưng ngọn núi Phú Sĩ bạc đầu, xuyên qua mây rừng hoa anh đào để đi vào miền xuôi.

Vai với bọc hành lý đơn giản, đầu chiếc nón rộng vành che kín khuôn mặt, từng bước một chậm rãi như chúa lạc đà, chàng đi mấy ngày đêm ròng rã, chỉ dành đôi chút nghỉ ngơi.

- Kia rồi!

Chàng ngược mặt lên khẽ thốt. Chiếc cổng trúc vàng và hai bụi thực quỳ nổi hoa tím đã hiện ra. Đằng sau lối sỏi trắng điểm hoa cỏ li ti có bóng người gầy cao chống trượng đứng.

Chàng quỳ gập hai đầu gối xuống trong tư thế của một môn sinh thiền gia:

- Bạch Thầy, giọng chàng xoắn xít, nôn nao biểu lộ một cảm xúc tuôn trào - thầy vẫn còn mạnh.

Người gầy cao chống trượng đứng, không quay lại. Một đám mây bạc ứng màu lưu hoàng trôi qua đầu cây tuyết tùng. Buổi sáng có những tia nắng ấm và có mưa nhẹ lay bay...

- Anh lại bỏ áo? Anh đến chào tôi rồi hẳn làm một cuộc ra đi mới hả Ô-chu?

Giọng người gầy cao chống trượng đứng, nói trầm ấm và không biểu lộ một tình cảm nào.

- Đã bỏ áo? Dạ bạch thầy, không, con không bỏ áo. Không bao giờ.

Người gầy cao chống trượng đứng, đột ngột quay lại, cúi xuống hóm hèm nhìn chàng. Ký ức của lão thiền sư trở về...

Người gầy cao chính là thiền sư Đạo Nguyên (Dogen) năm đó đã 83 tuổi. Và kia là vị đệ tử trưởng của lão thiền sư, pháp

đanh Ô-chu (Oju Shonin) cách ba mươi năm về trước. Ngài còn nhớ rõ như in, người thanh niên với chiếc cằm vuông vức, trán phẳng và cao, đôi mắt xanh to nhưng sâu thẳm ẩn dưới hàng chân mày sắc mạnh như một vết dao. Người học trò này thông minh, tuyệt vời thông minh, nhưng nóng nảy. Trong các buổi giảng tập kinh điển, luận bàn giáo lý, đôi mắt y sáng rực rực, giọng hăm hở, dồn dập, náo nức; ngôn ngữ, chữ nghĩa trôi chảy cuộn cuộn như sông dài; lý lẽ minh chứng xác thực, sắc bén như lưỡi kiếm xuyên nước. Ba trăm môn sinh không ai tranh luận nổi với chàng đầu là một điểm nhỏ về giáo lý. Nơi thiền phòng bao giờ chàng cũng là người đến trước mà ra sau. Học Pháp không biết mỏi mệt. Hành thiền không biết mỏi mệt. Tuy thế, lão thiền sư Đạo Nguyên bao giờ cũng lắc đầu: "ba mươi năm nữa, ba mươi năm nữa". Vì sao vậy? Lão thiền sư Đạo Nguyên lại nghĩ tiếp, y khó mà thấy được cái bình thường tâm. Y không bao giờ an tâm mà làm các công việc nhỏ nhặt như bở củi, gánh nước, tưới rau, quét sân, nhổ cỏ... Y là con người của đại sự kia, kẻ gánh vác những công việc lớn lao trong trời đất; sứ mệnh của y phải là cái gì tương tự như tát cạn bể đông, quảy cạn khôn trong cái đáy ta bà. Mỗi lần thượng tọa quán chúng hay Thượng tọa tri sự giao cho y những công việc chân tay thì khuôn mặt của y mới thiếu não làm sao. Y thường nói: "gánh một núi sách lên Hy-mã-lạp-sơn còn dễ chịu hơn cái việc lượm lá, quét sân". Sự khát khao về chân lý đạo bùng bùng bốc lửa trong ý chí của y. Thế nên, y không chịu được đời sống một môn sinh tầm thường. Vì vậy y khoác áo du tăng hành cước đi từ núi cao đến rừng thấp. Cuộc từ giả hôm ấy là một buổi sáng mờ sương, lão thiền sư đã ân

cần trao cho chàng một chiếc áo cũ: "Thầy không có gì để kỷ niệm trước lúc con ra đi. Đây là chiếc áo cũ năm xưa thầy cho, con bỏ đi, nay thầy đã khâu vá lại. Con đừng quên nó nhé". Đã lâu lắm rồi, lão thiền sư nghe y bỏ áo rồi xin nhập một tu viện. Lại bỏ áo. Lại lên đường đến một thung lũng của các đạo sĩ Yogi nghe đâu ở tận miền Bắc hải đạo. Một ngày mùa đông, tuyết ngập khe suối, các hoang đạo những vũng nước đóng băng, chàng dầm qua mười hai ngọn núi, mười bảy làng sơn cước, đêm khuya trở về gõ cửa. Lão thiền sư tiếp chàng ngay nơi tấm phòng, đốt lên một lò sưởi, hâm lại ấm trà, lấy ra một gói kẹo thảo mộc. Câu chuyện âm thầm giữa thầy cũ và trò xưa chẳng ai biết, chẳng ai hay. Mờ sáng hôm sau, người lữ khách không biết mỏi mệt ấy lại ra đi, lại lên đường, còn đường nhiều khô vô định, vai vẫn với bọc hành lý đơn giản đạo nào: "Bạch thầy ạ, con chưa thể dừng chân được. Sinh tử là định mệnh hồi thúc không rời. Tri thức con phóng vọt tới đằng trước như một con ngựa bất kham. Nó không cần biết vực thẳm hay thảo nguyên, quê xưa hay đất trịch. Bạch thầy ạ, tuy thế con còn có chiếc áo cũ của thầy, giáo huấn, nhắc nhở con mỗi khi lâm lữ. Nó vẫn còn đây. Nó vẫn còn đây". Chàng mỉm cười xa xôi, điệu vợ, vỗ vào bọc hành lý bạc màu rồi cúi đầu bước qua khung cửa thấp, đội tuyết lâm hành.

Mùa hoa anh đào cách đây đầu đã hai mươi năm, lão thiền sư nghe tin chàng đang thọ giáo với một pháp sư người Trung Hoa tại miền cực nam đảo Trường Kỳ. Không lâu sau lại tham học với một thiền sư người Đại Hàn tại Ko-chi. Và cứ thế, nào là giảng sư Tích Lan, hòa thượng tiến sĩ người Miến Điện... Sở học sau đó, không biết chàng đã tiến bước đến chân trời nào - hay là không còn chân trời thì cũng vậy - mà chàng lại phất áo ra đi, từ bỏ con

đường vi vút chông chênh của duy lý để đắm mình trong khí hậu của chơn ngôn Mật giáo tại Đông Tự (Toji) phía nam Kyoto. Lửa ngàn đời lại âm i thiêu đốt, đẩy chàng từ kinh đô lên núi non vùng tây bắc Akita, ăn rễ trái cây, sống đời khổ hạnh. Từ giả núi khổ hạnh, chàng về Đông Kinh đăng đàn thuyết pháp. Chàng rống tiếng sư tử trước mười ngàn thánh chúng cử tọa gồm tăng lữ và môn sinh các tu viện, thiền viện, Phật học viện... Người ta bàng hoàng, bấn rùn, tê dại trước ngôn ngữ sấm chẻ và đối mặt thu hút ma quái của chàng. Buổi giảng pháp đầu tiên đã vang đến cung đình. Thủ lãnh các tông phái, các pháp sư, luận sư tìm đến, dưới sự chủ tọa của thái tử Khải Nguyên (Koen), chàng lần lượt đánh bại Tịnh Độ tông mà đại biểu là Thân Loan thượng nhân (Shiren Shonin) sau đó là Nhất Biến thượng nhân (Ippen Shonin), một nhà sư lang thang tiếng tăm lẫy lừng không hấn Chân tông không hấn Tịnh Độ. Rồi lần lượt những cao sĩ của Phật giáo quý tộc, Thiên Thai, Pháp Tướng, Luật, Tam Luận, Hoa Nghiêm, Thành Thật... đều bị rút dài. Chàng giương cao ngọn cờ hưng khởi của Thiền tông, mà chàng gọi là Thiền tông tịch mặc. Trong lúc thái tử Khải Nguyên muốn dành mọi vinh quang cho vị pháp sư siêu việt thì chàng đã mất tích. Nghe nói Nhất Liên thượng nhân đã mất (1282), và mong chàng là người kế vị giáo chủ. Và bây giờ

- Anh hãy nói đi! Vị lão sư quay lưng ngồi lên chiếc ghế đơn bằng đá trắng, nói dịu dàng - không phải là nói cái kinh qua mà nói cái còn lại, cái động lại!

Ô-chu ngược đầu lên, tròng mắt phản chiếu nước mặt hồ xanh trong lặng lẽ. Y cời bọc hành lý đặt dưới chân đức thầy già nua rồi lấy ra chiếc áo cũ, chiếc áo chàm nâu đã bạc màu còn nguyên nếp gấp, những tấm vá vụng về đã long những sợi chỉ vàng. Y nhìn thật lâu vào đay đay xúc động.

- Bạch thầy a, đây là chiếc áo cũ năm xưa, bây giờ còn muốn mặc lại, xin thầy cho phép.

Giọng chàng như lạc hẳn đi.

Đôi mắt lão thiền sư rớm lệ. Có lẽ là những hạt nước mắt đầu tiên và cũng là những hạt nước mắt cuối cùng.

- Con có nói gì nữa không, Ô-chu? Tóc con đã bắt đầu điểm muối sương rồi.

- Dạ!

Im lặng.

- Con không nói gì ư?

- Dạ!

Lại im lặng.

Một con chim vành khuyên nhỏ đỏ hót một tiếng hót lạnh lốt xao động không gian. Một cơn gió nhẹ nhặt mây cảnh hoa anh đào ném tung thành vài con bướm lượn. Một cánh rơi nằm trên manh áo cũ. Lão thiền sư mỉm cười cúi xuống bắt bỏ lên lòng bàn tay:

- Ba mươi mùa hoa anh đào đã qua đi rồi, thuở còn từ giả nơi này. Thời gian qua đi nhưng hoa nở hoa tàn thì vẫn vậy.

Lão thiền sư ngược nhìn trời. Đám mây bay qua đầu cây tuyết tùng giờ lại long lạnh màu hổ phách. Ngồi chống gậy chậm rãi bước đi. Nhìn theo dáng hạc gầy guộc của thầy, Ô-chu liền tưởng đến một đỉnh núi đá cô liêu. Và chàng là con sông dài cuộn cuộn chảy về khơi. Ai ngờ con sông trở lại.

Trai đường rộng mênh mông, mấy trăm môn sinh ngồi tĩnh tọa giầy lát trước khi vào bữa ăn sáng bằng cháo ngũ cốc. Họ đã tụng Phật hiệu xong - Namo Sak-ya-mu-ni Bud-dha - tiếp theo là lời quán tưởng. Giọng tụng thoát khung cửa lớn ừ ừ tỏa ra chao động cả khoảng không gian còn động hơi sương. Lão thiền sư lọc cọc đầu gây trúc đột ngột đi vào với một trung niên tóc đã điểm hoa râm.

- Các con thân mến! Rồi lão thiền sư vỗ nhẹ lên vai Ô-chu - Hôm nay thầy giới thiệu với các con một môn sinh mới xin nhập viện. Thầy đã cho y thọ trì Tam quy và Bát quan trai giới. Pháp danh là Ô-chu. Các con hãy sống thuận thảo tương ái tương kính lẫn nhau, lấy Lục hòa, Tứ nhiếp làm trọng.

Mấy trăm đôi mắt tò mò, thú vị hoặc lãnh đạm nhìn người đàn ông lớn tuổi, lớn tuổi hơn cả những vị thượng tọa cao hạ ở đây. Nhưng người y sao rừng rú thế? Ở nơi cái thân thể lực điền, mày thô mắt cứng không tìm thấy một nét văn nhược thì học hành cái gì! Cuộc đời thôi! Y lại khoác lên người chiếc áo thô cũ, quá cũ, vá đùm, vá chụp trông chẳng được mắt chút nào.

- Thượng tọa Quán chúng, Thượng tọa Tri luật, Thượng tọa tri sự, Thượng tọa Giáo thọ đâu? Tiếng lão thiền sư yếu, thanh nhưng sắc mạnh.

Cuối trai phòng, bốn vị Thượng tọa đồng đứng dậy, chấp tay ngang ngực.

- Các thầy đã biết bốn phận nhất định của mình là phải làm

gì đối với một tân môn sinh.

- Dạ.

Lão thiền sư lẳng lẳng nhìn quanh một vòng rồi từ từ bước ra cửa. Chiếc bóng cao lênh khênh, màu áo khói hương như tan lẫn trong sương, chỉ còn vọng lại đều đặn tiếng gậy trên lối sỏi.

- Lại đây, lại đây, người bạn đạo.

- Lối này, lối này.

- Chiều này, chỗ này!

- Chỗ anh là chỗ cuối cùng kia, người em út!

- Mới vào chùa mà ra về sư cụ nhỉ?

- Một trăm gánh nước, ha ha, bài học nhập môn hạng bét cơ đấy!

- Quét một ngàn giỏ lá hoa anh đào, ông bạn già. Mòn vô lượng vô biên a-tăng-kỳ kiếp cái chối, phải biết!

- "Cù" thế!

Tiếng tiếp tiếng, câu tiếp câu chen lẫn xen lộn ồ ào. Một tiếng bâng mông vang lên.

- Chư đệ, chư đệ, hãy im lặng.

- Chư đệ, chư đệ, chớ quên mình, chớ phóng dật!

Trai đường im lặng trở lại.

Người ta rất ngạc nhiên về vị môn sinh mới. Suốt ngày y rất ít nói, lặng lẽ như chiếc bóng của mình. Y không tỏ vẻ cố gắng lắm nhưng hoàn tất dễ dàng các công việc được giao phó. Y làm không chậm, không nhanh, đôi khi rất chậm, đôi khi rất nhanh, bao giờ cũng toát ra cái vẻ thanh thoát, nhẹ nhàng, êm ả, dấu cho cái thân thể to lớn nặng nề. Người ta không thấy y trầm tư, thiền định, không mơ mộng và buồn phiền. Đôi khi y ngâm khe khẽ một vài câu thơ cổ, một vài câu kệ với âm thanh phát ra ừ ừ trong cổ họng, không ai nghe được. Đặc biệt, cái trầm tĩnh của y đến độ làm cho người ta lạnh mình. Chuyện kể rằng, lão thiền sư cho phép y làm cái cốc rạ phía sau hốc núi, cách chỗ của thiền sư một con suối nhân tạo và một hòn giả sơn. Hôm kia, cốc phát hỏa do một môn sinh nướng khoai sơ ý gây nên. Về đến nơi thì chỉ còn một



đồng tro. Vị môn sinh kia áy náy bối rối đến tội nghiệp. Ô-chu mỉm cười mà rằng: “Vậy chớ sau đó thầy có ăn khoai được không, hay là nó đen thui?” Người ta chơi nghịch đốt giải áo của chàng trong lúc chàng nghỉ trưa. Chàng ngồi dậy thì đám lưng đã cháy một mảng. Chàng bị bỏng nặng mà không hề than một tiếng. Chàng đã không biết giận ai mà lại hay cười. Chàng mỉm cười với mọi sự. Mỉm cười với tất cả “lính cũ bắt nạt lính mới”. Mỉm cười với mọi công việc nặng nề, hồi hăm mà người ta đùn cho chàng. Ở đâu mà không thế. Chàng rất ít nghỉ ngơi, ai hỏi lý do, chàng nói: “Ngay chính nơi công việc, ta luôn luôn tìm được sự nghỉ ngơi”. Những công việc tay chân và thiên nhiên là sự nghỉ ngơi của chàng, sự nghỉ ngơi thiêng liêng nhất mà không phải tuổi nào cũng thấy được, người nào cũng hiểu được. Do vậy, trong công việc, chàng làm với tất cả lòng đam mê và sự sáng tạo. Trong thiên nhiên, sự hiện hữu của trời, muôn loài, muôn vật, chàng nhìn ngắm với sự mới lạ trong từng giây từng khắc, với trọn tâm hồn của mình.

Sáu tháng sau, Thượng tọa Giáo thọ kêu chàng lên:

- Chú chấp tác mọi công việc đều tốt, rất tốt. Thượng tọa tri sự yêu cầu tôi bắt đầu dạy giáo lý cơ bản cho chú. Nhưng trước khi vào chương trình, tôi phải biết sơ về trình độ, hầu dọn cho chú một chương trình giáo lý riêng biệt thích hợp. Muốn vậy, chú phải trả lời những câu hỏi của tôi. Chú đi tu đã lớn tuổi, chú đến với Phật giáo quá muộn màng. Chú biết đấy. Vậy thì chú biết gì về Phật không? Nghĩa là tôi muốn hỏi, chú đã biết Phật là gì chưa?

“Lão môn sinh” lúng túng ra mặt, khẽ nhìn vị “Thượng tọa bác học” rồi lại cúi đầu xuống.

Đọc được tia mắt ấy, Thượng tọa Giáo thọ cố gắng diễn giải:

- Chú chỉ cần nói ra cái ý niệm. Không, chả cần, chữ “ý niệm” rắc rối khó hiểu - Thượng tọa nhăn mày - Hay là thế này vậy, chữ “Phật” gọi cho chú hình ảnh nào; phải, hình ảnh, cái hình ảnh thiêng liêng hoặc gần gũi mà chú đã bắt gặp được trong đời sống của mình. Phải rồi, chú nói đi, Phật là gì nào?

Quả thật, chàng lạ lùng, ngạc nhiên trước câu hỏi này. Phật là gì nhỉ? Ở nơi cái ngôn ngữ tối tăm và u ám của con người, có chỗ nào diễn tả chân xác nhất?



Đầu óc Ô-chu làm việc thật nhanh, như chiếc đèn cực sáng quét qua một lượt mấy cánh rừng ngôn ngữ. Qua gần năm cổ ngữ và mười ngoại ngữ khác nhau, chàng không tìm ra từ thích hợp. Những chữ, những chữ hiện tuần tự thứ lớp như cuốn phim tốc quay và chàng chụp bắt với đôi mắt của loài cú. Thế nhưng, Phật là gì? Ô! Phật là gì nhỉ?

Và thế là Ô-chu thiếu não lắc đầu.

- Chú không biết! Thượng tọa Giáo thọ thở dài. Phật mà chú không biết là gì, thì xin lỗi... đi tu vậy là cuồng tín mất thôi. Ôi, tin mà không có trí là hỏng rồi!

Ô-chu cũng thở dài. Biết sao được. Thầy Giáo thọ quả phiền chàng là phải lắm. Ôi, rõ ràng là không thể nói Phật là gì. Nói ra là hỏng mất thôi.

- Pháp là gì? Thượng tọa Giáo thọ đưa mắt thương hại hỏi tiếp - đầu chú không biết Phật là gì, nhưng tôi vẫn hy vọng là chú biết Pháp, biết được cái chân lý mà từ đó, chú đoạn bỏ đời sống cư sĩ áo trắng tục lụy và tối tăm để về với ánh sáng đạo. Pháp là gì? Tôi đã cố gắng tìm kiếm nơi chú một hiểu biết tối thiểu, như gạn cát tìm vàng. Pháp là gì? Bạn thân mến, Pháp là gì nào?

Pháp là gì? Ô-chu chợt mỉm cười. Chàng biết rõ cái đó trong tâm. Chàng đã cùng hít thở, đi đứng với nó. Nhưng biết nói làm sao nhỉ? Ôi, sao ngôn ngữ loài người nó nghèo nàn đến thế?

Trong lúc cố gắng tìm kiếm, cân nhắc, bất chợt chàng

thấy một cánh thảo lan thò nụ hoa vàng từ sau gộp đá nâu.

- Kìa, Thượng tọa - Chàng rồi rít đưa tay chỉ - Một nụ thảo lan, có phải không? Là một nụ thảo lan! Ôi! Đẹp làm sao!

- Cái gì? Vì Giáo thọ sư quắt mắt - Chú nói cái gì? Chú nói kìa một nụ hoa vàng, một nụ thảo lan, là quái gì? Thượng tọa giáo thọ bốc giận - Đây là ngôn ngữ thiên sư “rõm” chú ạ! Ai cũng có thể nói được một nụ hoa vàng, đẹp lắm, xưa quá rồi. Thôi đi, “rõm” ạ!

Thượng tọa Giáo thọ đứng bật dậy, thu vội sách vở trên bàn.

- Chú hãy trở về trình diện lại với Thượng tọa tri sự, kiếp này chú không tu huệ được đâu, chỉ tu phước thôi. Hãy cố gắng tích lũy công đức trong lao tác, trong đời sống phục vụ Tam Bảo. Công đức kia sẽ hộ trì, dắt diu chú. Con đường này tuy chậm, nhưng chắc chắn và vững vàng, hợp với khả năng của chú. Tôi cầu nguyện Phật lực gia hộ cho chú...

Ra đến cửa rồi, Thượng tọa Giáo thọ quay lại nhìn chàng một hồi lâu:

- Chiếc áo vải thô của chú đã cũ quá rồi. Chú không có cha mẹ, bà con, họ hàng thân thích gì cả sao?

- Dạ không ạ!

- Vậy thì để tôi đề nghị lên Thượng tọa Quản chúng, Đại đức Thủ quỹ may cho chú một vài bộ áo quần cho tiện việc chấp tác. Chiếc áo kia cũ quá rồi đấy!

Ô-chu mỉm cười:

- Thôi Thượng tọa ạ! Chiếc áo này cũ nhưng còn chắc chắn hơn cả bao gai. Nếu biết vá vá cho khéo thì cũng có thể dùng

được lâu. Chỉ có cái là bàn tay của đệ tử thô tháo, vụng về thôi.

Thượng tọa Giáo thọ nhìn hai bàn tay chai sạn, u nần, kệch cỡm của Ô-chu, cười thành tiếng:

- Phải rồi, chú sinh ra không phải là để học, để ngồi trên những chiếc ghế vàng son lộng lẫy của pháp sư, giảng sư...

Ba hồi chuông trống bát-nhã rộn ràng vang lên đánh thức sự tịch mịch của đêm sương. Đèn đuốc bắt chợt được đốt sáng khắp đó đây.

- Thầy đã tịch rồi!

Tin truyền rất nhanh. Tất cả môn sinh đã tụ về lỗ nhỏ đứng cung kính, ủ rũ trước cốc của lão thiền sư Đạo Nguyên. Không một tiếng động. Lát sau tiếng niệm Phật hiệu trầm thì rồi lan ra, lan ra mãi. Các vị Thượng tọa cao hạ và chức sắc quý thành vòng tròn xung quanh thiền sàng, chấp tay lên ngực, có đôi vị rừng rưng như cố kìm giữ tiếng nấc.

Lão thiền sư Đạo Nguyên không bệnh, không báo trước mà lặng lẽ ra đi. Ngồi ngòi kia, trong thể kiết già phu tọa, khuôn mặt tỏa sáng niềm an lạc, nhưng thần thức giờ đã tiêu diêu ở cõi đầy hào quang và ánh sáng nào.

Phần ngài thể là xong. Nhưng còn người nối hậu? Y pháp chương giáo ngài đã truyền lại cho ai chưa? Đây là câu hỏi lớn vồn trong đầu óc của mọi người.

Không ai tìm ra di chúc, một lời giáo huấn tối hậu nào. Thật là khó xử đây. Thượng tọa Quán chúng một đời hỷ xả, niên trưởng và đạo hạnh. Thượng tọa Tri sự một đời phục vụ, hạ lập cao và vô vãn công đức. Thượng tọa Tri luật, niên cao lập lớn, gương mẫu cho chúng, nghiêm minh và thanh tịnh. Thượng tọa Giáo thọ dẫu hạ lập ít hơn chút đỉnh, trẻ tuổi nhưng một đời ít ngủ, ít ăn, chăm lo hàng trăm lớp giảng huấn, hàng chục trình độ khác nhau; lại nữa, là người suốt thông Tam Tạng, là linh hồn tri thức, kiến thức cho viện.

Sau lễ nhập tháp ba ngày, một buổi họp giới hạn được tổ chức, nơi đây chỉ gồm các Tỷ-kheo chức sắc hoặc từ năm hạ trở lên. Bốn nhóm thân hữu, đệ tử hoặc cảm tình với bốn vị thượng tọa tranh luận cho phe phái của mình. Ai cũng có thể đưa ra những dẫn chứng chính đáng và cụ thể nhất.

Ban đầu thì ngôn ngữ khiêm cung, nhã nhặn, đến lúc chẳng ai chịu thua ai, tranh luận biến thành tranh cãi rồi trở nên sôi nổi, gay gắt, ồn ào. Một vài cánh tay

Bên Đồi Tử Sinh

Ta về tìm lại chính mình

Hoa sen một đóa trắng trinh tuyệt vời

Một miền sinh tử chơi vui

Ta đi tìm lại cuộc đời hiện sinh

Hết hoàng hôn lại bình minh

Thong dong đi giữa vô minh trần đời

Sống với chân lý sáng ngời

Vui trong ánh đạo bên đồi tử sinh.

thơ

HUỆ BẢO



giận dữ đưa lên cao. Một vài đôi mắt đã gườm gườm bốc khói. Những tiếng bång mộc không ngớt vang lên.

- Chư đệ, chư đệ, im lặng nào!

- Chư đệ, chư đệ, chớ phóng dật, chớ quên mình!

Nhưng vô ích. Ở đây đã có rất nhiều loại ngựa non hầu đá, gà tơ mới mọc cựa...

Trong lúc ở thiền đường xảy ra cuộc tranh luận thì ở sau hốc núi có một bóng đen lặng lẽ lườn qua các vòm cây đến ngôi tháp mới. Bóng đen quý trước cửa tháp từ canh gà đầu tiên đến lúc sao Mai vừa mọc. Y đứng dậy giữ sương trên áo rồi lão đảo thấp ba nén nhang. Sương mù đầy đục cả trời, gió hiu hiu buốt lạnh. Quà qua lối cũ, đến cổng trúc vàng, bụi thực quý, y dừng lại. Ánh trăng hạ tuần nhợt nhạt trong màn sương trắng. Tiếng một con cú rúc lẻ loi. Y đưa mắt một vòng. Lát sau y quảy dây ta bà lần theo lối sỏi khuất dưới chân đồi.

Đây là Ô-chu, chàng lặng lẽ từ giả thiền viện, nhẹ nhàng, âm thầm và cô liêu hơn cả kẻ từ giả cuộc đời. Chàng đến một động đá, trịnh trọng khoác chiếc áo cũ lên người rồi an nhiên kiết già tịch diệt, trên môi còn nở nụ cười bất diệt. Qua ánh sáng mờ từ cửa động hắt vào, người ta đọc được từ lưng chiếc áo cũ mấy dòng chữ chân phương, đồn

hậu, bút tích không thể lầm lẫn của lão thiền sư quá cố:

"Y Pháp Bất Y Nhân

Y Nhân Bất Y Pháp

Nhân Pháp Liễu Mật Thâm

Mạc Cầu, Phi Thủ Trước"

Tạm dịch nghĩa:

Nương theo pháp, chẳng nương theo người

Nương theo người, chẳng nương theo Pháp

Người, pháp rõ nguồn căn

Chẳng cầu chẳng ôm giữ.

(Thiền tông đời thứ hai,

Kiểm Thường hưng khởi, Đạo Nguyên Tỷ-kheo; phụng truyền đệ tử trưởng đặc pháp đời thứ ba là Ô-chu).

Thế là Pháp, Nhân đã cùng tịch diệt với nhau trong động đá. Cho nên hiện nay, phái này đã không còn truyền thừa. Chuyện kể rằng một trăm tám mươi năm sau, di tích này vẫn còn. Một thiền sư nghệ sĩ vô danh trong khi sơn thủy hành cước ghé qua đây, biết chuyện của người xưa, xúc cảm làm một bài thơ nét chữ long phượng, dường như còn mãi đời đời nơi vách đá:

"Thầy là đỉnh núi cô liêu ngàn đời tịch mặc,

Trò là con sông dài cuộn cuộn bỏ núi ra khơi

Còn đây áo cũ ngậm ngùi

Còn đây biển núi nộ cười an nhiên."

Minh Đức Triều Tâm Ảnh

VI KHUẨN QUANH TA

Bác Sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC



Người nhất gan mà nghe phát ngôn của các nhà khoa học này là thấy nổi da gà, e ngại. Nhưng thưa quý thân hữu, thực tế đúng là như vậy đấy a.

Chẳng hạn, nhiều người vẫn tưởng rằng phòng tắm-vệ sinh đại tiểu tiện là nơi có nhiều vi sinh vật hơn ở bếp. Vậy mà kết quả nghiên cứu của nhà vi trùng học Carlos Enriquez, Đại học Arizona, cho thấy chậu rửa chén bát và ống thoát nước bên dưới lại có nhiều vi khuẩn hơn là trong bồn cầu tiêu. Và ông ta "mao tôn cương" thêm rằng ăn cơm trong phòng vệ sinh có khi lại an toàn hơn là trong bếp.

Hy vọng khoa học gia là người vui tính, nói đùa và chẳng ai nghe theo, ăn uống trong đó. Một nhà sinh vật học khác cho hay miếng bọt biển xốp để rửa chén chứa nhiều vi sinh vật nhất rồi tới chậu rửa bát với ống thoát nước, mặt bếp, dao thớt, tay cầm tủ lạnh, khăn vải lau tay. Lý do là môi trường ẩm ướt của miếng bọt biển với các lỗ hổng là địa điểm ẩn náu lý tưởng của bầy vi khuẩn. Chúng sống trong đó cả mấy tuần lễ. Rồi khi ta dùng xốp đó để lau mặt bếp là ta đã mở đường giúp chúng lan rộng thêm ra.

Bổ đi làm về, mở tủ lạnh lấy chai la de giải khát mà không rửa tay. Thế là cả một mớ vi trùng bám vào tay cầm tủ lạnh. Cậu con đi học về hôn hờ mở tủ lạnh, bốc miếng dưa ăn là đã nhiễm mớ vi sinh vật nguy hại đó.

Rồi lại còn thịt cá mới mua chưa kịp cất vào tủ lạnh, bỏ ngoài bếp mấy giờ, đều là nguồn chứa nhiều vi sinh vật lành dữ khác nhau.

Nghiên cứu gia Norman P Pace, Đại Học Colorado-Boulder, nhận thấy thể giới vi khuẩn có khắp mọi nơi và ngay trên lớp da của ta cũng lúc nhúc cả triệu con. Cũng may là không phải tất cả vi sinh vật đều nguy hại.

Theo các nhà vi trùng học, chỉ một số có thể gây bệnh. Nhiều loại không những có ích mà lại cần thiết cho sự sinh tồn trên trái đất. Chúng hiện diện khắp nơi, trên và trong trái đất và cấu tạo thành một tập thể sinh học đặc biệt.

Thực vậy, không có vi sinh vật thì sự sống trên trái đất sẽ có nhiều khó khăn, trở ngại. Vai trò rất quan trọng của chúng là làm mục nát, thối rữa thực vật và các tế bào động vật, nhờ đó ruộng đất phì nhiêu, hoa màu trồng trọt được và có thực phẩm cho mọi sinh vật.

Từ thế kỷ trước, nhà bác học người Pháp Louis Pasteur đã nêu giả thuyết rằng một số vi sinh vật trong bộ đồ lòng tiêu hóa của ta có tác dụng tốt cho sức khỏe. Ngày nay, khoa học thực nghiệm đã xác nhận ý kiến này của giáo sư Pasteur.

Trong cơ thể động vật, một số vi khuẩn giúp sự tiêu hóa, giúp bảo vệ cơ thể chống lại sự xâm nhập của vi sinh vật có hại. Ấy là không kể, mỗi ngày chúng ta cũng tiêu thụ, thưởng thức nhiều triệu vi sinh vật có ích trong pho mát, sữa chua như loại *Lactobacillus acidophilus*, *bifobacterium*, *bulgarius*.

Trên thị trường hiện nay còn có bán nhiều loại vi khuẩn đặc chế (Probiotics) được quảng cáo là trị tiêu chảy trẻ em, giảm cholesterol trong máu, ngăn ngừa vài loại ung thư, giúp cơ thể sản xuất folic acid, biotin, sinh tố K.

Tiến sĩ John Frost, Đại Học Michigan còn dùng vi khuẩn để chế nhiên liệu cho hỏa tiễn. Vi khuẩn cũng được dùng để chế thuốc kháng sinh, sản phẩm kỹ nghệ nylon, thuốc insulin. Mới đây, bác sĩ Aladar A. Szalay thuộc Đại Học Loma Linda, California, còn nghiên cứu sử dụng vi khuẩn phát ánh sáng màu chích vào chuột thí nghiệm để phát hiện ung thư bong da, nhũ hoa.

Những vi trùng có thể gây bệnh thường thấy là:

- * *Salmonella* có nhiều trong thịt cá trứng còn sống hoặc nấu chưa kỹ hoặc trong sữa tươi chưa khử trùng;

- * *Clostridium Perfringens* lẫn trong thực phẩm và gây tiêu chảy, đau bụng 12 giờ sau khi nhiễm độc.

- * *Clostridium botulisthường* có trong thức ăn đóng hộp bị nứt, không khí xâm nhập và gây nhiễm độc trầm trọng, đôi khi tử vong.

- * *E.coli* có nhiều trong ruột và hầu như vô hại. Tuy nhiên có vài giống *E Coli* gây ra bệnh tiêu chảy cho khách du lịch tới các quốc gia đang phát triển và một loại có trong thịt bò nấu chưa chín hoặc sữa không khử trùng.

- * *Staphylococcus Aureus* thường lan truyền từ người sửa soạn, mang dọn thức ăn.

Các vi khuẩn này nằm trên da, trong miệng mũi rồi lây lan vào thực phẩm. Nấu nướng không tiêu hủy độc tố của vi khuẩn này nên vệ sinh cá nhân và lau chùi bếp núc là điều cần làm để ngăn ngừa bệnh.

Xin nhắc lại là để sinh sản, tăng trưởng, vi khuẩn cần ba yếu tố: thức ăn, độ ẩm ướt và khí hậu ấm nóng. Chất đạm động vật như thịt cá, trứng, sữa là món ăn ưa thích của vi khuẩn. Nhiệt độ từ 40F tới 140 độ F là lý tưởng cho vi khuẩn sinh sống.

Trên 140 độ F, sức nóng tiêu diệt vi khuẩn, mà dưới 40 độ F làm chậm tăng trưởng; băng đá chỉ ngưng tăng sinh nhưng không tiêu diệt được chúng. Với một số lượng vi khuẩn nhỏ, cơ thể ta có sức đề kháng được. Nhưng người mẫn cảm như quý vị cao niên, trẻ em, người mắc bệnh kinh niên, bệnh suy yếu miễn dịch như HIV-AIDS, phụ nữ mang thai thì nguy cơ nhiễm trùng vì thực phẩm sẽ cao hơn.

Ngày nay nhiễm trùng vì thực phẩm xảy ra nhiều hơn cách đây dăm chục năm. Khi đó, muốn ăn thịt gà, ta ra vườn bắt một con cắt tiết, làm lông rồi nấu nướng ăn ngay. Nếu chẳng may con gà đó có nhiễm vi khuẩn thì họa chẳng chỉ gia đình ta mắc bệnh, nhưng nấu chín thì cũng an toàn. Còn bây giờ, gà mua ở siêu thị trải qua nhiều giai đoạn chung đụng với nhiều gà khác. Nếu một con có vi khuẩn thì sẽ lây lan sang nhiều con và gây nhiễm dây chuyền

cho nhiều người, nếu thức ăn nấu không kỹ.

Nhiều báo cáo y khoa cho hay hàng năm có tới 76 triệu trường hợp nhiễm độc do thực phẩm xảy ra ở Mỹ, với trên nửa triệu trường hợp phải nhập viện điều trị và dầm ngàn tử vong. Đa số các trường hợp đều nhẹ, nạn nhân không cần đi khám bác sĩ.

Hầu hết các trường hợp bệnh này đều có thể ngăn ngừa được, nếu ta áp dụng vài phương thức vệ sinh căn bản, dùng vài hóa chất diệt trùng giản dị. Vì hầu hết các trường hợp bệnh nhiễm thực phẩm đều do sự lơ là coi thường của ta mà ra. Thịt cá nấu không chín, sữa soạn cầu thả, cất giữ không đúng cách, bếp núc không vệ sinh.

Để tránh nhiễm trùng qua nấu nướng, xin lưu ý vài điều căn bản như sau:

Những điều căn bản cần biết khi làm bếp

1.- Rửa tay

Sơ sót lớn nhất trong vệ sinh bếp núc là đa số chúng ta đã quên không rửa tay. Nghiên cứu tại Đại Học Utah cho hay chỉ có 34% dân chúng rửa tay trước khi làm món ăn và đa số chẳng bao giờ rửa với xà bông. Vì ta coi thường, không nhìn thấy vi khuẩn. Nhưng chúng hiện diện khắp nơi: trên tay ta, trên dao thớt, trên thịt cá và sẵn sàng xâm nhập cơ thể để gây bệnh. Cho nên, xin mời quý thân hữu rửa tay khoảng 20 giây với nước ấm và xà bông trước, trong khi hoặc sau khi làm thịt cá còn tươi sống. Và nhớ dán băng keo lên vết thương trầy da, nếu có.

2.- Lau chùi bếp

Lau chùi bếp không chỉ để đẹp mắt mà còn cần sạch sẽ nữa để ngăn ngừa sự lây lan vi khuẩn nguy hại. Lau mặt bếp với nước pha chlorine, dùng khăn khô lau ráo nước. Theo giáo sư vi trùng học Chuck Gerba, Đại Học Arizona, chlorine diệt vi khuẩn tốt hơn là giấm hoặc baking soda pha nước. Tủ lạnh cũng cần thường xuyên lau những thức ăn vương vãi, mốc meo, vi khuẩn. Lau với nước ấm và xà bông rồi dùng khăn khô lau. Không nên dùng chlorine hư mặt nhựa.

3.- Truyền Nhiễm

Tránh nhiễm từ món này sang món khác, nhất là từ thịt cá tươi sang rau trái. Trong tủ lạnh xếp thịt cá xuống ngăn dưới để nước không rơi xuống thực phẩm khác. Không để thực phẩm đã nấu vào đồ chứa vừa mới đựng thịt cá sống. Dùng dao thớt riêng cho thực phẩm sống và thực phẩm đã nấu chín.

4.- Nấu Nướng

Nấu chín thực phẩm với nhiệt từ 145 độ F tới 165 độ F tùy theo loại thịt.

Nấu các thứ thịt, cá:

- * bò, cừu, dê ở 145F;

- * heo và thịt bò xay với nhiệt độ 160F ;

- * gà vịt nguyên con 180F;

- * đồ biển 145F.

- * Dùng nhiệt độ kế để đo sức nóng trong khối thịt.

- * Trứng nấu tới khi lòng đỏ chín, không chảy nước;

- * nấu cá tới khi thấy chất cá đổi màu đục.

5.- Giữ gìn thực phẩm

Cất giữ thực phẩm trong tủ lạnh hoặc ngăn đông băng ngay sau khi mua về. Nhiệt độ 40F hoặc thấp hơn là thích hợp nhất để làm chậm sự tăng trưởng của hầu hết các loại vi khuẩn chứ không diệt được chúng. Chỉ khi đông đá dưới 0 độ F thì mới làm chúng ngưng tăng trưởng nhưng vẫn không diệt được chúng. Thức ăn nấu chín nên để trong tủ lạnh

trong vòng hai giờ sau khi nấu và có thể giữ an toàn được từ 3 tới 5 ngày.

6.- Khử trùng

Bồn rửa bát cần được khử trùng định kỳ với dung dịch một lít nước và một thìa chlorine. Thực phẩm vụn dính vào bồn và ống thoát nước là môi trường dinh dưỡng rất tốt cho vi sinh vật sinh sản.

7.- Cách dùng thớt

Dùng thớt nhân nhụi, không kể nút làm bằng gỗ cứng hoặc chất dẻo tổng hợp để dễ lau, rửa. Có ý kiến khác nhau về thớt gỗ và thớt plastic:

- * Cơ quan Thực Phẩm và Dược Phẩm Mỹ cho là thớt plastic ít chứa vi khuẩn và dễ rửa.

- * Một số chuyên gia khác lại nói thớt gỗ hút vi khuẩn và không nhả chúng ra, nên an toàn hơn.

- * Điều quan hệ là sau mỗi lần dùng cho một loại thực phẩm thì nên lấy bàn chải rửa sạch với nước nóng, xà bông trước khi cắt thái món ăn khác trên thớt.

- * Tốt hơn nữa là để vào máy rửa chén bát với nước và một chút chlorine.

- * Trên thị trường cũng có những thớt dùng một lần rồi vứt bỏ, tuy hơi tốn kém nhưng an toàn.

8.- Khăn lau

Khăn lau tay trong bếp. Khăn vải dùng đi dùng lại chứa nhiều vi khuẩn lắm vì ẩm ướt nuôi dưỡng vi trùng. Tốt nhất là khăn giấy dùng một lần rồi bỏ sẽ không truyền vi khuẩn từ vật này sang vật khác.

9.- Vật dụng rửa chén

Cục xộp rửa chén bát là ổ vi khuẩn. Nhiều người cẩn thận giặt xộp này với nước nóng, xà bông rồi bỏ vào máy rửa chén bát rửa lại; kỹ hơn nữa có người bỏ vào lò vi ba (microwave) chạy nóng để diệt trùng.

10.- Rửa bát

Rửa bát trong vòng hai giờ. Để ngâm lâu trong nước với thức ăn dư là một nỗi súp rất tốt cho vi khuẩn ăn và tăng sinh. Sau khi rửa phải phơi hoặc sấy khô.

11.- Làm mềm thực phẩm đông đá

Rã thực phẩm đông băng (defrost) tốt nhất và giữ được phẩm chất của món ăn là để trong tủ lạnh qua đêm hoặc trong lò vi ba (microwave). Có thể ngâm thực phẩm gói kín trong nước lạnh và cứ 30 phút lại thay nước.

Đừng để thực phẩm rã đá ngoài bàn, không có nước, vì ở không khí trong phòng, vi khuẩn tăng sinh rất mau. Thịt cá ướp gia vị cũng nên để trong tủ lạnh trong khi chờ nấu nướng.

12.- Rửa thịt cá

Rửa thịt trước khi nấu là điều rất tốt để loại bớt một số vi khuẩn bám trên mặt thịt cá. Sau khi nấu kỹ thì chắc chắn là các vi khuẩn còn lại sẽ bị tiêu diệt hết.

Kết luận

Người viết thực đã múa rìu qua mắt thợ: các vi nội trợ ta rất rành về vệ sinh bếp núc mà mình lại uống thuốc liều lạt bàn tới lãnh vực riêng này. Tuy nhiên, cũng chỉ xin góp thêm vài ý kiến, kéo lại được nghe trách là "Tại sao biết mà cứ im như thóc, chẳng nhắc nhở. Đôi khi bận quá, chúng tôi cũng quên đi chứ!"

Bác sĩ Nguyễn Ý-ĐỨC

(www.bsnguyenyduc.com)

ĐIỀU GÌ XẢY RA KHI CHÚNG TA CHẾT?

Ký giả Báo Time: M.J. STEPHEY

Huỳnh Kim Quang dịch

Thứ Ba tuần rồi (bài này phổ biến ngày 18-9-2008 trên trang mạng Báo Time — <http://content.time.com/time/health/article/0,8599,1842627,00.html>), bác sĩ Sam Parnia—là Giám Đốc Nghiên Cứu Về Sự Sống Lại Từ Cõi Chết tại Đại Học Tiểu Bang New York ở Stony Brook, Hoa Kỳ — một chuyên gia hàng đầu về nghiên cứu khoa học về cái chết, và các đồng nghiệp của ông trong Kế Hoạch Y Thức Của Con Người đã công bố việc nghiên cứu quy mô đầu tiên của họ: một khám phá trong 3 năm về sinh học bên kia những kinh nghiệm “thoát xác.” Nghiên cứu, được biết như là sự tỉnh thức (tỉnh thức trong sự phục hồi sự sống ý thức), gồm sự kết hợp của 25 trung tâm y tế lớn khắp Châu Âu, Canada và Hoa Kỳ và khảo nghiệm khoảng 1,500 người sống lại trong trường hợp tim ngừng đập. Báo TIME đã nói chuyện với bác sĩ Parnia về nguồn gốc của kế hoạch, những hoài nghi và sự khác biệt giữa tâm thức và não bộ. Sau đây là phần đối thoại của phóng viên báo TIME và bác sĩ Parnia.

Những loại phương pháp nào được dùng trong kế hoạch này để cố gắng xác định kinh nghiệm “căn tử” (ngay trước lúc chết) của con người?

Khi trái tim của bạn ngừng đập thì không còn máu đưa lên não bộ. Và như thế điều xảy ra là trong khoảng 10 giây, hoạt động của não bộ ngừng hẳn – như bạn có thể hình dung ra. Tuy nhiên, một cách khó hiểu, 10% hay 20% những người đã được sống lại từ thời điểm đó, có thể là một vài phút hay lâu hơn 1 tiếng đồng hồ, phức tạp là có ý thức. Như thế điều chính yếu ở đây là, những điều này là thực, hay nó là một thứ không thật? Do vậy cách duy nhất để nói thật hay giả là có các hình ảnh chỉ có thể nhìn thấy được từ trên trần nhà và không có nơi nào khác, bởi vì họ nói rằng họ có thể nhìn thấy mọi việc từ trên trần nhà. Nếu chúng ta có được một loạt từ 200 đến 300 người đã được bệnh viện tuyên bố là chết, và họ có thể sống trở lại để kể cho chúng ta nghe những gì chúng ta đã làm và có thể thấy những hình ảnh đó, điều ấy xác định ý thức thật sự tiếp tục hoạt động ngay cả lúc não bộ không còn chức năng hoạt động nữa.

Kế hoạch này có mối tương quan với nhận thức của xã hội về cái chết như thế nào?

Thông thường người ta nghĩ cái chết như là một khoảnh khắc – bạn chỉ có thể là chết hay sống. Đó là định nghĩa xã hội mà chúng ta có. Nhưng định nghĩa của bệnh viện mà chúng ta dùng là khi trái tim ngừng đập, cuộn phổi ngừng làm việc, và như là một hệ quả chính não bộ ngừng hoạt động. Khi các bác sĩ rọi đèn pin vào con người của người nào đó, nó cho thấy rằng không có một phản ứng nào xuất hiện. Sự phản ứng của con mắt có được qua trung gian của hệ thống não bộ và đó là khu vực mà giữ chúng ta còn sống. Nếu nó không hoạt động, thì điều đó có

nghĩa là chính não bộ không hoạt động. Ở thời điểm đó, tôi gọi một y tá vào phòng để tôi có thể xác chứng rằng bệnh nhân này đã chết. 50 năm trước, người ta đã không thể sống lại được sau thời điểm đó.

Kỹ thuật thách thức đối với nhận thức rằng cái chết là một khoảnh khắc như thế nào?

Hiện nay, chúng ta có kỹ thuật mà được cải tiến để chúng ta có thể mạng con người sống lại. Thực tế, có nhiều loại thuốc đang được cải thiện ngay bây giờ – ai biết được chúng sẽ có được chế tạo cho thị trường hay không – điều đó có thể thực sự làm chậm tiến trình tổn thương tế bào não và cái chết. Hãy tưởng tượng bạn già xuống nhanh đi 10 năm, và bạn là một bệnh nhân, trái tim của bạn vừa mới ngưng đập, thì loại thuốc này thật kỳ diệu làm sao! Và thực sự điều nó tạo ra là, làm chậm lại mọi thứ để những điều đã không thể xảy ra một giờ trước đây, bây giờ xảy ra trong 2 ngày. Vì những sự tiến bộ của thuốc tây, chúng ta cuối cùng có rất nhiều vấn nạn về đạo đức.

Nhưng điều gì xảy ra đối với con người ở thời điểm đó? Cái gì thật sự diễn ra? Bởi vì không có máu lưu thông, các tế bào đi vào tình trạng không giữ được sự sống còn cho chính chúng. Và trong vòng 5 phút, chúng bắt đầu hủy diệt hay thay đổi. Sau một giờ sự tổn hại thì quá mức to lớn đến nỗi nếu chúng ta có tái khởi động lại nhịp tim và mạch máu, người chết cũng không còn có thể sống được, bởi vì các tế bào đã biến đổi quá nhiều. Rồi thì các tế bào tiếp tục đổi thay để trong vòng vài ngày toàn thân thật sự phân hủy. Như thế không phải một khoảnh khắc, nó là một tiến trình mà thật sự bắt đầu khi trái tim ngừng đập và đưa đến sự bắt đầu hủy diệt toàn bộ cơ thể, sự phân hủy của tất cả tế bào.

Tuy nhiên, cuối cùng, vấn đề là gì? Điều gì diễn ra đối với tâm thức con người? Cái gì xảy ra đối



với tâm và thức con người trong thời gian của sự chết? Tâm thức có phải ra đi ngay tức khắc khi trái tim ngừng đập? Có phải tâm thức không hoạt động trong 2 giây đầu tiên, 2 phút đầu tiên? Bởi vì chúng ta biết rằng các tế bào còn tiếp tục biến đổi trong thời gian đó. Tâm thức có phải ngưng hoạt động sau 10 phút, sau nửa giờ, sau một giờ? Đến thời điểm này chúng ta vẫn chưa biết.

Quan điểm đầu tiên của bạn là gì khi một số người đã phúc trình về kinh nghiệm thoát xác?

Cởi mở và rất bình dị. Bởi vì những gì bạn nhìn thấy là, trước hết, họ là những người chân thật hoàn toàn, những người không tham cầu tiếng tăm hay sự chú ý. Trong nhiều trường hợp họ không hề nói với bất cứ người nào khác về điều ấy bởi vì họ sợ người khác suy nghĩ về họ là thế này thế nọ. Tôi có khoảng 500 trường hợp của những người mà tôi đã phỏng vấn kể từ khi lần đầu tiên tôi bắt đầu cách nay hơn 10 năm về trước. Nó phù hợp với những kinh nghiệm, thực tại của những gì họ đã diễn tả. Tôi đã nghiêm túc trình bày với các bác sĩ và y tá, những vị đã có mặt và nói rằng các bệnh nhân này đã nói với họ đúng như những gì đã xảy ra, và họ đã không thể giải thích điều đó. Tôi thật sự đã viết về một vài người đó trong cuốn sách của tôi 'Điều Gì Xảy Ra Khi Chúng Ta Chết' bởi vì tôi muốn mọi người có được cả 2 khía cạnh – không chỉ khía cạnh của người bệnh mà còn bên các bác sĩ – và nhìn thấy các bác sĩ cảm nhận như thế nào khi một người bệnh đã chết sống trở lại và kể cho nghe những gì đã diễn ra. Có một chuyên viên về chứng rối loạn tim mạch mà tôi đã nói chuyện, người ấy nói rằng ông ta đã không kể cho ai nghe về điều đó bởi vì ông ấy không thể giải thích bằng cách nào mà bệnh nhân (đã chết) có thể diễn tả chi tiết những gì vị chuyên viên này đã nói và làm. Vị chuyên viên ấy nói rằng ông ta rất kinh ngạc bởi điều đó mà ông ta đã quyết định không suy nghĩ đến nó nữa.

Tại sao bạn nghĩ rằng có một sự khẳng định như thế đối với các nghiên cứu như nghiên cứu của bạn?

Bởi vì chúng tôi đang cố vượt qua các biên giới của khoa học, chúng tôi đang thử thách những tin tưởng và nhận thức mà đã được xác định. Nhiều người chấp nhận ý tưởng cho rằng, có gì đâu, khi bạn chết, là bạn chết; nó là như vậy. Chết là một khoảnh khắc – bạn biết đó hoặc là bạn chết hoặc là bạn sống. Tất cả những việc này thì không có giá trị khoa học, nhưng chúng là nhận thức xã hội. Nếu bạn nhìn lui lại cuối thế kỷ 19, các nhà vật lý ở thời đó đã ứng dụng luật chuyển động của Newton, và họ thật sự cảm thấy rằng họ đã có tất cả câu trả lời đối với mọi việc có mặt trong khắp vũ trụ. Khi chúng ta nhìn thế giới chung quanh mình, các lý thuyết vật lý của Newton thì đã hoàn toàn đầy đủ. Nó giải thích hầu hết mọi sự kiện mà chúng ta chung đụng. Nhưng rồi nó đã được khám phá ra rằng khi bạn quan sát sự chuyển động ở những cấp độ thật nhỏ – nhỏ hơn cấp độ của các nguyên tử – thì các luật của Newton không còn ứng dụng được nữa. Một lý thuyết vật lý mới cần phải có, từ đây, chúng ta cuối cùng đi đến lý thuyết vật lý về hạt vi thể. Nó đã gây ra nhiều tranh luận – ngay cả chính nhà bác học Einstein cũng đã không thể tin nó.

Bây giờ, nếu bạn quan sát tâm, ý thức và não bộ, sự xác tín rằng tâm và não bộ giống nhau là điều đúng đối với hầu hết mọi hoàn cảnh, bởi vì trong 99% trường hợp chúng ta không thể tách rời tâm và não bộ ra; chúng hoạt động chính xác cùng một thời điểm. Nhưng rồi có một số sự kiện cực kỳ



thơ

HẸN TÌNH VÔ LƯỢNG

*ta đến. Hẹn trăm năm
ta về. Trong tia chớp
nước ối gieo từ tâm
ta xuôi dòng khóc thét*

*biển ngọt êm lời ru
lay sóng xanh tròn kiếp
gá tay đời tìm nhau
môi ẩm màu duyên nghiệp*

*em ngồi như Quan Âm
niệm vô vi kiếp trước
rừng sinh cú/từ quy
gieo hạt mầm cao thượng*

*mưa rơi hạt trần sa
ướt tờ kinh bị ngạn
ta về như dầu than!
đường mây bay gãy gọn!!!*

Mùa Phật Đản 2015

LÊ PHƯƠNG CHÂU

điển hình, như khi não bộ ngưng hoạt động, chúng ta thấy niềm xác tín này có thể không còn thực nữa. Như thế một khoa học mới thì được cần đến trong cùng phương cách mà chúng ta phải có một lý thuyết vật lý về vi thể. Sự tăng tốc hạt trong thử nghiệm CERN vừa qua có thể đưa chúng ta trở về nguồn gốc của mình. Nó có thể dẫn chúng ta trở về lại khoảnh khắc đầu tiên của vụ nổ Big Bang, sát na khởi thủy. Với nghiên cứu của chúng tôi, lần đầu tiên, chúng tôi có kỹ thuật và phương tiện để có thể trải nghiệm sự kiện này. Để nhìn thấy được điều gì xảy ra ở giây phút cuối cùng của chúng ta. Điều gì đó còn tiếp tục hiện hữu nữa không?

MỖI KỲ MỘT MÓN CHAY

ĐẬU HŨ CUỐN CHAY

Vật liệu:

- Bánh hời khô ngâm nước với 1 muống dầu ăn, ngâm khoảng 1 phút cho mềm, đem đi hấp 5 phút là được.
- Đậu hũ tươi cắt lát theo chiều dài và cắt nhỏ lại khoảng 1 inch.



Cách làm:

- Cho nước, tiêu, muối, bột nêm chay, nước tương, vào trong đĩa lớn, khuấy cho tan hết tất cả gia vị trong đĩa làm nước sốt.
- Bắc chảo dầu lên bếp. Khi dầu nóng thì gấp từng miếng đậu hũ nhúng vào trong đĩa nước sốt và cho vào trong chảo chiên. Chiên cho vàng đều 2 mặt của đậu hũ thì lấy ra cho vào trong giấy thấm dầu.
- Da chả giò cắt làm hai, cuốn thành những que hơi hơi dài, đem chiên vàng (thường Kim chiên 1 lần thiệt nhiều, để nguội bỏ vô container cho vào tủ lạnh ăn từ từ vẫn giòn ngon)
- Xà lách, rau thơm, ngò rửa sạch để ráo
- Lấy một miếng bánh tráng nhúng nước ấm cho mềm, cho một ít xà lách, rau thơm, ngò, bánh hời và một lát đậu hũ cùng 1 cái chả giò que vào rồi cuốn lại.
- Món này dùng cùng với nước mắm chay.

KIM

KIM (nguồn: amthucchay.org)

Chú thích: Tbsp: tablespoon (muống canh), khoảng 15ml; Tsp: teaspoon (muống cà-phê), khoảng 5ml.

Chim hót bên khung cửa

TN. GIỚI ĐỊNH



Không biết từ bao giờ những chú chim đã quây quần về đây càng ngày càng đông, nhảy nhót ca vang trên cành cây bên cạnh nhà mỗi ngày khi mặt trời chưa ló dạng. Nằm nướng vào những ngày cuối tuần, hay những hôm trời mưa rì rả, lúc trời đất giao mùa nghe chúng ríu rít gọi nhau đi tìm mồi mình cũng thấy vui vui.

Những chú chim sẻ, chim bồ câu đang đứng trên cống gỗ chờ cho ăn, thấy có người ra là chúng sà xuống. Chúng nó đến thật đúng giờ, khoảng 6:40 sáng chưa thấy ai cho ăn là chúng kêu như đòi mẹ cho bú vậy. Chỉ cần một vốc gạo phà ra là những chú chim bay tới, vui mừng khôn xiết; nhưng có một điều làm mình có lúc hơi bức mình, chú ăn rồi chú ỉ dầy trắng cả cửa, gặp trời mưa xuống thì mùi hôi thâm thắm, khó chịu.

Toàn là dân lang thang nên vô cùng dễ nuôi, đi đâu thấy cơm nguội hay gạo cũ người ta cho đều đem về. Lần đầu tiên cho ăn gạo lúc màu nâu những chú chim không dám ăn, đứng nhìn hồi lâu, suy nghĩ một chặp, một con bay tới tha thử một hạt, cắn thân cắn thử rồi mếu, rồi nhả ra. Bay tới

bay lui như đang suy nghĩ có nên ăn hay không; một con bay tới tha gạo đi, con khác cũng vậy, chúng nó nhìn nhau, nói gì mình không hiểu nhưng cũng có thể nghĩ rằng chúng đã nói: "An toàn cứ ăn đi." Sau một hồi chúng đã lượm sạch, rồi nhảy nhót chờ đợi xin thêm.

Ở xóm này thật yên tĩnh, nghe chim kêu mở mắt là trời đã sáng, không để cho mình được yên các chú đòi ăn, để còn cùng nhau bay đi khắp nơi đem tiếng hót ca làm đẹp cuộc đời.

Cũng có khi phải đi xa, thương chúng lắm, đã để thức ăn lại thật nhiều, nhưng khi trở về lương thực đã hết, những chú chim đã ra đi, tìm về một vùng đất mới khác. Cứ mỗi buổi sáng thức dậy không còn nghe tiếng chim hót, cảm thấy như đang thiếu thốn một điều gì vô cùng quan trọng trong cuộc sống đời thường. Bâng khuâng, ngẩn ngơ... thiếu tiếng chim hót bên cửa sổ vào mỗi sáng mai, có một nỗi buồn trong tâm thức đang len lén hiện khởi. Không biết chúng ở đâu mà tìm, nhưng hình như có sự giao cảm giữa người và chim, khoảng ba ngày sau chúng lại trở về vui mừng nhảy

nhót, đòi ăn khi mặt trời vừa ló dạng. Có những chú mạnh dạn hơn bay vào trong phòng, nhưng đưa tay ra là chú vội bay đi, để cho biết rằng nghiệp sát của mình còn quá nặng, chúng sanh không thể tự tại gần gũi được.

Thời Đức Phật còn tại thế, Ngài sống trong rừng cùng với chim muông; khi vườn đều hái trái dâng Ngài độ nhật; những chú nai ngây thơ cho đến sư tử, voi hung dữ, tất cả đều an lành khi sống cạnh Đức Cồ Đàm. Lúc còn nhỏ những lần nghĩ đến Đức Phật lòng dâng lên một tình thương vô hạn, nghĩ rằng Ngài là một vị Đồng cung thái tử sống trong cung vàng điện ngọc, trong nệm ấm chăn êm, bây giờ là một vị khất sĩ rày đây mai đó, sống đời du mục sống trong rừng sâu các thú dữ sẽ hại Ngài, muỗi mòng sâu bọ sẽ đốt Ngài. Khi lớn lên đọc kinh điển mới hiểu ra rằng, lòng từ bi của đức Phật đã bao trùm cảm hóa lòng hung dữ của tất cả chúng sanh, dù là một con người cực ác như Ương Quật Ma La, như Đề Bà Đạt Đa tìm nhiều cơ hội để hại Phật, như con voi say rượu, như kỹ nữ độn bụng lớn để vu oan cho Phật... nhưng đứng trước oai đức vô lượng từ bi, trí tuệ của Ngài tất cả đều bị khuất phục, mặc dù trong tay Đức Phật không hề có một vũ khí cho dù rất thô sơ. Lại nữa Kinh kể rằng có một chú chim bay tới đậu trên tay Ngài Xá lợi Phất thì run rẩy, khi bay qua đậu trên vai Đức Phật thì bình an; tôn giả Xá Lợi Phất bạch hỏi Phật, Ngài dạy vì nghiệp sát của ông vẫn còn dù rất vi tế nhưng vẫn làm chúng sanh phải lo sợ khi gần gũi. Thế mới biết tu tập đã chúng quả vị nhưng vi tế sát nghiệp vẫn còn tiềm ẩn và hiện hành khi đủ nhân duyên.

Trong vô lượng kiếp tiền thân Đức Như Lai là con chim Oanh Vũ, thương xót cha mẹ bị mù lòa, hàng ngày đi lượm thóc đem về nuôi cha mẹ, bay ngang qua một thửa ruộng nghe được lời phát nguyện của ông điền chủ hiến tất cả lúa cho chim muông, Oanh Vũ



vui mừng hàng ngày đến lấy lúa đem về dâng cha mẹ không còn lo lắng đi xa nữa. Sau một thời gian chủ ruộng ra thăm đồng thấy tất cả lúa của mình đã bị sâu bọ chim chóc phá nát, tức giận ông đã giăng lưới bắt được chim Oanh vũ, nó khóc và nói "Tôi còn cha mẹ bị mù, nếu ông bắt tôi thì cha mẹ tôi sẽ bị chết đói." Phú hộ nghe xong cảm động vô cùng, tha chim và cho hàng ngày tự do lấy lúa đem về nuôi song thân. Do sự tích này mà trong gia đình Phật tử đặt tên cho các em thiếu nhi là ngành Oanh Vũ, gồm có mở mắt, cánh mềm, chân cứng và tung bay, nhắc cho các em biết chim mà còn hiểu thảo như vậy huống chi làm con người.

Bây giờ đã đi thật xa nơi đó, không biết những chú chim thơ ngây bây giờ ra sao, chắc lớn rồi, đã có gia đình và có nhiều chim con, có con đã lên hàng ông bà rồi. Bất chợt một sáng mai thức giấc nghe tiếng chim hót, thì ra người xưa đã nói "Đất lành chim đậu," nơi nào có sự bình an thì các động vật xuất hiện, cầm thú là loại có tánh linh rất cao. Những chú chim này tự tại hơn bay vào trong bếp để lượm cơm, gạo đổ, nhảy trong sân chùa, vô tư, nhí nhảnh và vụt bay nhanh khi bụng đã no, khi thấy cô mèo, chú cầu xuất hiện. Có thể những con chim này là một trong những con chim trước kia mình đã từng cho nó ăn mỗi buổi sáng, nhưng vì phạm phu không nhận ra được nó mà thôi.

Làm súc vật, làm chim ở trên đất Mỹ cũng là một hạnh phúc lớn, những chú vịt tự do đi trong công viên, không phải sợ bị ai bắt ăn thịt. Chim bay từng đàn đến hàng ngàn con mỗi khi gió mùa đông bắc trở về làm đen ngịt một góc trời, chúng bay rất tự tại, có con chim đầu đàn dẫn đường, chúng tìm đến những thành phố nắng ấm lánh nạn tuyết rơi, sau khi trời ấm chúng trở về quê cũ.

Những chú chim thân thương hót vào mỗi buổi sáng như hòa tấu bản thống điệp tình thương gửi đi khắp nơi theo làn gió, nhắc nhở mọi người hãy mở rộng tấm lòng chia sẻ những đau thương do thiên tai, động đất, khủng bố, tật bệnh, đói khát... đang lan tràn trên hành tinh này. Hãy cứu gấp hành tinh xanh đang bị những lò hạt nhân nguyên tử làm ô nhiễm, làm thủng bầu khí quyển, cấp cứu những cánh rừng bạt ngàn đang bị đốt cháy, đang bị đốn chặt một cách vô tư, cứu nguy lòng sông đang bị đào xới khai thác đến cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên, ngăn cản không cho con người tùy tiện hủy hoại một cách vô tâm, làm giàu trên sự hủy diệt mầm sống của nhân loại.

Tiếng chim hót bên cửa sổ, vừng hồng vừa ló dạng như thầm nhắc nhở mọi người ý thức được sự an nguy của trái đất, của sinh mạng mình. Khi con người không biết yêu chuộng, trân trọng thiên nhiên thì những gì đã và đang xảy ra không phải tự nhiên, mà hoàn toàn do con người dùng sự thông minh, hiểu biết thái quá của mình để hủy diệt trái đất này. Đến một ngày nào đó cát bụi sẽ trở về cát bụi, theo quy luật thành, trụ, hoại, không, mà con người phải hứng chịu với mọi hành động vô ý thức của chính mình.

Chim hót bên khung cửa vẫn là hình ảnh an lành thánh thiện mà thiên nhiên đã ban tặng, bạn hãy tận hưởng dù chỉ một phút giây ngắn ngủi.

Tại sao phải niệm Phật?

Sọan giả: THÍCH MINH CHIÊU

(trích Truyện Cổ Phật Giáo)

Thành Thất La Phiệt có một ông hoàng tánh rất hung bạo. Thêm vào đó, quyền thế và địa vị của ông có thể giúp ông thủ tiêu tội án trước pháp luật. Chưa một lời phải, một đạo giáo nào cảm hóa được ông.

Một hôm ông gặp Phật khi Phật du hóa xứ này. Mỗi thấy, lòng ông bỗng cảm phục như vội dũ trước quần tượng. Ngài có dạy ông vài lời sơ lược: "Hãy tưởng niệm Phật Đà, hãy từ bi thương người, sốt sắng cứu người." Ông cung kính vâng lời. Nhưng khi về đến nhà, vừa thấy người hành khất, ông liền dùng đũa nĩa giận. Lời vàng của Phật không còn trong lòng của ông nữa, khi ông toan đánh đuổi người. Bỗng sức nhớ lại hình dáng từ nghiêm của Phật, ông liền dịu lại, nhưng không bỏ thí chút gì. Tối hôm đó vợ ông lấy làm lạ, gạn hỏi đầu đuôi. Ông bèn tuân tự thuật lại. Nhờ thuật lại, ông nhớ lại rõ ràng hình dung Đức Phật và lời Ngài dạy. Đêm hôm ấy ông suy nghĩ mung lung. Ông nghĩ: "Nhớ Phật, phải nhớ đến người nghèo khổ, tưởng Phật phải tưởng đến người nghèo khổ." Rồi trời mới sáng ông liền đi tìm Phật. Giữa đường gặp một người hành khất ốm liệt bên vệ đường, ông suy nghĩ, ông đến ân cần hỏi han và dốc hết tiền túi ra cho. Người ấy e sợ, cảm ơn rồi rít. Nhưng ông chỉ bảo: "Vì tưởng nhớ Phật, nên tôi giúp anh. Anh nhận tiền này khiến tôi được phước, thế là tôi chịu ơn anh, chớ nào anh có mang ơn gì với tôi." Người hành khất nghe thế, lấy làm lạ, vì không lạ gì tánh nết của ông và uy danh của Đức Phật nữa. Bỗng nhiên người ấy cất tiếng niệm: "NAM MÔ PHẬT ĐÀ" (kính lễ đấng Giác Ngộ). Ông hoàng cũng bất giác niệm theo và đi mau tìm Phật.

Khi gặp được Phật ông thuật lại rõ đầu đuôi mọi việc. Nghe xong, Đức Phật mỉm cười hiền từ bảo: "Phải! Niệm Phật, ông hãy tưởng niệm người nghèo khổ. Tưởng niệm người nghèo khổ là tưởng chư Phật đó."

(Trích báo: Viên Âm)

*Thân làm việc ích lợi
Miệng nói điều phải
Ý nghĩ những sự tốt đẹp
Như thế là niệm Phật*

Truyện ngắn trăm chữ

STEVEN N.



VĂN HƠN

Dân chúng trong vùng vốn chịu nhiều thiệt thòi đau khổ bởi sự hà khắc của nền hành chánh. Bọn cường hào hoành hoặ, rúc rĩa đủ điều đã vậy thiên tai dồn dập... khổ chồng thêm khổ. Thầy cùng một số đệ tử quyết định quyền giáo giúp dân. Có người đi ngang chẳng những không giúp lại còn buông lời mỉa mai:

- Sao chẳng thấy ai nói gì danh dự, kiến thức mà chỉ thấy toàn hỏi tiền!

Chú đệ tử nhỏ nhất nhanh miệng đáp:

- Dạ thưa, ai thiếu gì cần nấy!

Thầy véo nhẹ mũi chú, nói:

- Con lanh trí, ngôn ngữ sâu sắc nhưng nhẫn nhục và hỷ xả văn hơn.

NHẤT THỂ

Sau buổi tụng kinh có Phật tử hỏi thầy:

- Con thấy Phật dạy ai cũng có tánh đức của Như Lai. Ai cũng có Phật tánh cả... Vậy bọn giết người, cướp của, tàn độc... thì sao hả thầy? nếu chúng có Phật tánh sao chúng lại làm vậy?

Thầy nhẹ nhàng ân cần:

- Đúng vậy con! Ai cũng có

tánh đức của Như lai cả nhưng vì mê mà làm vậy, vì vậy mà cùng một đức tánh Như lai mà cái tướng Phật và chúng ta sanh ra sai biệt.

- Thưa thầy con cũng chưa hiểu mấy.

- Có người lấy vàng đúc tượng Phật, trong khi ấy có kẻ mê lấy vàng đúc tượng ma vương. Con thấy đây hai cái tướng của tượng khác biệt nhưng vốn đồng một thể là vàng!

- Tạ ơn thầy, giờ thì con hiểu rồi.

QUẬN XÈO

Quận Thuận Thiên xưa nay vốn hiền hách lắm. Cha ông đặt tên nhằm tuyên bố rõ ràng cương vực quận vốn hợp lẽ trời, thuận tự nhiên. Vậy mà đến đời con cháu sanh đồ đồn. Chúng ngày đêm bòn rút hết của chìm của nổi ăn chơi xài phá. Chúng xẻo từng mảnh ruộng, mặt đồi, ao nước... đem đổi chác với người ngoài, đã thế còn muốn muôn năm trường trị nên đem gia tài ông cha ra thế chấp. Dân trong quận khổ đau nheo nhóc, làng nước viện trợ thì chúng xà xẻo hết... Tiếng ta thán ai oán ngất trời.

- Xà xẻo mãi thế này ai mà chịu cho thấu!

Ông Quận nghe được bèn sùng cổ lên:

- Không xà xẻo thì cạp đất mà ăn à?

Kể từ ấy dân cứ gọi quận Xẻo riết rồi không còn ai nhớ tên chữ nữa.

VÔ THƯỜNG

Chàng vốn đẹp trai, có chút tài vật lại có năng khiếu viết văn, thơ... nên nàng rất hãnh diện về người yêu của mình. Nàng cũng yêu chàng tha thiết:

- Sống với anh dù nghèo khổ, ăn cơm với mắm em cũng thấy hạnh phúc.

Họ cưới nhau, ban đầu hạnh phúc thật nhưng vài năm sau nàng thành thương gia, tiền bạc rủng rìng. Chàng chỉ là nhân viên quèn... mà lẽ đời ai nằm bị bạc thì có quyền chi phối. Chàng dần dần trở thành cái bóng trong nhà. Bạn bè trêu chọc: "Âm thịnh dương suy" hoặc là "Chế độ mẫu hệ."

Có lần tranh cãi nhau nàng nói:

- Lương tháng của anh không đủ cho tôi ăn sáng!

CÁI RỖN

Lúc nhỏ được mẹ nuông chiều nên sanh hỗn trồn học kết bè đảng lêu lổng... dần dần sanh hư. Lớn lên ngày tháng say sưaбет nhè, quậy phá xóm làng. Hết uống say hân lại về nhà mắng chửi bà mẹ già, khào tiền:

- Bà già rồi còn đầu tiền làm gì, vàng chôn ở đâu chỉ cho tôi?

Tội nghiệp bà cụ rúm ró sợ hãi, sự việc kéo dài không biết bao nhiêu năm rồi. Cho đến một hôm hân toan tính hành hung bà cụ. Hàng xóm có người can:

- Hãy để cho mẹ anh yên!

Hân không nghe còn quay lại toan đánh, nhưng hân không ngờ



hàng xóm vốn là một võ sư về hưu. Ông ta khóa tay hần, vạch áo lên chỉ vào rốn:

- Anh có biết cái gì đây không? Anh vốn là một khúc ruột của bà cụ. Anh lớn lên từ máu, từ lao lực một đời của bà cụ.

Hần sưng sờ há hốc mồm rồi bất chợt ngồi bệt xuống nước mắt chảy dài.

QUA THƯƠNG BẬU

Anh con trai về nhà than thở:

- Con với vợ sống hồng hạp, chắc con bỏ nó quá.

Người cha nói:

- Vợ chồng là duyên nợ. Con cần phải trao đổi, cần phải thông cảm cho nhau. Ngày xưa ba còn khổ với mẹ con biết là bao nhưng lấy nhau rồi cuối cùng thông hiểu nhau và sống cho đến tận bây giờ.

- Nhưng chuyện ba xưa rồi, thời bây giờ khác.

- Con nói đúng, thời gian khác, hoàn cảnh khác nhau nhưng có những giá trị phẩm cách thì mãi mãi không biến đổi.

Nói xong ông với cây đàn trên vách so dây rồi hò:

...Hò ơ... Qua thương Bậu mà Bậu chẳng thương Qua

Ruột Qua đau như tàu cải làm dưa

hò... ơ... Bao giờ tan chợ ban trưa

hò... ơ... Bậu còn loi lè Qua đưa Bậu đi... hò... ơ...

CHẤP

Trận thiên tai nặng nề tàn phá nước láng giềng. Ủng hộ lời kêu giúp từ tôn giáo bạn, Thầy bèn đem tặng hết số tiền quyền giáo để sửa chùa làm từ thiện. Có một số Phật tử không đồng ý kéo đến chất vấn:

- Sao thầy lại đem tiền quyền góp của Phật tử cho ngoại đạo?

Thầy cười hiền từ hỏi lại:

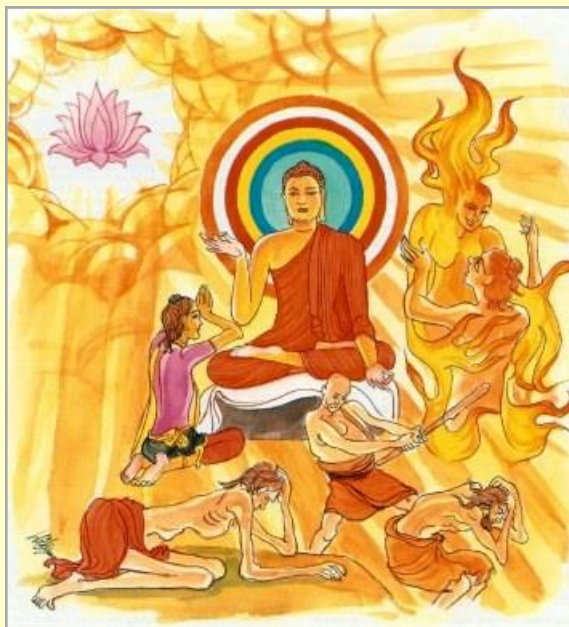
- Ngoại đạo là ai hả con? Toàn là chúng sanh cả, ai cũng có đức tướng Như Lai. Con quên câu: Giúp đỡ chúng sanh là cúng dường chư Phật sao?

Một số Phật tử khác vẫn còn chưa hài lòng:

- Nhưng đây là tiền sửa chùa mà!

Thầy bèn đọc câu ca dao:

- Dù xây chín bậc phù đồ
Không bằng làm phúc cứu
cho một người.



The Story of a Young Bride Dhammapada – Verse 202

While residing at the Jetavana monastery, the Buddha uttered Verse (202) of this book at the house of a lay-disciple, with reference to a young bride.

On the day a young woman was to be wedded to a young man, the parents of the bride invited the Buddha and eighty of his disciples for alms-food. Seeing the girl as she moved about the house, helping with the offering of alms-food, the bridegroom was very much excited, and he could hardly attend to the needs of the Buddha and the other Bhikkhus. The Buddha knew exactly how the young bridegroom was feeling and also that time was ripe for both the bride and the bridegroom to attain Sotapatti Fruition.

By his supernormal power, the Buddha willed that the bride would not be visible to the bridegroom. When the young man could no longer see the young woman, he could pay full attention to the Buddha, and his love and respect for the Buddha grew stronger in him.

Then the Buddha said to the young man, "O young man, there is no fire like the fire of passion; there is no evil like anger and hatred; there is no ill like the burden of the five clusters of clinging to existence (khandhas); there is no bliss like the Perfect Peace of Nibbana."

Then the Buddha spoke in verse as follows:

Verse 202: There is no fire like passion; there is no evil like hatred; there is no ill like (the burden of) khandhas; there is no bliss that surpasses the Perfect Peace (i.e., Nibbana).

At the end of the discourse both the bride and bridegroom attained Sotapatti Fruition.

Translated by **Daw Mya Tin, M.A.,**
Burma Pitaka Association, Rangoon, Burma 1986.

Con đường nào không chồng gai thử thách?

THANH THỊ

(Tặng sư em Thông Dong như một chút gì để nhớ!)

Lắm nặng nhọc bước lên mấy bậc cầu thang cuối cùng, ánh sáng từ những khu chung cư cao tầng, từ những bảng pano to tướng trên tòa nhà cao xa xa, và cả ánh sáng từ bên đồ L.K dội lại làm cô chói mắt. Vừa mở cánh cửa sân thượng thì hơi lạnh thốc vào, mang theo hơi ẩm của không khí. Mưa! Những giọt nước lắt phất bay vào người cô theo từng cơn gió. Cô bước ra nhẹ nhàng khép cánh cửa lại, lòng chùng xuống. Một nỗi buồn khó tả dâng lên khiến cô nghẹn bứ cổ họng, những giọt nước mắt thi nhau lăn dài trên má, những giọt nước không màu hòa lẫn vào nhau.

Không có ngôn từ nào có thể diễn tả đúng tâm trạng và cảm xúc của cô lúc này. Buồn! Cũng không hẳn. Tự nghĩ "Có chi đâu mà phải buồn!" Cô tự nhủ với bản thân mình: "Tất cả đều là lẽ đương nhiên." Nghĩ vậy, nhưng dòng tâm thức cứ khơi dậy ký ức về khoảng thời gian trước đó của cô và em, em đã quyết định ra đi – từ bỏ nơi mà bấy lâu nay em sống, cô gọi em là "Thông Dong," cô từng xem Thông Dong như em ruột của mình, nhưng lúc này, khi

em sắp sửa ra đi, cô lại chạy trốn. Vâng! Có thể lý giải cho việc lên tới sân thượng vào giờ này của cô là một cuộc chạy trốn, còn việc chạy trốn cái gì? Cô cũng không rõ.

Lắm không để ý Thông Dong đến đây tập sự khi nào. Có thể nói cô là người vô tâm đúng theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Cho đến khi ở chung một phòng - liêu, cô mới nhận ra, Thông Dong chất chứa quá nhiều phiền muộn, mà bản thân cô khó có thể giúp cô bé tháo gỡ được.

Hằng ngày, Thông Dong đi học buổi sáng ở trung tâm giáo dục thường xuyên, khi mới vào chùa, cô bé mới học lớp 9, nên phải tiếp tục chương trình cho xong tú tài. Còn Lắm lại đi học Phật học buổi chiều, nên hai chị em hầu như ít có thời gian nói chuyện; nhưng chính sự thương cảm dành cho Thông Dong như những đứa em của cô ở nhà, mà dần dần, Thông Dong quý mến cô hơn. Từ những câu chuyện không đầu không cuối, cô dần hiểu đôi chút về hoàn cảnh và con người Thông Dong. Em kể, em không may mắn như nhiều

đứa trẻ khác, có mẹ nhưng mẹ chẳng thương em, chỉ có ba là thương đứa con gái yếu ớt, sinh sau đẻ muộn. Nghe những câu chuyện em kể về mẹ, về ba, Lắm đã đôi lần suy nghĩ có khi nào em không phải do mẹ em sinh ra, chứ làm sao có một người mẹ đối xử với con gái ruột của mình như vậy. Có lần Thông Dong nói trong nước mắt: "Em nghĩ chắc em không phải con ruột của mẹ!" Có lẽ nào như vậy?

Thông Dong còn nhỏ nhưng đã sớm mắc phải chứng viêm dạ dày và loét bao tử. Có lẽ do cách ăn uống thất

thường ở ngoài đời, cũng như suy nghĩ quá nhiều về chuyện gia đình nên tình trạng bệnh ngày càng nặng hơn, cô bé trở nên gầy gò, đen đui. Nhiều khi Thông Dong quần quai ôm bụng, lẫn lộn ở sân nhà mà Lắm chỉ biết đứng nhìn, cô không biết phải xử lý như thế nào. Khi chị em vui vẻ với nhau, cô thường khuyên Thông Dong là nên bỏ bớt đi, không được mẹ thương, nhưng bù lại bé có tình thương của cha, của anh chị huyết thống và nhất là, bây giờ bé có được tình thương của người mẹ tâm linh là: Thầy thế độ. Lúc đó Thông Dong ra gặt gù ra chiều hiểu rồi.

Ai cũng hiểu: xuất gia là ra khỏi nhà thế tục, ra khỏi nhà phiền não, vượt thoát lưới trời ba cõi. Nhưng "giọt máu đào" làm sao dễ dứt. Nghe tin mẹ bệnh nhập viện, em tức tốc xin phép Thầy về thăm mẹ, chăm mẹ. Thầy thấy em nhỏ dại, chưa đủ khả năng, nhưng em cứ cương quyết, Thầy cũng đành xiêu lòng cho đi. Tính tình non nớt, trẻ con quá thể, chưa từng trải hay va chạm ở đời khiến em khá chật vật trong chuyến xe về nhà. Tuy chuyến đi về em không thể làm gì nhiều cho mẹ, nhưng mối quan hệ mẹ - con đã được cải thiện nhiều, nhờ sự thực tập "hiếu sâu - thương rộng" mà Thầy đã dạy cho em.

Chính nhờ tình thương, sự cảm mến dành cho Lắm, dần dần Thông Dong trở nên "dễ bảo" hơn. Cô bé không còn cứng nhắc như hồi mới vào, thay vào đó là nụ cười thường trực trên môi. Nhưng có lẽ, đối với một người thiếu thốn tình thương của mẹ từ sơ sinh, thì việc tìm kiếm tình thương là luôn luôn thường trực trong họ. Thông Dong cũng không ngoại lệ, cô bé luôn có vẻ yếu lòng, từ trong việc làm đến lời nói, việc cần che chở tình thương từ phía đối phương đã dẫn em đi vào mỗi quan hệ mới, em không lường trước được sự việc. Lắm cũng không thể nhắc nhở được, vì từ lâu, Thông Dong đã "say" trong mỗi quan hệ mới.



Sự giao tiếp rộng rãi của em lại không phù hợp với nếp suy nghĩ và cách sống của Lãm. Đôi lần Lãm nhắc khéo, nhưng em cứ mãi mê trong mớ bong bóng đó, nên cô đành im lặng.

Thong Dong học hành ngày càng sa sút, đỉnh điểm là cô bé bỏ ngang chương trình học trong khi chỉ còn vài tháng nữa là tốt nghiệp tú tài. Lãm không biết nên khuyên bảo như thế nào. Lãm đã cho rằng mình không còn là điểm tựa cho cô bé, sự giao tiếp giữa cô và Thong Dong ngày càng ít đi, và cuối cùng là mất truyền thông thực sự.

Lúc Thong Dong rục rịch sắp sửa ra đi, Lãm có nghe một sư em nhỏ khác nói lại với mình là Thong Dong thực sự muốn được chia sẻ, muốn được nói chuyện với Lãm, muốn nói hết suy nghĩ và nỗi lòng của mình, nhưng cô bé không đủ can đảm, cô bé cho rằng mình không xứng đáng nhận lãnh tình thương vô điều kiện từ Lãm.

Khẽ kéo lại vạt áo vừa bị gió thổi tung, Lãm co người lại, cô suy nghĩ không biết mình đã sai ở đâu. Có lẽ tình thương của cô không đủ lớn nên mới để Thong Dong ra đến nông nỗi này. Lãm nghĩ, ai cũng có lần phạm phải sai lầm, nhưng quan trọng là có đủ nghị lực đứng dậy sau vấp ngã hay không. Tình thương! Chính tình thương chân thành từ Thầy tổ, huynh đệ mới có thể giúp người xóa đi mặc cảm tội lỗi, chỉ có tình thương mới níu kéo con người trở về đường chánh. Tăng thân là nơi nương tựa vững chãi để mỗi người có thể bước xa trên đường đi; nhưng thương bản thân mình, nương tựa bản thân mình mới là gốc rễ cho chiều sâu tâm thức, an lạc trong mọi thời khắc.

Lãm đi đến bên góc tường cạnh bồn nước lớn, cơn mưa phùn thổi nhưng đủ làm chiếc áo cô đang mặc ẩm đi. Từ góc đứng này, cô có thể nhìn xuống thấy cửa phụ của chùa đang mở. "Có lẽ là sắp đi," cô thầm nghĩ vậy. Nghe tiếng mấy sư chị, sư em bịn rịn chia tay; tim cô như muốn ngừng đập. Chiếc xe máy cũ kĩ được nổ máy. Trong tối trời mưa bay, cô không thể nhìn rõ mặt Thong Dong lần cuối. Ánh điện đường vàng vọt chiếu xuống vóc dáng nhỏ bé kia; chiếc áo khoác cô cho sư em thuở nào dường như quá mỏng manh, không đủ che cho em khỏi ướt trên đường dài phía trước. Lất phất mưa bay, người vội đi. Không một lời từ biệt...

Trong ngăn chứa bí mật máy tính, Lãm đã viết: "Nếu được một lần hận, chị chỉ xin hận bản thân mình đã không giữ em lại. Hay chỉ ít có thể khuyên bảo em một câu. Khi sự việc chưa xảy ra, chị đã lường trước được, nhưng niềm tự ngã của bản thân đã níu chị không thể mở lời trước, điều đó đã kéo em ngày một xa chị hơn. Khi em vụt mất khỏi tầm tay, chị mới thấu hiểu một điều: Sự im lặng của chị đã giết chết mối quan hệ thâm tình chị em của chúng ta. Một đứa trẻ luôn đi tìm tình thương từ người khác như em, đến khi trưởng thành sẽ hiểu được: đôi khi vẻ mặt lạnh lùng chỉ là sự che đậy cho trái tim khao khát thương yêu và được yêu thương. Hy vọng em sẽ mãi giữ vững niềm tin, bước đi đến "Phương trời thông dong" như tên chị đã đặt cho em!"



thơ

DƯỚI MỘT CỘI TÙNG

*Thức mây lớp lớp ba đào
Mở con mắt ngó chạm màu thượng thiên
Người đi trút lá tang điền
Khỏi sương ai thở trôi nghiêng đất trời
Cầm bằng tàn một cuộc chơi
Bóng con hạc trắng về nơi muôn trùng*

*Sáng nay dưới một cội tùng
Tôi đem thơ rót bên dòng sông xưa
Đất trời hương lửa đông đưa
Thấy muôn năm cũ cơn mưa chưa tàn
Đá vàng đậm nhạt trái ngang
Tôi đem thơ thả hàng hàng trôi đi.*

*Mai này trong cuộc thiên di
Có tôi nán đợi là khi nhớ người
Núi rừng một bận ngu ngơ
Ngó nhau cây lá bông mờ mịt tâm
Đàn ai nhún nốt nhạc trầm
Biển tôi lau sậy ngậm ngậm trôi đi.*

LÝ THỪA NGHIỆP

Phương trời cao rộng

Truyện dài của **VĨNH HẢO**

CHƯƠNG BA (kỳ 2 - tiếp theo)

Từ quốc lộ số một, xe quẹo vào một con đường đất rộng. Con đường mang tên chùa Hải Đức. Hai bên đường là nhà cửa lưa thưa nhưng đa phần nhà gạch hoặc nhà đúc. Chỉ một khoảng gần chân núi là nguyên một dãy nhà tôn, nhà lá lụp xụp của những người mới đến tại đây. Vài hàng quán lẻ tẻ mọc lên ở khoảng đó. Người ta gọi xóm này là xóm Xưởng. Đến sát chân núi hơn thì con đường trở thành như một bờ đê cao, hai bên là vườn rau--phải nói ruộng rau mới đúng vì quá rộng--với những luống cải xanh thẳng tắp được chăm sóc kỹ lưỡng bởi những người làm vườn chuyên nghiệp. Mẹ tôi nói rau canh tác ở đây cung cấp một số lượng khá lớn cho các khu chợ Nha Trang. Cuối đường đê đó, quẹo phải là dẫn đến chùa Phước Điền--một ngôi chùa nhỏ xíu nằm giữa ruộng rau như một hòn đảo lú lên giữa sông nước; quẹo trái là lên con dốc chính dẫn đến chùa Hải Đức.

Cổng sắt của chùa Hải Đức mở sẵn. Qua khỏi cổng là bắt gặp ngay kho gạo của chùa Hải Đức nằm phía bên phải. Nhà kho phải xây dưới chân núi để xe ra vào chất gạo chất củi cho dễ. Nơi đây có một ngôi nhà ngói rộng, gọi là Tịnh Nghiệp đường dành cho các Phật tử thân tín của chùa đến nghỉ lại đêm để tu học vào những ngày trai, và một phòng để quý thầy cất xe đạp, xe gắn máy, khỏi phải dắt lên núi. Phía bên trái của nhà kho là ga-ra lợp tôn, dành cho các xe hơi và xe gắn máy của chùa.

Mẹ con tôi cùng hì hục leo dốc. Đường dốc đá lởm chởm, mẹ và các chị tôi phải bước khó nhọc và cẩn trọng vì mang guốc cao. Hết khoảng dốc đá thì con đường tẻ làm hai, một đường vẫn là dốc đá dẫn đến mặt tiền của chánh điện chùa; một đường là tam cấp trăm bậc dẫn đến phòng khách

và nhà bếp. Mẹ đưa tôi đi đường tam cấp để bái kiến thầy Hải Tuệ trước. Dọc đường đi, vài người hành khất ngồi yên lặng, lật nón để sẵn trước mặt. Phật tử đến chùa lên xuống tấp nập. Tự đứng tôi thấy ái ngại. Lần trước đến chùa, tôi không bắt gặp không khí nhộn nhịp này.

"Sao đông quá vậy mẹ?" tôi hỏi mẹ.

"Thì gặp mùa an cư kiết hạ, ngày nào cũng có cúng quá đường, quý thầy lại cấm túc chẳng đi đâu nên phải đông chớ. Hơn nữa, hôm nay là mồng một mả. Đừng ngại, rồi con sẽ quen. Phật tử cũng như mẹ và mấy chị, đến rồi về chứ đâu có ở hoài trên chùa đâu. Sau lễ thì chùa yên vắng trở lại ngay."

Chùa Hải Đức là tên gọi của chùa khi chưa lập nên Phật học viện. Từ ngày Phật học viện ra đời, người ta quen gọi Phật học viện Hải Đức, hoặc gọi tắt "chùa viện" hay chỉ gọi một tiếng là "viện". Thầy Hải Tuệ làm chức giám sự của Phật học viện. Chức này chịu trông coi mọi sinh hoạt lễ lược, chịu trách nhiệm quản lý động sản và bất động sản cũng như vấn đề thu nhập và chi xuất tài chánh của chùa. Đặc biệt là ở viện Hải Đức này, chức vụ giám sự rất quan trọng và trở thành một chức vị giống như trụ trì một ngôi đại tông



lâm. Trên chức giám sự chỉ có chức giám viện do Hòa thượng Thích Trí Thủ đảm trách. Nhưng Hòa thượng là Vụ trưởng Vụ Hoằng Pháp thuộc Viện Hóa Đạo của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất, phải túc trực tại Sài Gòn để điều hành nhiều Phật sự của Giáo hội trung ương nên mọi việc ở viện Hải Đức đều giao cho thầy giám sự chăm sóc.

Dãy hiên của tổ đường có bốn cái bàn, được coi như phòng khách tạm thời trong những ngày lễ lớn. Phật tử lắng xăng lui tới. Thấy mẹ con tôi đến, thầy Hải Tuệ gát công việc đang bàn với khách, mời mẹ con tôi vào trong tổ đường. Mẹ bảo các chị và hai đứa em gái tôi đứng lại ở bên ngoài, rồi mẹ kéo tôi theo thầy vào Tổ đường. Thầy thấp nhang rồi đứng một bên chuông, chờ mẹ tôi thưa chuyện. Mẹ tôi sụp lạy thầy, tôi lạy theo. Thầy khoát tay bảo đừng nhưng mẹ con tôi cứ lạy cho đủ lễ. Lạy xong, mẹ tôi quỳ nghiêm, chấp tay thưa thầy:

"Nam mô A Di Đà Phật, hôm nay con đưa con trai của con đến cầu xin thầy tiếp độ cho nó được xuất gia theo chân thầy để học đạo giải thoát."

Nghe lời mẹ thưa, tôi bàng hoàng như bị chấn động ở tận đáy sâu tâm thức mình. Ước vọng lâu nay của tôi là tìm đến một thế giới, hay một cõi nào đó mới lạ, khác với cuộc sống buồn tẻ nhạt phèo của nhân sinh, nhưng tôi không thể hiểu và không thể diễn đạt bằng lời cái ước vọng sâu kín đó của mình. Nay mẹ tôi thưa trình với ngôn ngữ và cách hiểu của bà, tôi mới sức thấy rõ rằng thực ra tôi muốn gì. Phải, tôi muốn giải thoát. Hai chữ ấy tôi không hiểu tường tận và cũng chưa hề dùng đến bao giờ, nhưng khi nghe nó, tôi biết đúng là nó chứ không phải chữ nào khác thích hợp hơn với sự mong cầu của tôi.

Thầy từ tốn hướng về tôi dạy rằng:

"Con đường xuất gia là con

đường chông gai mà chỉ có những kẻ có chí xuất trần cực mạnh mới vượt qua nổi. Tuổi nhỏ như con mà phát tâm xuất gia là điều đáng quý, đáng khen. Nhưng nếu không hết lòng nương theo thầy tổ để tu học thì đạo lớn sẽ khó kham nhận được. Thay mặt chư tăng, thầy hoan hỷ tiếp nhận con nhập chúng để học hạnh xuất gia. Con đứng dậy lạy tổ đi."

Tôi và mẹ cùng lạy tổ ba lạy. Xong, thầy bảo mẹ con tôi theo thầy bá kiến Hòa thượng chùa Từ Quang, vị hòa thượng cao đức chứng minh đạo sư của Phật học viện. Hòa thượng pháp tự là Thích Phúc Hộ, là viện chủ tổ đình Từ Quang ở Phú Yên, nên mọi người đều gọi ngài là Hòa thượng Từ Quang (tránh gọi thẳng pháp tự của ngài để tỏ lòng tôn kính). Mỗi năm Hòa thượng từ Phú Yên vào Nha trang để nhập hạ an cư tại đây ba tháng (từ rằm tháng tư, ngày Phật đản sanh, đến rằm tháng bảy, lễ Vu Lan).

Hòa thượng ngồi trên trường kỳ ở phòng khách tầng, bên hông phải của chánh điện. Thầy tôi vào trước trình Hòa thượng. Hòa thượng bảo tôi đến gần. Tôi quỳ sát bên ngài để lắng nghe chỉ dạy. Một tay xoa đầu tôi ngài nói:

"Đáng khen, đáng khen! Con giỏi lắm. Tuổi nhỏ mà đã phát chí xuất trần là việc hy hữu. Thầy hy vọng con đủ chí đủ lực để đi trọn con đường mà chư Phật chư Tổ soi mở. Xuất gia là gì? Tổ Quy Sơn có nói, 'phù xuất gia giả phát túc siêu phương, tâm hình dị tục, thiệu long thánh chủng, chấn nhiếp ma quân...' nghĩa rằng, người xuất gia là kẻ cất bước hướng tới một vòm trời siêu tuyệt với tâm tính và hình dung khác với thế tục, để tiếp nối và làm hưng thịnh cho giòng giống của Phật Thánh, làm kinh động và thu phục ma quân. Con đường xuất gia chí thượng cao cả như vậy, con phải nỗ lực, quyết tâm mới thành tựu được sự nghiệp."

Tôi cúi lạy Hòa thượng mà ứa nước mắt. Tôi khóc. Tôi chẳng hiểu vì sao tôi khóc. Lời lẽ của vị hòa thượng già mới lần đầu tiên được bá kiến tôi nghe như âm vang thân thuộc vọng về từ một tiền kiếp xa xưa nào. Nghe như có tiếng chuyển động âm ỉ của sóng, của nước, vỗ vào bãi tâm hoang sơ của tôi.

Thầy Hải Tuệ bảo tôi lạy tạ Hòa thượng. Tôi cùng mẹ quỳ lạy ngài ba lạy nữa rồi lui ra. Trở lại phòng khách, tôi gặp hai chú tiểu đang ngồi cầm kinh nhật tụng,



vừa học vừa giỡn. Thấy thầy Hải Tuệ bước xuống, hai chú lẳng ra xa, làm bộ cầm cúi đọc to tiếng lên. Thầy vào phòng khoác y áo chuẩn bị làm lễ. Trở ra, thầy bảo các chú tiểu hướng dẫn tôi mang hành lý vào phòng dành cho các chú tiểu. Hai chú đưa tôi đi vòng sau dãy nhà thờ các vị Tổ sư, Tăng Ni đã viên tịch, nằm đầu lưng với nơi thờ Phật nên gọi là *hậu tổ*. Rồi vào một dãy phòng sát hông trái với chánh điện là phòng dành cho các chú tiểu. Chỉ có bốn cái đi-văng (ở chùa gọi là cái đơn tức là cái giường nhỏ chỉ nằm được một người). Một chú bảo tôi cứ để hành lý ở đầu một cái đơn, chuyện ngủ ở đâu thì tôi có thầy quản chúng sắp đặt. Cất hành lý xong, tôi lại theo các chú trở ra phòng khách. Lúc này, thầy đã vào nhà hậu tổ rồi lên trai đường làm lễ. Mẹ và các chị em của tôi cũng theo các Phật tử khác đi lạy cúng trai tăng ở trai đường. Tôi ngồi lại với hai chú tiểu ở phòng khách.

Hai chú tiểu đều nhỏ tuổi hơn tôi. Một chú tên Dũng, một chú tên là Sung. Chú Dũng nhỏ thua tôi một tuổi. Chú Sung nhỏ thua tôi hai tuổi. Chú Dũng là đệ tử của thầy Phước Châu, vị thầy giữ chức quản chúng của Phật học viện--vị quản chúng thường là một vị thầy trẻ tuổi, gần gũi học chúng, chịu trách nhiệm phân công, điều hành những công tác và sinh hoạt thường nhật của học tăng, làm viên gạch nối giữa ban lãnh đạo Phật học viện với các học tăng này. Chú Sung là đệ tử của thầy Hải Tuệ, tức là cùng một thầy với tôi--trong chùa gọi là huynh đệ đồng

sư. Chú Dũng cao, ốm tong ốm teo, hai tay hai chân dài như vượn. Mặt chú dài, cằm nhọn, miệng cười rộng sát mang tai, mắt sáng long lanh, hai tai to vênh ra như tai dơi. Chú Sung gọi chú Dũng là *Dũng cò*, có khi gọi là *Dũng ròm*. Chú Sung thì thấp người, da dẻ đen sạm trông răn chắc như dân làm ruộng ở quê lên. Mặt chú tròn vin, miệng nhỏ môi mỏng, hai mắt to tròn, sáng và lộ ra như hai trái nhãn. Đáp lại chú Sung đã gọi mình là *Dũng cò*, chú Dũng gọi chú Sung là *Sung mèo*--có khi gọi tắt hơn: *mèo*, chắc là nói gọn cho Sung mắt mèo.

Tôi ngồi nơi phòng khách với hai chú mà chẳng biết nói gì. Các chú cũng chẳng biết nói gì với tôi nên cứ giỡn với nhau để tôi ngồi trơ đó mà ngó, mà nghe. Hai chú thật liếng thoăn, lẳng xẵng, đứng ngồi không yên. Tâm tư tôi lúc đó hãy còn bập bùng kích động bởi những lời dạy của Hòa thượng Từ Quang và thầy Hải Tuệ nên tôi không sao đùa giỡn và hòa vui được với các chú ngay. Tôi tự hỏi, khổng lẽ mai này mình lí lắc lí lười như mấy chú tiểu này sao? Phải có cái gì khác chứ? Sao các chú ở chùa mà chẳng có gì khác biệt với mấy đứa trẻ bên ngoài hết vậy kìa? Tôi không lớn hơn các chú bao nhiêu, vậy mà tôi bỗng trở nên ông cụ, ngồi im mà nhìn bầy trẻ đùa giỡn. Một chặp, hai chú rủ tôi xuống nhà bếp ăn cơm. Tôi miễn cưỡng bước theo.

Giữa nhà khách và nhà bếp có hai phòng ăn nhỏ để dọn cơm cho các chú tiểu và thập phương bá tánh. Chú Dũng bảo tôi ngồi đợi ở phòng ăn này. Hai chú xuống bếp kiểm cơm thể nào đó



mà bung lên nguyên một mâm với ba thau cơm thật bự. Không phải là các thau đầy cơm, chỉ lưng thau thôi. Món mít kho, món cải xào với đậu hủ và món canh rau muống cũng đổ chung vào đó. Chú Dũng đưa tôi một thau cơm, chú và chú Sung mỗi người một thau khác. Tôi ngán ngẩm bung thau cơm đồ sộ lên, nhìn hai chú ấy bắt đầu ăn mà thấy khiếp sợ. Đã vậy, trong thau chỉ có vật dụng duy nhất để múc ăn là cái vá thật lớn mà người ta dùng để xúc cơm chứ không phải là cái muỗng nhỏ. Thật khó cho tôi phải ăn bằng cái vá xúc cơm với một thau cơm bành ki như vậy. Nhưng tôi phải ăn thôi. Tôi nghĩ bụng chắc mấy chú tiểu ở đây đều ăn kiểu đó. Các chú được chùa dạy cho chuyện ăn uống như là chuyện chẳng quan trọng gì nên ăn sao cũng được, chẳng cần thứ lớp ngăn nắp hay bày biện lễ nghi gì cho mệt. Thì thôi, các chú ăn được thì tôi cũng phải ăn được. Vậy là xúc cơm ăn ngon lành. Hai chú xúc cơm ăn ào ào, thau muỗng chạm leng keng, lộn cổn. Chỉ một thoáng là thau cơm của hai chú cạn lảng. Tôi đâu có đuổi theo kịp. Dù sao cũng là người mới đến, tôi ăn chậm rãi, từ từ mà xúc, cố gắng đưa cơm và đồ ăn vào miệng sao cho gọn, đừng đổ vãi. Hai chú ăn rồi, ngồi chờ tôi một chút, thấy lâu quá, bèn đứng dậy trước, bỏ tôi ngồi một mình. Cũng may phòng ăn lúc đó chẳng có ai. Mọi người đều đi làm lễ. Buổi cơm chay đầu tiên cho ngày xuất gia thấy lạ miệng, thật ngon nhưng hơi ngộ nghĩnh vì thau cơm và cái vá trông khiếp quá.

Tôi đang ăn đến vài muỗng cuối cùng thì có một thầy trẻ từ đâu đi tạt ngang. Sau này tôi biết là không phải tất cả quý thầy đều

đi làm lễ, mà phải có một vài thầy ở ngoài để trực, coi chùa, tiếp khách, dọn dẹp trai đường v.v... Thấy tôi ngồi ăn bằng thau với cái vá xúc cơm to bự như thế, thầy tức cười dùng lại nhìn, hỏi han. Tôi nói tôi mới đến chùa xuất gia hôm nay. Thầy hỏi tôi ai dọn cơm cho tôi ăn. Tôi thật thà nói hai chú Dũng và Sung. Thầy xuống gọi hai chú lên la rầy một lúc. Té ra không phải các chú tiểu ở đây ăn bằng thau và vá cơm lớn. Chỉ vì các chú lười biếng không chịu chờ đợi cô Bảy và chú Đông (những người làm công quả dưới bếp) rửa chén bát mà lấy đại những thau muỗng nào còn úp trong rổ. Cũng may thầy la trong giọng vui vẻ, chỉ nhắc các chú đừng lười biếng vậy thôi chứ không đánh phạt gì. Các chú không giận gì tôi chuyện đó, rủ tôi đi chơi. Tôi không biết tôi có được phép đi chơi với các chú không. Nhưng không theo các chú thì biết làm gì, ngồi đâu, đứng đâu, vì vậy cứ phải theo.

Các chú dẫn tôi lên tháp chuông cũ ở gần bệnh xá. Ở đây có gió mát rượi. Ngọn gió từ đâu nghe mát và mẩn mẩn như là gió biển. Chung quanh là những cây phượng vĩ to cao, hoa nở đỏ rực. Nhưng từ các ven rào cho đến các gốc phượng, tôi thấy nhiều cây xương rồng bò khắp leo lên cả những nhánh phượng trên cao. Dũng nói đó không phải là cây xương rồng mà là cây thanh long. Thanh long trên núi này mọc nhiều lắm. Loại này cũng dễ mọc nên có thầy chiết nhánh trồng thêm ở nhiều nơi quanh chùa. Lần đầu tiên tôi nhìn thấy thanh long đó chín trên cây. Nhưng thanh long là loại trái cây ngọt lở lợ mà lại đầy hột nên tôi không bao giờ có hứng thú để ăn. Dù vậy, kèo hái thanh long

với các chú thì cũng thích thật. Dũng và Sung bẻ cây táo nhọn ở ven rào để làm sào. Các chú bứt các dây leo quanh đó để buộc một cái ngàm thật chắc ở đầu sào. Có sào rồi, chú Sung leo lên một cây phượng gần tháp chuông. Chú Dũng và tôi đứng dưới ch緣 cây sào lên và chỉ cho chú Sung thấy những trái thanh long ở đâu. Dũng đang chỉ chỗ la hét như vậy bỗng xuyt một tiếng, kéo tôi núp vào sau tháp chuông.

Tôi hỏi nhỏ chú Dũng:

"Sao vậy? Tại sao phải trốn?"

"Xuyt có thầy nào đi ngang kia."

"Thầy thì sao, bộ thầy không cho mình hái trái sao?"

"Không. Xuyt!"

Trong khi tôi và chú Dũng im lặng trốn nấp thì chú Sung ở trên cây không biết, cứ tiếp tục la hét ồm ồm:

"Đâu có thấy trái nào đâu? Chỉ coi. Dũng!"

Vị thầy kia đi ngang nghe được tiếng chú Sung trên cây thì ghé lại, đứng dưới gốc cây phượng chỉ lên, nói:

"Kia, một trái đỏ loét kia!"

Chú Sung ở trên cây nghe tiếng người lớn thì hết hồn, tụt mau xuống định trốn. Cũng may thầy kia hiền quá, chỉ đứng ngó chú Sung mà cười. Rồi thầy bảo cứ hái đi, thầy chẳng mét ại đâu. Nói xong thầy đi mất. Lúc đó Dũng mới kéo tôi rời khỏi chỗ nấp để trở lại với chú Sung. Nhưng tôi không thích chơi trò hủ tìm nữa. Tôi không thích hái trộm một thứ trái mình chẳng thích, chẳng ăn, để rồi mang tiếng nghịch ngợm. Dũng và Sung tiếp tục hái, tôi đứng gần đó hỏi:

"Tại sao thanh long mọc nhiều quá mà mình không được hái, thấy mấy thầy lại trốn. Bộ chùa cấm hái trái cây sao?"

"Đâu có, ở đây thiếu gì trái! Ồi, xoài, mít, mãng cầu xiêm, mãng cầu gai, ô-ma, sa-bô-chê... tùm lum hết, muốn ăn thì hái ăn, đâu có ai biết. Nhưng hái thanh long thì hái những trái mọc hoang ngoài núi chứ hái khu vực này không được vì trái ở đây là để dành cúng Phật. Cúng xong là dọn cho đại chúng dùng."

"Mình có phải đại chúng không?"

"Đại chúng chắc là nói mấy thầy lớn. Nhưng tui mình cũng ăn ké đại chúng được. Cũng như ăn cơm vậy thôi, đâu phải đại chúng có cơm còn mình không có."

"Vậy thì hái làm chi, chờ mấy thầy cúng Phật xong rồi ăn. Còn không mình ra ngoài núi hái, đừng



hái ở đây bị la đó.”

Dũng cười nói:

“Trời ơi! An thanh long mà chờ! Bây giờ mấy thầy đang làm lễ thì mình hái chớ. Còn ra ngoài núi cũng chưa chắc là có trái. Có bao nhiêu người ta ở dưới núi cũng lên hái hết trơn rồi đâu để tới phiên tụi mình.”

Sung ở trên cây cũng tiếp lời:

“Thanh long dọn trên bàn ăn, mỗi người được một miếng chớ mấy. Hái ngoài này ăn đã hơn.”

Nói đến đó thì Sung cũng vừa khều được một trái thanh long lớn.

Chú Dũng đứng dưới đón lấy. Hái đủ ba trái, Sung leo xuống. Cả ba chúng tôi đi tìm chỗ mát và kín để ngồi ăn. Tôi chỉ ngồi ngó hai chú ăn chứ không ăn được thứ trái cây này. Thanh long chín đỏ, lột vỏ dễ như lột vỏ chuối. Hai chú ngồi ăn ngon lành. Trái còn lại, hai chú lại chia nhau ăn. Ban đầu thấy hai chú hăm ăn quá tôi hơi nản. Nhưng chỉ sau một lúc, tự dưng tôi thấy vui lây.

Lâu nay tôi cứ ngỡ một chú tiểu ở chùa thì phải đạo mạo, lim dim như một chú tiểu đồng hầu

hạ tiên ông ở cõi tiên. Tôi ngỡ rằng những chú tiểu ở chùa sẽ không bao giờ có các trò chơi, các thú vui và những ham thích mà những đứa trẻ ngoài đời đang có. Từ những ngày biết mình sắp xuất gia, tâm tư và phong cách của tôi đã có vẻ như sẵn sàng để chịu đựng và thích nghi với cuộc sống khuôn khổ, nề nếp của cửa chùa mà mẹ tôi và các sư cô ở chùa sư nữ có nói trước. Tôi cứ nghĩ là ngay ngày đầu tiên bước vào chùa là tôi đã trở thành một tu sĩ, chấm dứt mọi thói đời. Bây giờ, ngồi cạnh hai chú tiểu này, tôi mới thấy rằng, con đường xuất gia cao đẹp lắm, nhưng cũng phải bước đi bằng những bước bình thường. Không phải ai ở chùa cũng đạo mạo, uy nghiêm. Trước mắt tôi là hai chú tiểu, chỉ khác với những đứa trẻ bên ngoài ở hình thức. Tâm tư tôi lúc ấy giống như tâm trạng của một con chim đã chui vào lồng nhưng thấy cửa lồng không đóng, nó nhảy vô nhảy ra, chưa biết làm gì. Vừa hân hoan, vừa hụt hẫng. Thôi thì các chú sống sao mình sống vậy.

Tôi phải sống với lứa tuổi của tôi.

Vĩnh Hào

(còn tiếp)



KHÓA TU HỌC PHẬT PHÁP BẮC MỸ LẦN THỨ V (2015)
SẼ ĐƯỢC TỔ CHỨC tại TOWN AND COUNTRY RESORT HOTEL
500 HOTEL CIRCLE NORTH, SAN DIEGO, CA 92108
TỪ NGÀY 06 ĐẾN 10 THÁNG 8 NĂM 2015



TRỞ VỀ MỤC LỤC

Giáo Hội PGVNTN Hoa Kỳ và CĐ Phật Giáo Nam California Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản 2015

Fountain Valley, California (Bình Sa) — Tại Mile Square Regional Park, thành phố Fountain Valley, Nam California. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ, Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam Nam California đã long trọng tổ chức Đại Lễ Phật Đản Phật lịch 2559 -2015. trong ba ngày từ Thứ Sáu ngày 15, Thứ Bảy 16 và Chủ Nhật 17-5-2015 với sự tham dự hàng trăm Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni và hàng ngàn đồng hương Phật tử.

Chương trình đại lễ bắt đầu vào lúc 6 giờ chiều thứ Sáu, 15 tháng 5, 2015 với nghi thức Đại Giới Đàn Cầu Siêu cho hương linh các Quân, Dân, Cán, Chính VNCH đã hy sinh vì tổ quốc và đồng bào đã tử nạn trên đường vượt biên, vượt biển tìm tự do. Trước khi vào lễ trai đàn một chương trình văn nghệ đặc sắc cúng dường Phật Đản do các nam nữ nghệ sĩ Phật tử trình diễn.

Thứ Bảy, 16 tháng 5, từ 12 giờ trưa, đoàn xe diễu hành chào mừng Đại Lễ Phật Đản gồm đoàn xe mô-tô do Luật Sư Đỗ Phú hướng dẫn, đi đầu có 5 xe Jeep quân lực Việt Nam Cộng Hòa đoàn xe diễu hành mỗi xe có cắm quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa, Phật Giáo Kỳ, đoàn xe bắt đầu từ khu Phước Lộc Thọ, chạy vòng quanh Mile Square Park và sau đó vào lễ đài trong tiếng vỗ tay vang dội của chư tôn đức và đồng hương Phật tử đứng hai bên đường chào mừng đoàn xe, tiếp theo có phần diễu hành xe đạp vào khán đài chính trước khi nghi thức cắt băng khai mạc lễ đài.

Đúng 3 giờ chiều, Thượng Tọa Thích Tâm Bình Phó Trưởng Ban tổ chức cung thỉnh chư tôn Giáo Phẩm, Chư tôn đức Tăng Ni từ Kỳ Viên Tịnh Xá quang lâm lễ đài để cắt băng khai mạc lễ đài, Trong số Chư Tôn Giáo Phẩm có: Hòa Thượng (HT) Thích Phước Thuận (thành viên Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTNHNK; HT Thích Tín Nghĩa, Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTNHNK); HT Thích Nguyễn Trí, Phó Chủ Tịch Nội Vụ HĐĐH/GHPGVNTNHNK; HT Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký HĐĐH / GHPGVNTNHNK; HT Thích Nhật Quang, Phó Tá Phó Chủ Tịch Nội Vụ GHPGVNTNHNK; HT Thích Thông Hải Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội, GHPGVNTNHNK; HT Thích Tâm Vân, thành viên HĐGP GHPGVNTNHNK; HT Thích Minh Mẫn, Viện Chủ chùa Huệ Quang, TT Thích Minh Dung Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Văn Hóa, GHPGVNTNHNK; TT Thích Nhật Huệ, Tổng Vụ Phó Tổng Vụ Từ Thiện Xã Hội, GHPGVNTNHNK; Thượng Tọa Thích Thánh Minh, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Cư Sĩ GHPGVNTNHNK, Đạo Hữu Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê, Tổng Vụ Trưởng Tổng Vụ Pháp Chế cùng hàng trăm chư tôn đức tăng Ni. Và đồng hương Phật tử.

Trước khi vào lễ trong phần pháp thoại, Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu cho biết: *"Cứ mỗi năm Phật Đản lại về, ai trong chúng ta cũng đều hân hoan, nô nức chào mừng ngày Đức Phật Đản Sinh, thì nơi đây, trong dòng lịch sử Phật Giáo VN hai nghìn năm qua cũng bước theo con đường của chư vị Lịch Đại Tổ Sư đã đi, 2000 năm lịch sử của Phật*

Giáo VN và 40 năm lịch sử PGVN nơi hải ngoại." HT. tiếp: *"Ở nơi đây hình bóng chư tôn đức tăng già cùng toàn thể chư vị thiện nam tín nữ Phật tử trang trải tấm lòng quý kính của người con Phật mến thương để hân hoan chào mừng mùa Phật Đản, Phật Lịch 2559. Cộng Đồng Phật Giáo miền Nam California cùng với GHPGVNTNHNK trang trọng thiết trí lễ đài để làm lễ chào mừng ngày Đức Phật Đản Sinh."*

Tiếp theo Hòa Thượng Thích Nguyên Trí Trưởng Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản trong lời phát biểu HT. đã nói, *"Ngày hôm qua mưa kinh khủng, gió kinh khủng nhưng các Thầy, các Cô vẫn chiến đấu với thiên nhiên, và nhờ ơn Đức Phật, Ngài thấy đàn con Ngài cảm động quá, Ngài làm cho tất cả thần mưa, thần gió phải dừng lại để trả lại trời quang mây tạnh mà tất cả chư tôn đức Tăng, Ni đã hết lòng phục vụ. Ngày hôm nay từ sáng đến giờ trời rất đẹp nên chư tôn đức và các cụ cao niên cũng đến, và tối hôm nay có buổi thắp nến cầu nguyện cho đồng bào tại Nepal, nơi Đức Phật ra đời vừa bị hai trận động đất liên tiếp chết hàng 10 ngàn người, và hôm nay cũng còn thời gian kỷ niệm 40 năm lưu vong, ngày mà đã làm cho chúng ta phải chịu cảnh tang thương, ly tán ngày đã làm cho chúng ta phải xa quê hương, chúng ta cầu nguyện cho quê hương sớm có tự do dân chủ, nhân quyền được tôn trọng, lãnh thổ, lãnh hải được vẹn toàn."*

Sau đó, HT Thích Nguyên Siêu cung thỉnh HT Thích Tín Nghĩa, HT Thích Phước Thuận lên ban đạo từ. Trong lời phát biểu, HT Thích Tín Nghĩa đã tán thán công đức của Giáo sư tiến sĩ Huỳnh Tấn Lê, người đứng mũi chịu sào cho buổi lễ này, "nhờ sự ngoại giao khéo léo của ông mà chúng ta có địa điểm tốt đẹp này để tổ chức." HT Thích Phước Thuận nói, "Chúng ta đến đây hôm nay cầu nguyện cho quê hương, cầu nguyện cho những người 40 năm qua đã bỏ mình nơi rừng sâu, biển cả và trên 10,000 người tại Nepal vừa bị thiên tai." Sau đó, HT Nguyên Siêu mời quý HT Thích Tín Nghĩa, Thích Nguyên Trí, Thích Phước Thuận, Thích Như Minh đồng khởi thân làm lễ cắt băng khánh thành lễ đài.

Trong lúc này hai nghệ sĩ Triệu Mỹ Ngân và Minh Hùng đã trình diễn bản Kính Mừng Ngày Đức Phật Đản Sanh thật xuất sắc.

Sau đó chư tôn đức Tăng, Ni lên lễ đài cử hành nghi thức lễ Phật do Hòa Thượng Thích Phước Thuận làm chủ sám.

Chương trình văn nghệ bắt đầu với vở tuồng cải lương "Cuộc Đời Đức Phật."

Tiếp theo vào lúc 7 giờ tối Lễ Hội Hoa Đăng để cầu nguyện cho thế giới Hòa Bình, chúng sinh an lạc, cho quê hương sớm có tự do dân chủ.

Chủ Nhật, 17 tháng 5 năm 2015 vào lúc 9 giờ sáng hơn 200 Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni vân tập về Kỳ Viên Tịnh Xá để tham dự lễ "Cổ Phật Khất Thực." Sau phần tác bạch của Ban tổ chức Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni lần lượt đi theo lối thiền hành chung quanh khu lễ đài để

đồng hương Phật tử cúng dường phẩm vật. Sau đó trở về lại Kỳ Viên Tịnh Xá thọ trai.

Đến 12 giờ trưa Nghi thức khánh đản chính thức cử hành với sự tham dự của hàng trăm Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni và hàng ngàn đồng hương Phật tử qua nghi thức Nam Tông và Bắc Tông, sau phần nghi thức là Lễ Tắm Phật được cử hành cho mọi người lần lượt lên tắm Phật.

Trong lúc này các em Gia Đình Phật Tử trình diễn vũ điệu "mừng Ngày Đức Phật Đản Sanh."

Tiếp theo lời kêu gọi cứu trợ động đất tại Nepal của HT. Thích Thông Hải, Tổng Vụ Trưởng và Thượng Tọa Thích Nhật Huệ, Phó Tổng Vụ Trưởng Tổng Hội Từ Thiện Xã Hội GHPGVNTN/HK.

Sau đó Hòa Thượng Thích Nguyên Siêu, Tổng Thư Ký Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK, nói về 40 năm tỵ nạn và Phật Giáo trên quê hương Việt Nam. HT. cho biết: *"Chủ đề mà ban tổ chức chọn cho Ngày Khánh Đản năm nay nói lên ý nghĩa mà hết thấy chúng sinh mong mỏi. Chủ đề cũng nói lên tình tự quê hương và dân tộc nhân 40 năm ngày người Việt phải lìa xa tổ quốc. Phật Giáo nay đã rõ nghĩa là một tôn giáo của hòa bình. Phật Giáo đi đến đâu là hòa quyền ngay vào dân tộc đó. Hôm nay chúng ta cùng nhau đón mừng Ngày Đức Phật ra đời, cũng là 40 năm chúng ta ly hương, chúng ta cùng nhau nhắc lại quê hương để tìm thấy trong tâm thức của người Việt luôn luôn nghĩ về quê hương, đất nước."*

HT. nhắc lại cả một lịch sử giữ nước của tiền nhân trong hơn 4,000 năm dựng nước trong đó Phật Giáo đã hòa quyền với dân tộc trên 2,000 năm. Gần đây nhất, cả một thế hệ trẻ Việt Nam trong QLVNCH đã chiến đấu anh dũng để bảo vệ tự do trong đó có tự do tín ngưỡng và bảo vệ Phật Pháp.

"Nay, lớp người di cư tỵ nạn đã thành công trên nhiều lãnh vực tại các miền đất tự do, chúng ta có còn nghĩ gì đến quê hương nghèo khổ không? Trong dòng lịch sử vừa qua, giới tăng lữ Phật Giáo khi ra được hải ngoại cũng không quên được quê hương, đã cùng nhau với sự trợ lực của đồng bào Phật tử mà xây dựng được những nơi thờ tự tu tập khang trang ở nhiều nơi trên thế giới, đặc biệt ở nơi mà người Việt tỵ nạn cùng nhất tâm kêu là thủ đô của người Việt tỵ nạn. Sự hoằng pháp của chư tôn đức tăng ni trong Phật Giáo ở hải ngoại đã làm cho Phật Giáo nở ra những đóa hoa vô ưu khắp những miền đất tự do, mang tinh thần hòa bình trong những giáo pháp nhà Phật cung ứng cho đời..."

Đúng 2 giờ chiều, nghi thức khai mạc chính thức bắt đầu. Sau phần nghi thức chào quốc kỳ Việt Nam Cộng Hòa, Phật Giáo Kỳ, Hoa Kỳ và phút mặc niệm. Tiếp theo "Liên Khúc Khánh Đản" do các em Gia Đình Phật Tử trình diễn rất đặc sắc.

Tham dự lễ Phật Đản năm nay ngoài quý chư tôn Giáo Phẩm trong Hội Đồng Giáo Phẩm, Hội Đồng Điều Hành Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất Hoa Kỳ còn có sự tham dự của Hòa Thượng Thích Chơn Thành, Phó Thượng Thủ Giáo Hội Phật Giáo

Việt Nam Trên Thế Giới; HT. Thích Viên Lý, Viện chủ chùa Điều Ngự; một số quý vị Chư Tôn Đức ngoại quốc và chư tôn đức Tăng Ni thuộc các chùa và Tự Viện Nam California, quý cơ quan truyền thông. Quan khách có Hội Đồng Liên Tôn gồm Linh Mục Mai Khải Hoàn, Hiền Tài Phạm Văn Khảm, Giáo Sư Nguyễn Thanh Giàu, Thượng Nghị Sĩ Tiểu Bang Bà Janet Nguyễn, và Phụ Tá DS. Nguyễn Đình Thức, Cựu Chánh Án Nguyễn Trọng Nho và phu nhân Giáo Sư Văn Bằng, Giám Sát Viên Quận Cam Luật Sư Andrew Đỗ, và Luật Sư Lê Công Tâm (Phụ tá GSV), Nghị Viên Thành Phố Fountain Valley ông Michael Võ và phu nhân, Thị Trưởng Thành Phố Westminster ông Tạ Đức Trí và Nghị Viên Diana Lee Carey, Nghị Viên Thành Phố Garden Grove ông Chris Phan, ông Phát Bùi và phu nhân, cô July Trần, đại diện Dân Biểu Liên Bang ông Alan Lowenthal, Bà Quyên Trần, đại diện cựu Thượng Nghị Sĩ Lou Correa, Chủ Tịch Cộng Đồng Người Việt Quốc Gia Hoa Kỳ, BS. Võ Đình Hữu...

Dược Sĩ Bùi Như Hải, Tổng Thư Ký Liên Đoàn Cư Sĩ và phái đoàn, ngoài ra còn có sự hiện diện của quý vị đại diện Đảng phái chính trị, quý vị đại diện các hội đoàn, đoàn thể... các cơ quan truyền thông.

Điều hợp chương trình Đại Đức Thích Hạnh Tuệ, Tiền Sĩ Huỳnh Tấn Lê, Kỹ Sư Bùi Thế Phát.

Mở đầu chương trình, HT. Thích Nguyên Trí, phó chủ tịch nội vụ Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK, viện chủ chùa Bát Nhã, Santa

Ana, Trưởng ban tổ chức, lên đọc diễn văn khai mạc. Trong diễn văn khai mạc có đoạn HT. nói: *"Ngày Khánh Đản năm nay diễn ra trong bối cảnh bất an trên thế giới. Bất an vì môi sinh, bất an vì khủng bố, chiến tranh, vì thiên tai, bão lụt, động đất. Ngày nào còn hận thù thì con người chưa thoát được tai nạn, luôn phải sống trong bất an. Hơn 2,000 năm trước đây, Đức Thế Tôn đã thể hiện làm người, hiểu được con người, ngài đã tu thành Phật và chỉ đường cho chúng ta theo mà cùng thành Phật."*

Hòa thượng nhắc nhở, *"Năm nay cũng là 40 năm chúng ta xa quê. Nhìn lại 40 năm qua cộng đồng người Việt tỵ nạn trên khắp thế giới đã thành công trên nhiều lãnh vực. Cộng đồng người Việt đã tiến được một bước dài do cặn cù, siêng năng, chịu khó và một khối óc minh mẫn. Bốn mươi năm qua cũng là một thời gian chúng ta cùng tranh đấu để cho Việt Nam được thịnh trị thanh bình."* Hòa Thượng kêu gọi, *"Hãy nâng cao ý thức tự tôn hơn nữa để thăng hoa, giác ngộ trong tình thân ái."*

Sau đó là phần phát biểu và tặng bằng tưởng lệ của quý vị dân cử, quý vị quan khách, các giới chức chính quyền như: Thượng Nghị Sĩ California Janet Nguyễn, Giám Sát Viên Orange County Andrew Đỗ, Nghị Viên Fountain Valley Michael Võ, Thị Trưởng Westminster Tạ Đức Trí, và các nghị viên hai thành phố Westminster và Garden Grove, đại diện các dân biểu liên bang và tiểu bang. Cộng Đồng, trong lời phát biểu quý vị cũng đã ghi nhận những đóng góp của Phật Giáo nói chung và cộng đồng Phật Giáo Việt Nam Nam Cali nói riêng cho nền hòa



bình của thế giới và cho cộng đồng trong những sinh hoạt chung. Một số quý vị dân cư đã trao bằng tưởng lễ đến Hòa Thượng Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK, Hòa Thượng Trưởng Ban Tổ Chức Đại Lễ Phật Đản 2015, Đạo hữu Quảng Phước Huỳnh Tấn Lê, Trưởng Ban Điều Hành Đại Lễ Phật Đản.

Tiếp theo lời chúc mừng của HT. Thích Tín Nghĩa Chủ Tịch Hội Đồng Điều Hành GHPGVNTN/HK. Có đoạn HT nói: "Cảm ơn Giám Sát Viên Andrew Đỗ và Nghị Viên Michael Võ đã nỗ lực giúp đỡ ban tổ chức rất nhiều trong việc tổ chức Đại Lễ Phật Đản tại công viên Mile Square Regional Park. Hòa thượng cũng kêu gọi sau ngày Khánh Đản, chư tôn đức tăng ni và Phật tử hãy nỗ lực tham gia vào công cuộc cứu trợ nạn nhân động đất ở Nepal, hiện đang được nhiều chùa tổ chức."

Tiếp theo Thông Bạch Phật Đản của HT. Thích Thăng Hoan, Chánh Văn Phòng Hội Đồng Giáo Phẩm GHPGVNTN/HK trong đó có đoạn HT. nói: "Trong giờ phút trang nghiêm tưởng niệm ngày Đản Sanh của Đức Từ Phụ Thích Ca Mâu Ni, chúng con xin nhất tâm đề đầu đàn lễ xứng tặn sự thị hiện hy hữu của bậc Đại Giác Thế Tôn giữa trần gian khổ lụy này..."

Năm nay, ngày đại lễ Đản Sanh của Đức Thế Tôn lại về trong bối cảnh đầy bất an và khổ não của nhân loại trước hiểm nguy trùng trùng của thiên tai và nhân họa, từ ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu đưa tới bão lụt, hạn hán, dịch bệnh, mùa màng thất thoát, thực phẩm thiếu thốn, đến nạn khủng

bổ hoành hành gây hoảng sợ khắp nơi, chiến tranh bùng nổ nhiều chỗ trên thế giới lấy đi sinh mạng của hàng ngàn người dân vô tội.

Trước bối cảnh bất an như vậy cho nên, Đại Lễ Phật Đản Phật Lịch 2559 do GHPGVNTN/HK và Cộng Đồng Phật Giáo Việt Nam Miền Nam California tổ chức năm nay lấy chủ đề "Phật Giáo và Hòa Bình." Cuộc sống ấm no hạnh phúc và hòa bình không những là ước vọng mà còn là mục tiêu theo đuổi chung của nhân loại. Nhưng hòa bình chỉ có thể trở thành hiện thực lâu bền khi mọi người đều xây dựng và phát triển trong mảnh đất tâm của mình những hạt giống trí tuệ, yêu thương, và từ bi. Đức Phật dạy rằng chỉ có lòng từ bi mới xóa bỏ được hận thù. Khi tâm còn sân si, hận thù thì dù sống ở đâu cũng có thể gây ra bạo động, xung đột và chiến tranh. Chiến tranh và khủng bố là tai họa và là sự phá hoại tất cả những công trình quý báu, trong đó đáng quý nhất là sự sống của loài người, của muôn loài chúng sinh..."

Cuối cùng Đạo hữu Phát Bùi thay mặt Ban tổ chức ngỏ lời cảm ơn Chư Tôn Giáo Phẩm, Chư Tôn Đức Tăng Ni, quý vị quan khách và đồng hương Phật tử đã đến tham dự ngày Đại Lễ Phật Đản năm nay và mời mọi người cùng thưởng thức chương trình văn nghệ do các nghệ sĩ tên tuổi tại Nam California đóng góp dưới sự điều hợp của MC. Đỗ Tân Khoa.

Đại lễ Phật Đản chấm dứt vào lúc 8 giờ tối cùng ngày.

Bình Sa
(Vietbao.com)



Đại diện một số chư tôn đức Tăng Ni chụp hình lưu niệm nơi lễ đài Phật Đản, PL 2559 (2015)



ĐÀ LẠT

*Tôi vẫn nhớ chiều tàn bên góc phố
Giọt nắng vàng yếu ớt lặn trên non
Ngoại ô buồn man mác tận tâm hồn
Đà Lạt nhớ, vẫn vương sầu lẻ bóng!*

*Giọt sương sớm trên cành còn lẳng đọng
Trên đỉnh đồi tia nắng chiều lung linh
Rừng thông vàng hé rạng ánh bình minh
Đà Lạt nhớ... lá bay chiều lộng gió!*

*Chú nai vàng lặng thềm đứng nhai cỏ
Quê hương mình là đó... Đà Lạt ơi!
Những đêm hè vắng vắng tiếng ru hời
Giờ xa cách, nghe tìm mình lạnh giá!*

*Đà Lạt đó... Đà Lạt là tất cả
Giọt lệ buồn nghe mặn thấm bờ môi!
Nỗi nhớ thương quê cũ đã qua rồi...
Lời kinh Phật đưa tôi về thực tại.*

DIỆU ĐỨC

